

VĂN ĐỀ

NGUYỆT SAN CHÍNH TRỊ KINH TẾ XÃ HỘI VĂN HÓA

Số 46

Tháng 5-197

bùi tường huân	1	đức phật, nhà đại cách mạng
viên linh	11	sinh nhật
vũ đình lưu	17	luật diển dịch gia tốc và luật lưỡng triển
nguyên đăng thực	25	văn hóa với xã hội
nguy ngữ	40	theo những đường bay đi xa
mang viên long	55	nắm mồ còn lại
du tử lệ	75	bước lên thêm đời
trần hoài thư	80	cõi mù tăm
vĩnh lộc	88	tàn cơn gió loạn

CHỦ NHIỆM SÁNG LẬP: **VŨ CÔNG TRỰC**
QUẢN LÝ: **Bà BÙI THỊ HÒA-KHANH**
BÀI VỞ GỬI CHO: **MAI THẢO**

Tòa soạn : 38, Phạm Ngũ Lão, Saigon

BÙI TƯỜNG HUÂN

đức phật nhà đại cách mạng

Khi chúng ta nói tới Đức Phật, và ghép theo đó danh từ «Cách Mạng», chúng ta có thể có cảm tưởng là có điều gì không thích hợp, có điều gì mâu thuẫn. Vì thường chúng ta vẫn được nghe vì coi đời là bề khổ, là đầy phiền não, Đức Phật dạy cho chúng sinh con đường giải thoát. Và vì vậy chúng ta thường tưởng rằng Đạo Phật lấy chủ nghĩa xuất thế làm chủ, muốn xa lánh cõi đời và coi cuộc sống tại thế giới Ta Bà này một sự trầm luân.

Trái lại, danh từ «Cách Mạng» lại có nghĩa là lao mình vào cuộc sống để tìm cách thay đổi định mạng, thay đổi đời sống của con người, của xã hội, để cho tốt đẹp hơn.

Nhưng sự thật, nghĩ rằng Phật giáo là một tôn giáo thoát ly, không coi trọng thế giới loài người, là một điều lầm lớn. Chính Đức Phật đã nhiều lần đề cao thế giới loài người, Ngài thường nói rằng «Thân con người là một quả báo rất khó được, một khi mất đi, ngàn kiếp không lấy lại được.» Hơn nữa chính Ngài đã dạy: xã hội loài người là kết quả của «Thập thiện bậc Trung». Do đó Ngài đã công nhận tư cách cao quý của con người. Thật vậy, Phật giáo tuy một mặt cho rằng đời là bề khổ nhưng đồng thời thừa nhận cuộc đời có một ý nghĩa rất sâu xa. Không những thế Phật giáo còn cho rằng con người được sinh ra đời là một

dịp may hiếm có, một « cơ hội ngàn năm một thuở ». Trong Kinh Phật thường nói : ! « Nhân thân nan đắc, Phật pháp nan phùng (thân người khó được, Phật pháp khó gặp) để nói lên cái cơ duyên hy hữu này.

Sinh vào thế giới loài người không những là điều may mắn hơn là sinh vào thế giới A-tu-la, Ngã quỷ (trong đó chỉ có khổ đau), mà lại còn may mắn hơn cả là sinh vào thế giới chư thiên, (trong đó chỉ có khoái lạc hoàn toàn.) Khổ đau hoàn toàn cũng như khoái lạc hoàn toàn không thể giúp đỡ cho ai tiến bộ, nhưng trong thế giới loài người bởi sung sướng và khổ đau sống chung lẫn lộn, con người mới có cơ hội để mà phấn đấu, mới có thể nỗ lực vươn lên để mở ra một con đường tiến triển.

Ngoài ra chúng ta cũng nên nhớ rằng khi Đức Phật giảng pháp về Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo v...v... là giảng pháp cho những vị Thanh Văn, Duyên Giác là những Vị đã bỏ ra nhiều năm tu tập, có một trình độ hiểu biết vượt lên trên sự hiểu biết của những kẻ bình thường.

Còn đối với những con người, như phần đông chúng ta, Đức Phật không bao giờ dạy Đời là bể khổ, không bao giờ dạy chúng ta phải thoát ly, trái lại Ngài dạy chúng ta phải sửa mình, sửa xã hội để làm cho cuộc sống tại thế giới này ngày tốt đẹp hơn. Nói tóm lại, Ngài dạy chúng ta làm Cách Mạng.

Vậy Cách Mạng là gì ?

Trong tập « Thái Hư toàn thư » bài « Sự Cách Mạng của Đại Thừa » Thái Hư đạo sư đã định nghĩa Cách Mạng tức là « *Cách bỏ sinh mạng chúng sanh mà thể hiện sinh mạng Phật đà* ». Trong định nghĩa này, chúng ta nhận thấy hai ý nghĩa : một là thay đổi vận mạng, hai là sự giải thoát. Ý nghĩa thứ hai tức là sự giải thoát, có tính cách quá cao, vượt khỏi trình độ hiểu biết của đa số, nên chúng tôi xin phép hạn chế sự suy nghĩ trong phạm vi Cách Mạng tức là « thay đổi vận mạng » và chỉ đưa ra vấn đề theo giáo lý « nhân thừa » tức là liên hệ tới con người, liên hệ tới xã hội của con người mà thôi.

Sự suy nghĩ của chúng tôi nhằm vào hai điểm lớn. Đó là tư tưởng Cách Mạng của Đức Phật và chủ trương Cách Mạng

của Đức Phật. Sự suy nghĩ trên cùng sẽ đến một vài ý tưởng kết luận.

TƯ TƯỞNG CÁCH MẠNG CỦA ĐỨC PHẬT.

Theo lý luận Mác xít thì tư tưởng của một con người được cấu tạo nên bởi những điều kiện kinh tế, kỹ thuật, xã hội, nghĩa là bởi những hạ tầng cơ cấu bao bọc con người. Lý luận này đúng một phần nào đối với những con người thông thường, dù có thông minh đi nữa như là Các Mác chẳng hạn ; Các Mác khi cấu tạo ra thuyết Mác xít chính đã bị hoàn toàn chi phối bởi những điều kiện kinh tế, xã hội của thế kỷ thứ 19 bên Tây Âu, nhất là bên Anh quốc.

Nhưng Đức Phật là một Vị Đại giác Ngộ, tư tưởng của Ngài không phải chỉ hạn chế vào xã hội Ấn độ cách đây hơn 2.500 năm mà vượt khỏi thời gian cũng như không gian để mà như lời Thầy Tăng Triệu đã nói : « Công truyền muôn đời mà vẫn thường còn, đạo thông vạn kiếp mà càng thêm vững ».

Vì vậy tôi nghĩ không cần đi sâu vào chi tiết để tìm hiểu xã hội Ấn độ trong thời Phật còn tại thế, mà tìm ngay những tư tưởng cách mạng của Ngài, vì những tư tưởng đó lúc nào cũng vẫn có tính cách thời sự.

Trước hết là Đức Phật đã đem lại cho con người lòng tự tin ở khả năng cách mạng của mình.

Theo Ngày Long Thọ cho biết thì ngay sự giảng sinh làm thân người của Đức Phật cũng đủ chứng minh tư cách cao cả của con người. Đức Phật giảng sinh làm thân người để chứng tỏ rằng con người, tất cả mọi người, đều có khả năng tiềm tàng để phấn đấu, để vươn lên, chứ không phải chỉ riêng những vị thần, vị thánh, Trời hay Phật, mới có thể làm được những việc phi thường.

Ngoài ra, trong Kinh Trung A hàm, Đức Phật đã dạy như sau :

« Nếu ai nói một cách đường dẫn, nói một cách không phải là lời nói thuộc ảnh hưởng của sự ngu si, thì người nói rằng : con người sinh ra thế gian này, tất cả đều có khả năng vươn lên

(Tối thắng), không thể bị đau khổ hay khoái lạc nhận chìm; Người nói điều ấy chính là tôi đây. Tại sao? vì tôi nói một cách không bị ảnh hưởng của sự ngu si thì tôi nói rằng con người sinh ra thế gian này tất cả đều có khả năng vươn lên, không thể bị đau khổ hay khoái lạc nhận chìm ».

Tư tưởng cách mạng thứ hai là Đức Phật bác bỏ thuyết Định mệnh. Ngay trong thời nay nhiều người vẫn thường tin rằng một khi số trời đã định, mình thay đổi làm sao được. Đức Phật đã hoàn toàn đả kích tinh thần chủ bại này.

Mặc dầu chủ trương rằng nguyên nhân chánh tạo nên những sự chênh lệch trong đời sống là sự khác biệt giữa cái nghiệp của chúng sinh, Phật giáo quả quyết rằng do nghiệp nghĩa là do nhân quả. Nhưng nhân quả có 2 phần : phần thứ nhất, gọi là Di Thực, nói về kết quả của những hành vi quá khứ, phần thứ 2, gọi là Sĩ Dụng, tức là kết quả của nỗ lực hiện tại. Đức Phật ít chú trọng tới phần Di Thực mà rất chú trọng tới phần Sĩ Dụng. Điều này chứng tỏ rằng Đức Phật rất quan tâm đến nỗ lực của con người có thể làm thay đổi được định mệnh của mình. Thật vậy, Đức Phật đã dạy : « Nếu quả quyết rằng do những hành động trong quá khứ mà con người trở thành sát nhân, trộm cướp, dâm loạn, láo xược, thô lỗ, tham lam, xảo quyệt, hư hèn, thì ta sẽ có lý do để ỷ lại, dựa trên quá khứ mà không muốn thực hiện, không cố gắng thực hiện và cũng không thấy cần thiết phải thực hiện hay không thực hiện một hành động, dầu hành động ấy có đáng thực hiện hay không ».

Theo lý nghiệp báo, chúng ta nhất định không bị trói buộc trong một hoàn cảnh nào, vì nghiệp không phải là số mạng, không phải là Tiền Định an bài cho ta một cách bất khả kháng. Chính những hành động thiện hay ác của ta gây ra phản ứng lành hay dữ, và vì vậy chúng ta hoàn toàn tự do để tạo ra những phản ứng lành hay dữ, và vì vậy chúng ta hoàn toàn tự do để tạo ra những phản ứng mới thay đổi Nghiệp Lực theo ý muốn của chính chúng ta. Nếu chúng ta nhận thức rằng đến ngay Nghiệp Lực và chúng ta cũng còn thay đổi được, thì có lý nào mà chúng ta lại chịu bó tay, chịu bất lực trước những tình trạng xã hội hay chính trị mà chúng ta coi là xấu. Với ý chí, với sự đồng tâm nhất chí,

chúng ta quyết có thể tạo ra những hoàn cảnh tốt đẹp, điều đó chỉ tùy thuộc nơi ta mà thôi.

Tư tưởng thứ ba là sự bình đẳng của tất cả mọi người. Theo Kinh Trường A Hàm và Kinh Trung A Hàm, Đức Phật đã đề cao khả năng bình đẳng của loài người.

Đối với người đời, thì chỉ dựa vào giai cấp giả tạo mà định sự khác nhau giữa những con người. Còn đối với Phật thì sự khác nhau là do ở khả năng trí tuệ và hành vi.

Ngài đã dạy : « Ai cũng có thể đốt lửa, và lửa của ai cũng cùng một màu sắc, cùng một công dụng ». Lửa ở đây có nghĩa là lửa thiện hay lửa ác, hành vi thiện hay hành vi ác. Do đó Ngài bác bỏ thuyết phân chia giai cấp kỳ thị chủng tộc, kỳ thị địa phương, nâng cao quy chế của người phụ nữ và đả phá chế độ nô lệ.

Bác bỏ thuyết giai cấp. Ngài đã tuyên bố :

« Là cùng đĩnh không phải là do sanh trưởng
Là Bà La Môn không phải là do sanh trưởng
Do hành động người này là cùng đĩnh,
Do hành động người kia là Bà La Môn »

(Trích trong Đức Phật và Phật Pháp)

Sự bình đẳng giữa con người và con người, Đức Phật đã nói ra từ hơn 2.500 năm nay và những lời dạy đó vẫn giữ nguyên giá trị trong nhân loại ngày nay.

Tư tưởng thứ tư là sự cần thiết làm cách mạng của con người.

Tại sao? Bởi vì con người có những tương quan với nhau một cách tuyệt đối. Theo như thuyết Lục Phương, con người sinh ra đời, bắt buộc phải có liên hệ với những người trên mình, là những người đáng kính, những người dưới mình là những người đáng thương; bốn phía chung quanh là cha mẹ, vợ hay chồng, anh chị em, bè bạn, là những người thân thiết với mình. Tất cả từ 6 phương đó, mọi người đều giúp đỡ ta, thì cố gắng tạo ra những hoàn cảnh tốt đẹp là bổn phận phải có của ta.

Ngoài thuyết Lục Phương, Đức Phật lại nói về bốn phận của con người đối với cha mẹ, sư trưởng, xã hội và sự trị an. Đó là thuyết Tứ Ân.

Tóm lại thì không những Đức Phật dạy cho chúng ta biết là mỗi người chúng ta đều có khả năng làm cách mạng, mà cách mạng là một chuyện làm được, vì không có chuyện gì được an bài ấn định trước. Hơn nữa, không những chúng ta có khả năng làm cách mạng mà chúng ta lại còn có bổn phận làm cách mạng. Làm cách mạng theo chiều hướng nào? Đó là chiều hướng bình đẳng giữa loài người và tự do ý chí tại mỗi cá nhân.

CHỦ TRƯỞNG CÁCH MẠNG

Sự thật Đức Phật không vạch rõ ra một đường lối cách mạng, một chủ trương cách mạng. Ngài không dạy chúng ta phương pháp làm cách mạng và cũng không đưa ra những giải pháp gọi là cách mạng. Điều đó rất dễ hiểu, vì Đức Phật có óc thực tiễn hơn các nhà cách mạng chính trị khác. Ngài chỉ nêu ra nguyên tắc rồi để cho con người, tùy theo hoàn cảnh đổi thay trong không gian và thời gian, mà tìm ra những giải pháp thích hợp. Vì vậy cho nên tư tưởng cách mạng của Đức Phật không bị lỗi thời như đối với những nhà Cách mạng khác. Từ tư tưởng con người phải tự ý thức để thi hành nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, dù không đưa ra một chủ trương cách mạng, Đức Phật cũng dạy cho chúng ta những điều nên làm trong phạm vi chính trị, kinh tế, xã hội.

Trong phạm vi chính trị, tưởng như Đức Phật khuyến khích sự hình thành của một chính thể đại nghị. Quốc gia được quản trị bởi một cộng đồng biết giữ gìn những truyền thống và pháp luật tốt đẹp; người cầm quyền luôn luôn tham khảo ý kiến của dân chúng để đi đến chỗ đồng tâm nhất trí trong quốc gia.

Ý kiến trên có thể được chứng minh bởi 7 điều khuyên nhủ mà Đức Phật đã dạy cho dân tộc Bạt Kỳ (Vajji) tại chùa Giá Hòa La để kiện toàn quốc gia của họ. Truyện này được ghi trong Kinh Trường A Hàm.

Bảy điều đó như sau :

- 1) Phải luôn luôn tụ họp đồng thảo với nhau để bàn về chính sự.
- 2) Phải tụ họp nhau lại trong tinh thần đoàn kết, và trong tinh thần đoàn kết luận đàm về chính sự.

3) Phải tôn trọng luật pháp thuộc truyền thống tốt đẹp của quốc gia, không đặt ra những luật lệ mới một cách bừa bãi có hại cho truyền thống đó.

4) Kính trọng những bậc trưởng lão trong nước và nghe ý kiến của họ. Nghĩa là phải tôn kính những người hiểu biết về chính tình và tập quán trong nước và tôn trọng ý kiến của họ.

5) Không được áp bức phụ nữ làm việc dâm loạn.

6) Phải bảo hộ, tôn trọng và làm vẻ vang tôn miếu của họ, không xao lãng những nghi lễ cổ truyền. Tuy Phật giáo không coi việc sùng bái tôn miếu là trọng yếu, nhưng Đức Phật muốn dùng hình thức này để dạy con người sống trong vòng lễ độ.

7) Phải tôn trọng những Vị A-La-Hán và nghe theo lời giáo huấn của họ, nghĩa là phải tuân theo chánh pháp.

Bảy điều khuyên nhủ ở trên, tựu trung có mục đích kiện toàn một dân tộc. Trong 7 điều đó, thì điểm đầu khuyên những người dân phải luôn luôn họp nhau lại, thảo luận với nhau, để tìm ra những chính sách cho quốc gia. Chủ trương đó không phải là chủ trương một chính thể đại nghị hay sao?

Bàn về tư cách một nhà lãnh đạo, đúng hơn, một Vị Quốc Trưởng, Đức Phật nêu ra 10 điều nên tránh, vì chỉ cần phạm vào một trong những điều này thì chắc chắn nước sẽ mất, mạng sẽ vong. Mười điều đó đã được ghi như sau ở trong Kinh Tăng Nhất A Hàm.

1) Tính chất thiên cận của Vị Quốc Trưởng, chỉ biết nhìn thấy lợi lộc gần mà làm những việc có hại cho tương lai.

2) Lòng tham lam và keo kiệt chỉ biết vơ vét cho nhiều mà không lo cho dân no ấm.

3) Không nghe những lời khuyên giác.

4) Bất bớ giam cầm phi lý, lấy điều phi pháp để trị dân.

5) Dùng những kẻ xiêm ninh và mưu đồ cùng họ.

6) Ham mê nữ sắc

7) và 8) thích rượu chè ca hát.

9) Do những điều 6, 7, 8 mà mất sức khỏe đi.

10) Không dùng những người có khả năng nhưng ngay thẳng. Mười điều nói trên là những điều mà Vị Quốc Trưởng không được phạm vào. Đó là khía cạnh tiêu cực của vấn đề. Tích cực,

Đức Phật đưa ra 1 Quốc Trưởng kiểu mẫu dưới hình thức Chuyển Luân Vương « Lấy chánh pháp mà trị hóa, không để cho những việc phi pháp xảy ra trong nước ».

« Lúc bấy giờ thì toàn thể thế giới thống nhất trong hòa bình. Lúc bấy giờ nhân dân đều no ấm, thóc lúa đầy đồng. Lúc bấy giờ thân thể con người không sinh bệnh tật, không tham dục, ngu si. Loài người bình đẳng, hòa hợp với nhau. Lúc bấy giờ châu báu đầy đường mà không ai thêm nhặt. Và nhân dân nói với nhau : Ngày xưa, vì những của báu này mà người giết người, giam cầm trong ngục, gây cho nhau nhiều khổ não. Còn ngày nay thì những châu báu này cũng như gạch ngói không ai buồn cất giữ ». (Tăng Nhất A Hàm)

Trong phạm vi kinh tế và xã hội, Đức Phật chủ trương phân phối tài sản một cách công bằng, chính trực. Ngài đã nói : « Bày việc tế lễ lớn, tốn tiền mà không ích lợi gì. Việc lợi ích lớn nhất là hãy làm cho tất cả dân chúng đều được ấm no ». Ngài khuyến khích sự giúp đỡ những ngành sản xuất và ngành thương mại. Ngài nói : « Giúp hạt giống cho người làm ruộng, giúp thực vật cho người chăn nuôi, giúp vốn cho người buôn bán ». Ngoài ra, Ngài cũng khuyến khích những việc công ích như đắp đường, bắc cầu, đào giếng, khai kênh, trồng cây trên các đường cái để lấy bóng mát, cất nhà nghỉ trên các chặng đường cho những khách bộ hành nghỉ chân.

Nói tóm lại, chủ trương của Đức Phật trong phạm vi kinh tế là tạo sự sung túc cho quốc dân. Vì dân có đủ ăn, đủ mặc, thì mới bớt làm điều phạm pháp và dễ trau dồi đạo đức cá nhân. Lập trường của Đức Phật về điểm này trái ngược hẳn với lập trường của St. Thomas d'Aquin, vì nhà học giả này chủ trương khinh khi tài sản. Đức Phật không có thóa mạ đồng tiền, vì tiền có thể giúp cho con người làm điều công ích, Ngài chỉ thóa mạ sự keo kiệt, biếng lận mà thôi. Trong Đại Tạng Kinh, tập 1, tr. 660, Trung A Hàm, Ngài nói : « Chính tiền tài sẽ đem lại danh dự tốt đẹp, sẽ làm cho con người hưởng được kết quả tốt đẹp ».

Trong phạm vi xã hội, tài sản tạo ra cần phải được phân phối một cách công bằng.

Trong phạm vi chính trị, Ngài chủ trương sự bình đẳng giữa loài người, sự tự do của cá nhân trong việc tham gia vào chính sự, và tư cách đạo đức của nhà lãnh đạo.

Tựu trung, tất cả chủ trương đó có mục tiêu dạy chúng ta nỗ lực xây dựng một xã hội càng tốt, đẹp, để cho đời bớt khổ thêm vui. Nhưng muốn xây dựng một xã hội càng ngày càng tốt đẹp, thì trước khi làm cuộc cách mạng xã hội con người càng phải làm cuộc cách mạng bản thân đã (Kinh Thiện Sanh, Trường A Hàm, Đại tạng Kinh). Khi con người đã làm được cuộc cách mạng bản thân rồi, con người đương nhiên trở nên hùng mạnh. Những người hùng mạnh, tụ họp nhau lại để theo đuổi một lý tưởng chung sẽ trở nên một lực lượng hùng mạnh vô biên để thi hành cuộc cách mạng trong xã hội. Sức mạnh này, không phải là bạo lực, mà là sức mạnh của tinh thần, của ý chí, sức mạnh của những người biết tổ chức và biết rõ những mục tiêu cần thực hiện. Còn nếu không biết tu tâm, không biết làm cuộc cách mạng bản thân, không biết tổ chức thì số người càng đông, lại càng chia rẽ, lại càng yếu vì mỗi cá nhân chỉ biết theo đuổi quyền lợi riêng tư của mình mà thôi.

KẾT LUẬN :

— Theo thiên nghĩ của tôi, thì :

1) Tư tưởng và chủ trương của Đức Phật từ ngàn xưa tới nay vẫn hợp tình, hợp lý, hợp thời.

2) Tư tưởng và chủ trương này không có điều gì là không tưởng, không có điều gì mà chúng ta không thể hoàn thành được, nếu chúng ta muốn.

3) Chủ trương của Đức Phật, ngày nay chúng ta thấy đã được thực hiện một phần nào, như bãi bỏ chế độ nô lệ, thành lập chính thể đại nghị, thể hiện ở một vài nơi sự bình đẳng giữa loài người, sự công bằng xã hội. Nhưng có điều là những tiến bộ này không bắt nguồn từ một cuộc cách mạng bản thân mà do sự đụng độ giữa những thế lực chống đối nhau, trong một tinh thần hoàn toàn duy vật. Vì vậy cho nên không những thiên hạ không thái bình, mà trái lại, những cuộc đấu tranh, giết chóc lại càng trở nên dữ dội.

4) Đối với những người Phật tử chân chính, những tiêu chuẩn

làm cách mạng đã được Đức Phật vạch ra một cách rõ ràng. Dựa vào đó, chúng ta có thể phê phán mọi chủ thuyết và phương pháp gọi là cách mạng mà các phe nhóm loài người chủ trương. Cũng dựa vào đó chúng ta tạo ra sự liên kết và chủ trương cần theo đuổi để đả phá và nhất là xây dựng, nghĩa là làm Cách Mạng.

bùi tường huân

Ngày Phật đản

VIÊN LINH

sinh nhật

Hôm nay năm tận, Saigon
Tôi nghe khiếp hãi tâm hồn già nua
Hạt minh, con quỷ ban trưa
Tiệc mùa hoan lạc hái chưa đủ hời.

Hôm nay trời đất có tôi
Trên ba mươi tuổi làm người lãng quên
Xuân hồng, một góc thiếu niên
Năm năm mê mãi những miền hoài nghi

Trên ba mươi tuổi à lý
Đêm về kéo cửa ngày đi kiếm minh
Cảnh đời, một cõi u minh
Cảnh tôi thấp thoáng bóng hình những ai

U mê hết tháng năm dài
Chân trong lối kiệt hồn ngoài bến không
Hôm nay năm tận, bàng hoàng
Giục thêm tiệc rượu ngòm ngòm đĩa voi

Nhìn ra cảnh cõi, riêng tôi
Trong hiên viên phố thấy trời buồn lây

Trên ba mươi những năm gầy
 Thời gian cuộn cuộn từng giây trôi người
 Hôm nay sinh nhật tiệc tôi
 Giả vui ném chén coi đời như mơ

mưa, ngoài trời

Ngồi đây buổi sáng trong mưa
 Lung linh cảnh tượng mơ hồ tẩm thân
 Mưa rơi những hạt tann gần
 Hồn tôi tản mạn trong phần mộ ai
 Lá vàng, cộng úa trên cây
 Đời mưa tự những vùng mây thiếu thời
 Ngồi đây, ghé dựng da ôi
 Áo quan đóng xuống, đất trời nằm trên
 Mưa pha, người thấm ưu phiền
 Xương tẻ; thịt nhạt, ngoài hiên mù mù

Ngồi đây, cảnh vật dần lu
 Khoanh tay trước ngực tôi thu mình về.

.....

sinh thời

Tôi nhìn thấy tôi đi
 Đứng giờ chuông báo chết
 Tay mang theo vốn đời
 Tôi từ đây khánh kiệt,

Kẻ vắng mặt hôm nay
 Lúc sinh thời có đó
 Tuy dấu vết mỗi ngày
 Phai nét cùng bia mộ,

Ai cúi xuống nhìn tôi
 Chân tay như đã thú

Địa phủ cũng làm người
 Lia đời tôi vẫn sợ,

Sống như loài bò sát
 Nhìn lệch hướng thiên đường
 Niềm vui tôi dẫu thấp
 Nhưng lưng chẳng nằm ngang

Trong mỗi khối thịt xương
 Mấy linh hồn ẩn trú?

Chuông lễ đã reo inh
 Hồn cúi và thân lú.

Tôi vừa kể quãng đời
 Một người khi đã chết
 Ý có khác gì tôi
 Khác gì anh đổi lốt?

quên

1

Một chiều giống bão trí nhớ tôi
 Bị quật ngã trong hầm bóng tối
 Ngoài hơi đất lạnh kia
 Cuộc đời còn chi để nói
 Khung cửa ở trên đầu
 Hay tay mày trôi quật
 Uống công vùng vẫy suốt đêm thao

Kẻ nào giam hãm trí nhớ tôi
 Trong bốn tường kín mít
 Ồi rặng đông rặng đông
 Nở như hoa hồng em mới tặng
 Đêm nào đôi ta đi giữa phố
 Trong cơn mưa

Kẻ nào giam hãm trí nhớ tôi
 Giữa những bề vuông vắn
 Mắt nhìn thấy những gì
 Sự chấp choạng chung quanh
 Hay chính một đời người
 Vật vờ đôi cánh thật

Tôi thu thân làm con vật lưỡng hình
 Biến dạng trong cùng tận
 Trái tim tôi ở đâu
 Giữa ngực chim trên ngọn
 Hay trong lòng dơi mái ngói

Trái tim tôi ở đâu
 Trí nhớ nào đích xác

Ồi rặng đông rặng đông
 Nở như giận hờn em mới tặng
 Trong đời anh nổi giận khôn nguôi
 Chan hòa nước mắt

2

Tôi vừa thấy đầu đây
 Một hình bóng vội vàng
 Trên đường anh đi ngoài cỏ
 Có phải em lo lắng
 Hay anh bồn chồn đi kiếm gặp em

Lỡ chẳng gặp nhau như giờ đã hẹn

Mở cửa ngó ra ngoài ngõ vắng
 Trưa nay ràn rụa mặt trời

Ồi rặng đông rặng đông
 Đã quá đầu anh còn mãi ngó
 Xế dần trong mỗi phút phân vân

3

Mở cuốn sách cũ này
 Trang nào anh đã đọc
 Chữ nghĩa như hàm oan
 Bập bênh tường xác chết

Mở cánh cửa ngoài đường
 Cuộc đời nom ngáy ngất
 Cõi sống không buồn quay
 Ngần ngừ hồn tĩnh vật

4

Trí nhớ tôi là sợi chỉ màu
 Đóng tập vở mờ phai nét chữ
 Giữ từng trang giấy đã lem nhem

Em xơ xác giữa một chiều xũng nước
 Khóc òa anh giọng đĩa thâu thanh
 Xúc động rỉ mòn mũi kim sắt lứt
 Đời quay quanh những rãnh nhựa đun

5

Kẻ nào nhốt chặt trí nhớ tôi
Trong hộp nhạc chế sẵn.
Những âm thanh kim khí điên
Tung tóe như giấy vụn

Một lá thư tình viết hết
Em xé tan rời trong sự đứng đưng
Vắng mặt

6

Đêm hôm nay tôi đã thấy rồi
Trí nhớ
Tôi nhốt nó trong đầu
Đầu tôi trên bụng em
Tôi tìm đủ lại cả thân hình tôi tả
Ôm hôn em và nói yêu em
Em yêu dấu

Ồi rặng đông rặng đông
Nở như hoa hồng em mới tặng
Đêm nào đôi ta đi giữa phố
Trong cơn mưa

viên linh

VŨ ĐÌNH LƯU

luật diễn dịch gia tốc và luật lưỡng triền

Hiện tượng xã hội một kích thước ở bên Mỹ và hiện tượng xã hội không kích thước ở đây (1) hẳn phải làm cho chúng ta bận tâm. Xã hội học đã chú trọng đến những loại hiện tượng như thế và giải thích như sau :

Xã hội tiến triển theo những bước không có gì là nhịp nhàng và quân bình cả. Sự tiến triển quá đa về phương diện này thì lại bất cập về phương diện khác. Chỉ có những bước tiến thiên lệch như vậy chứ không có sự phát triển quân bình. Mỗi học giả suy diễn những hiện tượng ấy và tìm cách giải thích theo quan điểm riêng của mình.

Sau đây chúng tôi chỉ nói đến quan điểm của Bergson và Bouthoul.

Nói chung thì mọi khuynh hướng, mọi tín tưởng khi đã bén rễ xuống xã hội, đều lan rộng và ăn sâu theo nhịp độ gia tốc,

(1) Xin coi bài « xã hội một kích thước và xã hội không kích thước » Vấn Đề số 45 tháng 4-1971.

hậu quả mỗi ngày mỗi lớn, mỗi mạnh, có khi gây ra những thảm họa lớn. Những tiến trình xã hội là những tiến trình có tốc độ gia tốc. Khi đã chấp nhận một nguyên tắc nào thì người ta tìm cách áp dụng vào đủ mọi lãnh vực sinh hoạt trong xã hội. Thậm chí người ta đi đến chỗ lạm dụng nguyên tắc, áp dụng mù quáng và gây ra thảm họa. Hiện tượng ấy được nhà xã hội học Bouthoul gọi là « loi d'accélération déductive », xin dịch là luật diễn dịch gia tốc. (Sociologie dynamique. Payot, Paris) Thảm kịch xã hội phần nhiều là thảm kịch lạm dụng những nguyên tắc chỉ đạo. Các dân tộc suy vong vì lạm dụng nguyên tắc chỉ đạo, như Montesquieu đã nói.

Người xưa đã hiểu rõ thảm họa ấy cho nên sách Trung Dung đã dạy người đời phải « doãn chấp quyết trung ».

Về vấn đề lạm dụng nguyên tắc chỉ đạo và giữ đạo trung, cô học Trung Hoa lập ngân như sau trong sách Trung Dung « Thành giả, thiêu chi đạo giả; thành chi giả, nhân chi Đạo giả. Thành giả bất miễn nhi trung, bất tư nhi dĩ; thung dung trung đạo, thánh nhân giả. Thành chi giả, trạch thiệu nhi cổ chấp chi giả giả. »

« Thành là đạo của Trời. Có gắng cho thành là Đạo của người. Thành thì không khó nhọc mà làm trúng, không suy tư mà được. Thánh nhân mới thung dung trúng đạo. Người theo đạo thánh nhân chọn một đường hay rồi cố chấp theo mãi. »

Trước thế kỷ XX chúng ta đã dựa nền văn minh văn hiến của chúng ta đến chỗ bế tắc vì lạm dụng những nguyên tắc siêu hình như âm dương, ngũ hành, một số giáo lý Khổng Mạnh. Cơ cấu xã hội thời ấy là một mẫu xã hội một kích thước riêng một loại. Con người một kích thước ấy tự túc tự mãn và không muốn biết đến những gì xảy ra ở ngoài, ông cha ta gọi người Thái Tây là rợ Tây Phương. Nhưng bấy giờ không có một phương pháp phân tích phê bình để cho thấy thế nào là nếp sống một chiều, phải đợi đến lúc người Pháp sang, thực hiện sự phê bình bằng hành động cụ thể chúng ta mới tỉnh ngộ.

Ngày nay, trường hợp lạm dụng nguyên tắc chỉ đạo vẫn còn xảy ra cho dân tộc Hoa kỳ, một nước kỹ nghệ tiên tiến bậc nhất hoàn cầu. Theo sự phân tích của Marcuse thì người Mỹ đã lạm

dụng nguyên tắc ngoại quan behaviorisme, nguyên tắc thực dụng pragmatisme, lý luận duy thực nghiệm (positivisme). Xã hội tiến triển đến mức ổn định, sung túc vật chất, nhưng con người tù túng, mất hết tự do, con người bị điều kiện hóa, ăn, làm chơi như một cái máy, một bánh xe thoa dầu mỡ chơn chu của guồng máy sản xuất vĩ đại ở trong tay nhà cầm quyền. Con người một chiều ấy không có cái gì giống con người một chiều của nền văn minh nông nghiệp ở Việt nam. Bánh xe lịch sử chỉ lăn đi có một chiều, xe lịch sử không có số « de ».

Chúng ta nhận thấy tầm quan trọng của sự lạm dụng nguyên tắc chỉ đạo, nó làm cho xã hội tiến đến chỗ ngưng đọng và bế tắc.

Triết gia Bergson giải thích sự tiến triển của một xã hội bằng định luật lưỡng phân (loi de dichotomie) và định luật lưỡng triển (loi de double frénésie) (Les deux sources de la morale et de la religion, Bergson). Một khuynh hướng xuất hiện trong xã hội sẽ phân đôi để tiến triển, và tiến triển cho đến cùng chớ không thôi. Một ngành tiến mạnh hơn sẽ chèn ép ngành kia cho đến khi ngành kia ngóc đầu giậy được thì lại trở thành nổi bật. Xã hội trải qua những bước thăng trầm vì sự tác động của định luật lưỡng phân và lưỡng triển.

Sự phát triển có tính cách cuồng loạn của một ngành tách ra từ một khuynh hướng nguyên thủy như nói trên không phải cái gì khác nét biểu lộ của đa sống — đa sống bao trùm cả các giống vật chứ không phải chỉ có xã hội loài người. Trong từ ngữ của ông dùng : luật lưỡng triển (loi de double frénésie), chữ frénésie có ý nghĩa cuồng loạn. Chính nhờ sự cuồng loạn ấy mà người ta gạt hái được ý nghĩa sáng tạo tối đa về phẩm cũng như về lượng. « Sự thật thì một khuynh hướng có thể cho chúng ta hai cách nhìn khác nhau, khuynh hướng ấy chỉ có thể đạt được điểm tối đa về phẩm cũng như lượng nếu hai loại tiềm năng của nó phát ra thành thực tại sống động; mỗi loại sinh lực cứ thế tiến tới, choán chỗ của loại kia, trong khi loại kia âm thầm phát triển và vẫn đợi lượt mình hoảng triển, cụ thể hóa thành thực tại ». (Les deux sources de la morale et de la religion)

Xin mượn ý kiến của E. Mounier phân tích khái niệm nhân vị để làm sáng tỏ quan điểm của Bergson (Le Personnalisme Que sais-je ?). Sinh khí Ki Tô Giáo đem lại cho tư tưởng Âu châu một cái nhìn mới mẻ, con người muốn xác định mình là một cá vị tự do đối lập với thiên nhiên, không lệ thuộc vào thiên nhiên, họ biến hóa thiên nhiên để tạo ra một vũ trụ riêng biệt của loài người nổi bật lên trên thiên nhiên ấy. Đó là một chất men dẫn dắt lịch sử tiến tới trong chiều hướng xác định nhân tính và tạo dựng đời sống cụ thể, xa lìa ảo tưởng viển vông, ý tưởng xuất thế. Chúng ta quen gọi loại tư tưởng ấy là tư tưởng nhập thế.

Cũng trong chiều hướng tư tưởng nhập thế, đã xảy ra một cuộc xung đột tư tưởng với tư tưởng Hegel. Tư tưởng Hegel là tư tưởng hệ thống, hệ thống ấy làm tiêu tan thực tại cụ thể và con người cụ thể vào trong những khái niệm trừu tượng. Sinh khí Ki Tô Giáo hồi sinh để nuôi dưỡng tư tưởng chống hệ thống, nhưng khuynh hướng tư tưởng chống hệ thống (trùng tượng) đã phân đôi, một ngành đại diện bởi Kierkegaard, một ngành đại diện bởi Karl Marx. Kierkegaard chỉ chú trọng đến phương diện tinh thần và bệnh vực tự do trong quan niệm tuyệt đối. Còn Marx muốn một sự nhập thế triệt để, con người nắm vận mạng mình trong tay mình, họ phải bẻ gãy mọi xiềng xích để giải phóng hoàn cảnh nô lệ và giành lấy tự do vật chất.

Như vậy là theo luật lưỡng phân, một khuynh hướng nguyên thủy (tư tưởng nhập thế) chứa đựng cả hai chủ đề của Kierkegaard và Marx đã tách ra làm đôi. Từ đây hai ngành sẽ khai triển theo con đường của mình theo luật « diễn dịch gia tốc ». Ngành hiện sinh của Kierkegaard tiệm tiến; còn ngành Marx, như ta thấy, đã gây những cơn giông tố lớn lịch sử và bèn rẽ chắc xuống thực tế vật chất nhờ được suy diễn ra hành động, chúng ta thấy đầy đủ ý nghĩa cuồng loạn của sự phát triển theo luật « lưỡng triển » của Bergson. « Hai ngành chỉ có đi xa nhau mãi, và nhiệm vụ của thế kỷ này có lẽ không phải là chấp nối lại khi mà chúng không thể gặp gỡ nhau được nữa, nhưng phải đi ngược trở lại

nguồn gốc để thấy tính cách thống nhất của chúng trong một khuynh hướng nguyên thủy » — đây là tư tưởng nhập thế (Le Personnalisme, trg. 14). Chúng ta đứng trước hiện tượng biến chuyển tương tùy và đồng thời chứ không phải cái gọi là « chính đề, phản đề, tổng hợp đề » (biện chứng luận).

Những luồng tư tưởng ấy, tác động như những ngọn đèn pha rọi ánh sáng vào đời sống Tây Phương, kéo theo cả Đông Phương vào cơn gió lốc.

Luật diễn dịch gia tốc hầu như không chỉ hiệu lực đối với bình diện xã hội và hành động mà thôi, nó có hiệu lực cả trên bình diện tư tưởng. Luồng sóng hiện sinh đã khuấy động cả, gầm trời suy tưởng Âu châu làm xuất hiện nhiều màu sắc và tỏa ra thành nhiều nhánh (xin coi « Cây hiện sinh », Introduction aux existentialismes, E. Mounier, Ed. Denoel Paris). Trong sự triển khai theo hình nan quạt ấy, người ta đã suy diễn nguyên lý ra đủ mọi cách để tư tưởng thêm phong phú. Một thí dụ khác: người ta có cả một nền văn học cực kỳ phong phú của Âu châu thế kỷ XX, khai triển ý hướng chống trí thức (chống duy lý) và làm xuất hiện đủ màu sắc: bi thảm, bất thuận lý, hoạt động, khắc khoải, tham dự v. v... (Albères, L'Aventure intellectuelle du XX siècle, Albin Michel, Paris).

Xem như vậy thì sự phong phú tối đa của đời sống, hầu như loài người phải trả bằng cái giá khá mắc mớ. Xã hội tiến triển theo chiều lạm dụng nguyên tắc là một dấu hiệu loài người vẫn bị dẫn dắt bởi những bản năng tác động dưới ngấm sâu: mạnh hơn những lớp sóng dồn dập trên bề mặt. Trên bình diện cá nhân, lý trí có thể sáng suốt nhưng ra đến bình diện xã hội, lý trí của tập thể quần chúng giảm xuống rất nhiều. Vấn đề đặt ra là: đến mức nào và trong điều kiện nào, một luồng sinh khí cần khai triển mạnh mẽ để tạo dựng cho cuộc đời những nét phong phú? Có thể chống lại khuynh hướng lạm dụng nguyên tắc không? Nói theo ngôn từ cổ truyền của chúng ta: Thế nào là « đoán chấp quyết trung? »

Mọi khuynh hướng khi đã bén rẽ xuống xã hội đều có thể khai triển một cách mù quáng và quá đà. Mỗi nguyên tắc tôn giáo, tư tưởng, hành động, chánh trị, khoa học, mà chúng ta tin tưởng đều được đưa chúng suy diễn và áp dụng đến cùng vào đủ các lãnh vực tinh thần lẫn vật chất để tạo ra khuynh hướng theo đó xã hội tiến triển.

Các khuynh hướng tác động theo chiều tương sinh hay tương khắc, chúng phải tạo ra một thể quân bình để chịu đựng nhau. Quân bình đó là quân bình của những yếu tố biến chuyển, có thể gọi là quân bình động tiến. Trong xã hội luôn luôn có sự chấn chỉnh nội tại để tái lập thăng bằng. Những sự giao động lẫn lộn trên bề mặt là nhịp biến chuyển bình thường. Tình trạng ấy khác tình trạng mất quân bình lớn như chiến tranh, cách mạng, khủng hoảng về kinh tế, dân số, v.v. mà sự tái lập quân bình kéo theo sự thay đổi cơ cấu xã hội.

Một vài khuynh hướng khi đã bén rẽ xuống xã hội thì đến mức cuồng loạn làm cho xã hội mất quân bình. Sự mất quân bình đời sống lan tràn từ khu vực này sang khu vực khác gây nên một thứ khủng hoảng tinh thần, nhưng dân chúng phần nhiều chưa ý thức được ngay, nhất là trong xã hội ngày nay rất phức tạp, còn sự chi phối của nhiều yếu tố khác, nhất là những yếu tố vật chất.

Mặt khác, những khuynh hướng bén rẽ xuống xã hội (hoạt động, tranh đấu, v. v...) cũng tác động theo một chiều khác, có thể gọi là chiều xây dựng. Khi mà chiều hướng suy vi kiểm tỏa con người quá một mức chịu đựng nào, bấy giờ mới là lúc những giá trị thực tiễn rút ra từ khuynh hướng ấy hết hiệu lực, người đời chán nản tìm những phương thế hành động khác. Chiều hướng xây dựng của khuynh hướng có thể tạo ra những giá trị nào đó, người đời lại đổ xô vào rút từ những giá trị mới xuất hiện ra những phương châm hành động khác.

Quần chúng đã không ý thức được những thảm trạng gây ra vì sự lạm dụng nguyên tắc thì thế cờ đặt ra không phải là kêu gọi suông mọi người trở về một vựa hai phải, tự chế, biết điều; con người đã chìm vào trong đoàn thể, đoàn thể đã chấp nhận tranh đấu làm phương trâm và chỉ đợi đòi hỏi của đoàn thể bị giới hạn bởi đòi hỏi đối lập mới chịu thôi; đúng hơn, thế lực của đoàn thể bị giới hạn bởi thế lực của phe đối lập. Chính sự huy động lực lượng đủ loại để gây thế lực đó đã gây rối loạn mà một cá nhân không làm gì được, họ không có chỗ áp dụng những đức tính hiếu hòa, chín bỏ làm mười, nhân hậu, hòa hoãn, tự chế, không thuận theo giòng đời có nghĩa là tự vẫn. Họ chỉ còn là những con cờ cho người thông minh và thế lực điều động.

Vấn đề là tìm cách nuôi dưỡng những khuynh hướng xã hội có tác dụng đối nghịch với những khuynh hướng bị lạm phát. Nhưng chúng ta biết rằng xã hội tiến triển theo chiều lạm dụng nguyên tắc là một dấu hiệu xã hội vẫn bị dẫn dắt bởi những bản năng tác động dưới ngầm sâu, ở ngoài phạm vi kiểm soát của lý trí. Bởi vậy muốn xét cạnh khía xây dựng của những khuynh hướng hình thành thì phải xét xem những khuynh hướng ấy tạo ra những giá trị mới nào đó, chính những giá trị mới đó cho phép người đời rút ra những phép ứng dụng thực tiễn để áp dụng vào phương thế hành động mới. Người ta sẽ đổ xô vào những phương thế mới, bộ mặt xã hội sẽ biến đổi theo, chung quy họ vẫn bị dẫn dắt bởi một ý tưởng chỉ đạo mà không kiểm soát được hậu quả xã hội.

Những tiến trình xã hội sâu xa và có tính cách quyết định xưa nay vẫn diễn tiến ở ngoài tầm ý thức của con người sống trong cơ cấu xã hội, bởi vậy mới có những dao động và thăng trầm — quần chúng đã không ý thức được chiều hướng suy vi của những ý tưởng động lực thì không thể kêu gọi đến lý trí của quần chúng để hãm đà xuống dốc của ý tưởng động lực. Biết bao sáng kiến tốt đẹp, biết bao tác phẩm kết tinh vật chất của những sáng kiến ấy đã bị lịch sử loại bỏ như những vỏ ốc trên bãi cát bờ biển, biết bao nền văn minh tàn lụi vì lạm dụng nguyên tắc chỉ đạo.

Tóm lại, vấn đề « đoãn chấp quyết trung » trở thành vấn đề nâng đỡ chiều hướng xây dựng của những khuynh hướng được coi là ý tưởng động lực trong xã hội ngày nay. Mặt khác là vấn đề sáng tạo những giá trị mới có thể đem áp dụng vào phương thức hành động để làm biến đổi bộ mặt xã hội.

Vấn đề sáng tạo giá trị mới đóng vai trò quyết định trong việc giải quyết khủng hoảng tinh thần. Như trên đã nói, quần chúng không ý thức được chiều hướng suy vi của những ý tưởng động lực, quần chúng chỉ bị thôi miên bởi những hình ảnh quyến rũ mà ý tưởng động lực gợi lên cho họ và đem suy diễn ra những thể thức áp dụng. Như vậy, nói đến sáng tạo giá trị mới là nói đến những khuynh hướng có sức hấp dẫn đối với quần chúng, có thể mới tạo được những tiến trình xã hội có tầm vóc đáng kể. Dĩ nhiên, phải đề phòng sự dể dặt gia tốc để tránh lạm dụng nguyên tắc. Người thức giả không thể chắm lửa vào một phong trào rồi phũ tay một cách vô trách nhiệm. Họ phải theo dõi phong trào, họ phải nhập cục, họ phải tham dự trên bình diện riêng của họ (chứ không phải tham dự hiểu theo nghĩa thiên cận từ trước đến nay). Nói như vậy là đặt vấn đề triết lý cụ thể (philosophie concrète).

vũ đình lưu

Kỳ tới: Sinh khí sáng tạo

NGUYỄN ĐĂNG THỰC

văn hóa với xã hội

Mỗi bộ phận đặc chất văn hóa có quan hệ với các bộ phận đặc chất khác, cái hệ thống của văn hóa liên kết ấy gọi là mô thức văn hóa (Culture pattern) Thí dụ như chế độ gia tộc xưa kia của Việt Nam ấy là một mô thức văn hóa trong đó thì đại gia đình cùng ở với nhau, người gia trưởng có toàn quyền, luân lý gia đình v.v... đều là đặc chất văn hóa. Các loại văn hóa đặc chất ấy phối hợp với nhau mà biểu hiện ra cái mô thức văn hóa hay ý thức hệ (ideology).

Văn hóa đặc chất là chỉ vào nội dung mà nói.

Mô thức văn hóa là nơi cái hình thức kết hợp với nhau của các đặc chất văn hóa. Vậy muốn giải thích chân tướng của một loại văn hóa nào thì tất phải giải thích cái đặc chất, cái nội dung văn hóa và cái mô thức kết hợp với nhau của những đặc chất ấy.

Mỗi xã hội có một mô thức văn hóa. Mỗi mô thức văn hóa của một xã hội thường biểu hiện một loại công thức đặc biệt. Cái công thức đặc biệt ấy lại hợp với các loại đặc chất riêng biệt của văn hóa làm cho văn hóa của xã hội này khác với văn hóa của xã hội kia. So sánh sự dị đồng văn hóa của các xã hội thì một phương diện khu biệt nội dung của đặc chất văn hóa, đồng thời một phương diện khác khu biệt mô thức của văn hóa.

Thí dụ muốn so sánh văn hóa của Việt Nam với văn hóa của nước Pháp để tìm cái điểm khác nhau thì phải phân tích đặc chất của văn hóa với mô thức của văn hóa. Một khi đã giải thích được đặc chất với mô thức của văn hóa khác nhau như thế nào thì tức là có thể hoàn toàn giải thích tính chất văn hóa của hai nước.

KHỞI NGUYÊN CỦA MÔ THỨC VĂN HÓA.

Một xã hội ở bên trong ấy hiện ra mô thức văn hóa thường do ở hoàn cảnh địa lý, bối cảnh lịch sử, cùng các loại thế lực của đặc tính dân tộc tạo thành.

A) Hoàn cảnh địa lý :

Một xã hội tất chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh địa lý khác nhau có thể gây nên một loại khác nhau về mô thức văn hóa riêng biệt. Ví như dân Esquimaux sinh trưởng ở hàn đới quanh năm băng tuyết, các trạng huống sinh hoạt như ăn mặc, ở, đều chịu ảnh hưởng của hàn đới băng tuyết, nhất thiết đều phải thích hợp với hàn đới, cho nên đã tạo nên một loại mô thức văn hóa của dân hàn đới Esquimaux. Hay là như dân Mã-lai sinh trưởng ở đất nóng của nhiệt đới thì trạng huống sinh hoạt của họ tất cũng bị hoàn cảnh nhiệt đới nó chi phối mà đã tạo thành một mô thức văn hóa riêng biệt của người Mã lai.

B) Bối cảnh của lịch sử :

Ngoài hoàn cảnh ảnh hưởng của địa lý, một xã hội còn chịu ảnh hưởng của lịch sử. Cái ảnh hưởng của những sự thực lịch sử ấy thường có thể tạo nên một loại mô thức văn hóa đặc biệt. Thí dụ như dân da đen ở Phi Châu chẳng hạn, nhân ít có sự tiếp xúc với các dân tộc bên ngoài, đóng cửa mà giữ mình, cho nên trình độ văn hóa đến nay hãy còn hết sức ấu trĩ, mà nuôi thành một loại mô thức văn hóa nguyên thủy đặc biệt. Song di cư sang Châu Mỹ thì dân da đen ấy vì được xúc tiếp với dân da trắng, tự nhiên là chịu ảnh hưởng văn hóa của dân da trắng cho nên đến nay trình độ văn hóa đã tiến mau mà tạo thành một loại mô thức văn hóa đặc biệt hiện đại. Ấy là do ảnh hưởng của sự thực lịch sử vậy.

C) Đặc tính của tộc :

Mô thức văn hóa tuy chịu ảnh hưởng của hoàn cảnh địa lý với sự thực lịch sử, song dân tộc tính đối với sự tạo ra mô thức văn hóa cũng có quan hệ trọng yếu. Đặc điểm về thể chất, năng lực hành vi của một dân tộc, có thể trực tiếp ảnh hưởng vào mô thức văn hóa. Cho nên cùng ở một hoàn cảnh địa lý và sự thực lịch sử giống nhau mà mô thức văn hóa của hai xã hội có thể rất là khác nhau. Thí dụ như cùng một hoàn cảnh địa lý như Mỹ Châu mà thổ dân với cư dân ở Âu châu sang đã tạo ra mô thức văn hóa khác nhau. Đây là do ảnh hưởng của một nửa về bối cảnh lịch sử khác nhau, một nửa về đặc tính dân tộc khác nhau. Phải chăng sức phấn đấu của cư dân đã khác với dân bản xứ mà tạo nên sự khác nhau về trình độ văn hóa ngày nay? Dù sao thì cũng là do ảnh hưởng của dân tộc tính. Cho nên dân tộc tính với hình thức văn hóa không thể không có quan hệ mật thiết với nhau vậy.

Tóm lại, một xã hội, nhân vì hoàn cảnh địa lý, bối cảnh lịch sử cho chí đặc tính của dân tộc, các loại tác dụng của những năng lực ấy vô hình trung đã tạo thành một loại mô thức văn hóa đặc biệt. Cho nên mô thức văn hóa không phải kết quả ngẫu nhiên sản xuất ra vậy.

Mô thức văn hóa một khi đã tạo thành rồi thì tự nhiên ở bên trong đã có sức lựa chọn dễ hấp thụ hay bài trừ. Đặc chất của văn hóa ngoại lai với đặc chất của văn hóa mới phát minh đều phải thích ứng với cái loại mô thức văn hóa ấy. Cái nào thích hợp với mô thức ấy thì tự nhiên được hấp thụ, cái nào không thích hợp thì tự nhiên bị cự tuyệt.

Người ta sau khi đã sinh ra đều phải thích ứng với cái mô thức văn hóa nó đã hiện thành trong một xã hội. Cá nhân trở nên phầa, tử ở trong một xã hội đặc biệt thì hành vi của cá nhân ấy chỗ nào cũng phải thích ứng với cái mô thức của xã hội ấy.

MÔ THỨC VĂN HÓA CÁ BIỆT VỚI MÔ THỨC VĂN HÓA PHỔ BIẾN

Ở trên thế giới, nếu có một xã hội thì ắt là xã hội ấy phải

có một đặc điểm .gi. Cái loại đặc điểm ấy thường tùy theo phương diện văn hóa mà biểu hiện ra. Như thế nghĩa là tùy theo đặc chất của văn hóa cùng là phương diện văn hóa mà thức biểu hiện ra, cho nên phạm đã có một loại xã hội đặc biệt nào thì tất có mô thức văn hóa đặc biệt. Chứng loại của xã hội thì vô cùng, chứng loại của mô thức văn hóa cũng vô cùng. Chẳng qua sự khác nhau của văn hóa mô thức cũng có trình độ khác nhau mà thôi, hoặc khác nhiều hay ít. Ví như mô thức văn hóa Trung Quốc với mô thức văn hóa Pháp quốc thì khác nhau xa, nhưng mô thức văn hóa Trung quốc với mô thức văn hóa Việt Nam lại khác nhau rất ít.

Như vậy thì mô thức văn hóa khác nhau chỉ là tương đối. Mô thức văn hóa của đoàn thể tương đối khác nhau, mô thức văn hóa của gia đình, xã thôn cũng khác nhau một cách tương đối. Cho nên ngoài cái mô thức văn hóa đặc biệt gọi là mô thức văn hóa cá biệt, do xã hội không giống nhau, thời đại không đồng tạo nên, lại còn một mô thức văn hóa phổ biến của các nhà nhân loại học. Trong quyển sách nói về nhân loại với văn hóa của nhà xã hội học Wissler đã nghiên cứu rất tinh tường về cái mô thức văn hóa phổ biến. Ông cho rằng nội dung văn hóa tuy ở các xã hội đều có chỗ không giống nhau, song trong cái nội dung không giống nhau ấy có thể tìm thấy một căn bản kết cấu cộng đồng. Cái loại căn bản kết cấu cộng đồng ấy có thể thích hợp cho bất cứ nội dung văn hóa nào cũng được. Wissler lấy thí dụ việc kiến trúc : khi chúng ta kiến trúc một gian nhà tất phải có kế hoạch trước. Kế hoạch đã định chúng ta căn cứ vào đấy mà đi thu lượm tài liệu để dựng nhà. Cái loại kế hoạch kiến trúc đấy là điều kiện tất yếu của việc làm nhà. Xem đấy thì bất cứ một văn hóa nào tất nhiên cũng có một loại kết cấu. Bất cứ một loại kiến trúc nào đều bao quát có tường vách, mái nhà, nền nhà, và các điều kiện khác của cái nhà. Cho nên bất cứ một cấu kết văn hóa nào cũng tất nhiên cần có điều kiện cộng đồng. Cái loại kết cấu của văn hóa có tính cách cộng đồng ấy thì Wissler gọi là mô thức phổ biến của văn hóa. Theo ý tưởng của Wissler thì mô thức văn hóa phổ biến đại khái giống nhau như sau :

Ngôn ngữ : văn tự, ngôn ngữ. Đặc chất về vật chất : thói ăn, ở, giao thông, trang sức, dụng cụ, vũ khí, chức nghiệp và sản nghiệp. Nghệ thuật : điêu khắc, hội họa, âm nhạc. Thần thoại và tri thức khoa học. Hoạt động về tôn giáo : hình thức lễ nghi, tang chế. Chế độ gia đình và xã hội : hình thức hôn thú, phương pháp nhận định họ hàng, di sản thừa kế, chế độ xã hội, vận động và du hí. Tài sản : bất động sản và động sản, tiêu chuẩn giá trị và giao dịch, mậu dịch. Chính phủ : hình thức chính trị, thủ tục tư pháp. Chiến tranh.

Wissler cho đại cương trên đây có thể thích hợp bất cứ với một văn hóa nào. Bất cứ trình độ văn hóa ấu trĩ như thế nào, hay tiến bộ như thế nào đều kiến trúc trên cái kết cấu giống nhau ấy cả. Theo dõi lịch trình các trạng huống văn hóa mà xét, cố nhiên là như thế. Bắt đầu từ thời tiền sử của thời đại cụ thạch khí mà nói về trạng huống văn hóa cũng đã phù hợp với cái kết cấu ấy rồi. Tóm lại cái loại văn hóa kết cấu phổ biến giống nhau ấy chỉ là xương sống văn hóa. Đến như nội dung văn hóa thì nhân xã hội không đồng mà sinh ra biến dị. Bình thường người ta gọi là tiến hóa của văn hóa chẳng qua là trong cái đường cột xương sống ấy có những phát triển xung thực mà thôi. Nhân đây, chúng ta khu biệt các loại trình độ văn hóa cao hạ của xã hội, hoàn toàn là giải thích xem nội dung có phức tạp và xung thực hay không. Trừ việc ấy ra, không còn cách nào có thể xem xét mà biến biệt được nữa.

MÔ THỨC VĂN HÓA VỚI XÃ HỘI HÀNH VI.

Mô thức văn hóa thường có đủ mọi thể lực lượng, thêm vào hành vi của nhân loại một thứ hạn chế của mô thức văn hóa phổ biến, là cái của nhân loại cùng có, tức thì thêm vào hành vi của nhân loại một thứ hạn chế phổ biến. Người ta từ bắt đầu ra đời tức phải thích ứng với cái thứ mô thức ấy, song mô thức phổ biến chỉ là một ít điều kiện văn hóa căn bản mà nhân loại cũng có. Đến như nội dung căn bản của những điều kiện văn hóa ấy lại nhân các loại nguyên nhân của các lịch sử xã hội và hoàn cảnh mà sinh ra khác nhau. Các loại

hiện tượng khác nhau ấy có thể theo các mô thức văn hóa riêng biệt mà biểu hiện ra vậy.

Mô thức văn hóa cá biệt đối với nhân loại hành vi thì rất có ảnh hưởng. Cá nhân sinh trưởng ở bất cứ trong xã hội nào đều phải chịu sự uốn nắn của mô thức văn hóa trong xã hội ấy, vô tình mà thích ứng với các mô thức văn hóa đặc biệt ấy. Đại khái các loại hoạt động của một xã hội trải qua thời gian và tác dụng của lịch sử với hoàn cảnh, gây nên các loại qui tắc của hành vi. Cái loại qui tắc hành vi ấy tất nhiên phải phù hợp với mô thức văn hóa riêng biệt của xã hội ấy. Hành vi của một cá nhân kể từ lúc còn thơ ấu, vô tình không biết mà tuân theo qui tắc hành vi do xã hội sớm tạo ra. Vì có ấy mà mô thức văn hóa đã có một sức chọn lọc. Phạm hành vi của mọi người trong xã hội tất phải thích hợp với mô thức văn hóa. Không thích hợp với mô thức văn hóa thì hành vi ấy sẽ không thông hành với xã hội.

Tác dụng lựa chọn của mô thức văn hóa không những chỉ làm cho hành vi cá nhân như thế, mà cả đến văn hóa mới phát minh hay truyền nhập cũng chịu ảnh hưởng. Đại khái theo tự ngoài vào, văn hóa mới phải hỗ tương thích ứng với mô thức văn hóa cổ hữu, bằng không thì ít ra cũng phải không xảy ra xung đột với mô thức văn hóa cổ hữu, thì mới có thể giữ được tồn tại và thông hành. Điều này có nhiều chứng cứ. Dân đồng bằng nước Mỹ có thói hay dùng ngựa. Cái văn hóa dùng ngựa không những không xung đột với mô thức văn hóa cổ hữu, mà còn thích hợp cho thực dụng nữa. Ấy vì bản dân ở bình nguyên xưa nay với thông hành một lối vận tải bằng chó kéo. Nay lấy ngựa thay vào chó, chỉ phải thay đổi ít nhiều tập quán thì được thích dụng. Do đấy có thể thấy một thứ văn hóa mới được đặc dụng hay không đặc dụng, phải xét xem nó có thích ứng với mô thức văn hóa cổ hữu hay không, đấy là tiêu chuẩn thích ứng thì được đặc dụng, không thích ứng thì bị bài trừ. Chẳng qua trong xã hội thay đổi mau chóng quá, cùng với ngoại giới tiếp xúc cũng rất nhiều, thì lâu lâu cũng dễ thay đổi mô thức văn hóa cũ đi để thích ứng với hoàn cảnh bên ngoài.

Không những như thế mà thôi. Phạm văn hóa mới được thu dụng không những phải thích ứng với mô thức của văn hóa cổ hữu, mà sau khi đã thu dụng tất còn phải làm thế nào đồng hóa được với văn hóa cổ hữu để trở nên một bộ phận của một mô thức văn hóa mới. Ví như dân Mỹ ở đồng bằng thu dụng văn hóa dùng ngựa về sau bên gia nhập vào văn hóa cổ hữu mà thành một bộ phận của văn hóa mới.

Tổng chi, đặc chất văn của một xã hội không phải độc lập lẻ tẻ riêng biệt, tất nhiên có ít nhiều sự hỗ tương quan hệ với nhau mà trở nên một mô thức đặc biệt. Cho nên bất cứ đặc chất mới nào thêm vào, tất nhiên ít nhiều phải dung hợp thích ứng với mô thức văn hóa cổ hữu. Do đấy mà xét thì biết được rằng tại sao mà có khi giới thiệu một chế độ sự vật mới, thường không được thâm nhập mà lại bị cự tuyệt; tại sao sự cải cách xã hội không phải một sớm một tối thành công, ấy là vì mô thức văn hóa cổ hữu của một xã hội có cái tác dụng hoan nghênh hay cự tuyệt, lựa chọn hay đào thải vậy.

Trở lên là xét qua nội dung cùng hình thức của văn hóa. Chúng ta biết rằng nội dung văn hóa của một xã hội là hòa hợp các loại đặc chất của văn hóa. Chúng ta lại cũng biết được rằng đặc chất của văn hóa không phải phân tán vô trình tự; chúng hỗ tương kết hợp lại thành mô thức văn hóa tương đương với chúng. Các loại mô thức văn hóa và đặc chất của văn hóa như thế thì đều có công dụng chọn lựa riêng của chúng mà thêm vào một sức hạn chế rất lớn đối với hành vi của nhân loại. Song chúng ta chưa nghiên cứu đến vấn đề địa lý có quan hệ như thế nào đối với sự phát sinh của văn hóa. Đây là vấn đề khu vực văn hóa hay là sự phân bố của địa lý với đặc chất của văn hóa.

KHU VỰC VĂN HÓA VỚI ĐIỀU KIỆN ĐỊA LÝ.

Văn hóa của mỗi xã hội đều có chỗ riêng biệt khác nhau và có chỗ tương đồng với nhau về đặc chất cũng như về mô thức. Giữa hai hay ba xã hội nếu đại bộ phận văn hóa của chúng giống nhau thì cùng thuộc về một mẫu văn hóa, ví như Việt Nam

với Trung Quốc, hay là Trung Quốc với Triều Tiên hay Nhật Bản. Còn nếu văn hóa của hai xã hội bày ra nhiều chỗ khác nhau, ít chỗ giống nhau như Việt Nam và Pháp, thì văn hóa của cái xã hội ấy thuộc về hai Mẫu văn hóa.

Đại khái văn hóa đặc chất phân chia ra không phải đến vô cùng rã rạc mà không có sự hướng ngầm ngầm về một mối đầu. Văn hóa của những xã hội thuộc về một mẫu với nhau thì thường ở vào các khu vực địa lý giống nhau. Do đấy mà khu vực địa lý với văn hóa đặc chất có sự mật thiết quan hệ với nhau. Cho nên văn hóa chia thành các khu vực là như vậy. Có hai phương pháp để quan sát về khu vực văn hóa :

Hoặc lấy một thứ văn hóa đặc chất nào mà quan sát từ cái trạng huống địa lý của nó đã phát sinh.

Hoặc tự trong nhiều đặc chất văn hóa tìm ra một thứ kiểu mẫu văn hóa để quan sát cái trạng huống phân phát về địa lý của nó.

Văn hóa đặc chất đối với địa lý thường tỏ ra có cái xu thế tập trung. Đồng nhất đặc chất thường tập trung vào khu vực đồng nhất. Cho nên theo cách phân phát địa lý của đặc chất văn hóa có thể tìm ra mối quan hệ lịch sử giữa văn hóa của các xã hội.

Thưa nay các nhà nhân loại học lấy sự nghiên cứu văn hóa của dân cổ sơ làm mục tiêu để kết luận về khu vực văn hóa. Song khu vực văn hóa không riêng gì cho dân tộc cổ sơ mà thôi. Xã hội hiện đại cũng có thể phân biệt ra nhiều khu vực văn hóa.

Lấy toàn thể thế giới mà xét, trừ ra ngoài hơn bốn năm chục loại văn hóa đặc biệt của các dân tộc cổ sơ không kể, thì sự thực chỉ có hai hai loại văn hóa lớn. Ấy là Đông Phương hay Á châu văn hóa với Tây phương hay Âu Mỹ văn hóa. Theo sự quan sát về địa lý thì có thể thấy khu vực văn hóa của chúng. Khu vực văn hóa của Đông phương thì bao gồm Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam, Tiêm La, Diến Điện, Ấn Độ, Ba Tư. Khu vực văn hóa thức của Tây phương thì bao gồm Mỹ Châu, Âu Châu lục địa và Anh Cát Lợi, Úc Đại Lợi, Nam Phi Châu.

Căn cứ vào khu vực của hai loại văn hóa ấy, chúng ta thấy có những chỗ không giống nhau và đó là đặc chất của mỗi khu vực. Khu vực văn hóa với khu vực chính trị. Khu vực văn hóa vị tất đã phù hợp với khu vực chính trị. Khu vực chính trị là giới hạn vạch ra của nhân loại, còn khu vực văn hóa lại là kết quả tự nhiên đẻ ra trong sự sinh hoạt của nhân loại. Khu vực văn hóa thì tùy theo với giới hạn địa lý tự nhiên, còn khu vực chính trị có khi là vũ lực quyết định. Thí dụ khu vực văn hóa Đông phương gồm nhiều khu vực chính trị, khu vực văn hóa Tây phương cũng vậy.

KHU VỰC VĂN HÓA VỚI KHU VỰC NGÔN NGỮ :

Đoàn thể cùng một tiếng nói, vị tất cùng thuộc vào một khu vực văn hóa, bởi vì ngôn ngữ với văn hóa không phải đồng nhất. Trong sự đồng nhất văn hóa thường bao hàm nhiều ngôn ngữ, ví như khu vực văn hóa Âu Mỹ gồm Anh ngữ, Pháp ngữ, Đức ngữ... Khu vực văn hóa Trung Quốc cũng gồm ít ra là bốn tộc ngữ.

SỰ LỰA CHỌN CỦA KHU VỰC VĂN HÓA :

Tuy khu vực văn hóa không quan hệ trực tiếp với chính trị và ngôn ngữ, song bao hàm nhiều loại tương đồng về đặc chất chủ yếu của văn hóa. Đặc chất chủ yếu của văn hóa về phương diện vật chất như tài liệu về ăn, mặc, ở, đi lại, sử dụng, thường ngoạn. Về phương diện phi vật chất như phong tục, chế độ, tín ngưỡng, tư tưởng, có nhiều tính chất và chủng loại. Cái loại đặc chất chủ yếu của văn hóa giống nhau thì tạo thành khu vực văn hóa đồng nhất. Đặc chất văn hóa trong một khu vực văn hóa đồng nhất tự có cái sức lựa chọn rất lớn. Người sinh trưởng ở trong một khu vực văn hóa đều bị các loại đặc chất văn hóa của nó chi phối. Cho nên văn hóa nào hợp với khu vực của nó thì sẽ thông hành, không hợp thì thấy trở ngại. Cá nhân hành vi đều bị đặc chất văn hóa chi phối một cách sâu xa. Cho nên nhiều cá nhân hành vi không thể không đại biểu cho cái văn hóa đặc biệt ở khu vực chúng sinh trưởng vậy.

Do đấy chúng ta thấy hiệu dụng của khu vực văn hóa. Vì tự nó có cái sức lựa chọn cho nên hành vi cá nhân là sản phẩm đặc biệt của khu vực văn hóa. Như vậy căn cứ vào khu vực văn hóa có thể phán đoán cái đặc sắc của hành vi cá nhân, và suy ra đến tất cả hành vi của nhân loại sinh trưởng trong một khu vực văn hóa. Nếu biết được càng sâu xa những đặc tính của một khu vực văn hóa thì có thể biết được lực lượng hành vi của nhân dân trong khu vực văn hóa ấy. Mục tiêu của sự phân tích văn hóa khu vực với đặc chất văn hóa là để biết hành vi của nhân dân ở các khu vực văn hóa và để giải quyết ổn thỏa thích đáng cho hành vi của nhân dân. Có giải quyết được hành vi của nhân dân và suy trắc được thì mới có thể chỉ huy được hành vi của nhân dân mà đưa đến mục đích tiến bộ. Như thế đủ thấy khái niệm khu vực văn hóa đối với trí thức của nhân loại rất có ích lợi lớn lao vậy.

ẢNH HƯỞNG CỦA VĂN HÓA ĐỐI VỚI SINH HOẠT XÃ HỘI.

Nay hãy xét về ảnh hưởng của văn hóa đối với sinh hoạt của xã hội nhân loại. Có ba vấn đề :

- Ảnh hưởng của văn hóa với cá nhân,
- Ảnh hưởng đối với xã hội,
- Quan hệ của văn hóa đối với cải tạo xã hội.

ẢNH HƯỞNG ĐỐI VỚI CÁ NHÂN :

— Quan hệ của văn hóa đối với sinh hoạt vật chất của cá nhân. Sự sinh hoạt của cá nhân trong xã hội, không chỗ nào, phương diện nào là không chịu ảnh hưởng của văn hóa trong xã hội ấy. « Tinh tương cận dã, tập tương v.ễn (Khổng tử). Nào ăn, mặc, ở, đi lại, cho đến các phương diện sinh hoạt hàng ngày, không có một việc gì là không bị văn hóa vật chất của xã hội nó chi phối qui định. Nào các hình thức về y phục của cá nhân cũng đều phải theo kiểu cách lưu hành của xã hội. Tài liệu của y phục cũng do các chất liệu của xã hội cộng đồng thu dụng. Phương pháp mặc áo cũng phải theo cách thức của thời đại, hết thảy đều là ở trong khuôn khổ tập quán của đoàn thể. Vậy về y phục xã hội đã qui định hết thảy, còn về các phương diện văn

hóa vật chất khác, như ăn, ở, đi lại, thì cũng chẳng sót một phương diện nào không do xã hội đoàn thể qui định, không một chỗ nào có thể thoát ly khỏi quan hệ của văn hóa vậy.

— Quan hệ của văn hóa đối với sinh hoạt phi vật chất của cá nhân.

Sự sinh hoạt phi vật chất của cá nhân cũng không có thể rời khỏi văn hóa. Phương pháp xử thế tiếp vật, hôn thú tang tế đều phải y theo tục lệ thông hành của xã hội. Một người dùng ngôn ngữ ăn nói hay trao đổi văn từ, cùng các thái độ cử chỉ khác đều phải tuân theo phương thức qui định của xã hội hiện hành. Tinh thần sinh hoạt của cá nhân cũng như vật chất sinh hoạt đều phải chịu ảnh hưởng văn hóa của xã hội, không chỗ nào sót. Tóm lại tất cả các phương diện hoạt động của cá nhân : ngôn ngữ, tư tưởng, cử chỉ, hành động, tình cảm, thái độ, cho đến ăn mặc, đi lại, xử dụng, thưởng ngoạn, hết thảy không một chỗ nào không bị ước chế bởi xã hội, tức là không thời nào không chịu ảnh hưởng của văn hóa.

Nguyên lai là một cá nhân kể từ lúc mới mang tiếng khóc bưng đầu mà ra, cho đến khi răng long đầu bạc da mồi, không một lúc nào không sinh hoạt ở trong hoàn cảnh của văn hóa. Văn hóa tuy là sản vật của người, song một khi đã sinh ra rồi thì người ta lại bị văn hóa ấy nó ràng buộc, không một phương diện nào không biểu lộ màu sắc của văn hóa. Vậy cá nhân mà trở nên cá nhân đều do văn hóa nó hun đúc, gọt mài. Văn hóa là sản vật của người mà người cũng lại là sản vật của văn hóa vậy.

ẢNH HƯỞNG CỦA VĂN HÓA ĐỐI VỚI XÃ HỘI.

Xã hội là một bầy người, song không phải các cá nhân đã tập hợp một cách máy móc mà thành xã hội đâu. Đứng ở phương diện động biến (dynamique) mà nói, thì xã hội là biểu hiện hành vi cộng đồng của một bầy người. Đứng ở phương diện tĩnh chỉ mà nói thì xã hội là một bầy người có một văn hóa cộng đồng. Hợp cả hai phương diện mà nói thì phạm có cộng đồng văn hóa, nhân đấy biểu hiện ra những cộng đồng hành vi, thì đấy là

một xã hội. Xã hội mà thành nên xã hội, không ở tại nơi nó là một cá thể sinh vật tập hợp một cách hữu cơ, mà hơn nữa nó còn ở chỗ là một cá thể sinh vật hữu cơ ấy có cộng đồng văn hóa mà biểu hiện ra cộng đồng hành vi. Cho hay bỏ văn hóa đi thì hết xã hội. Xã hội tồn tại bằng văn hóa. Chỉ có văn hóa là đã thành có xã hội, vì tất định một bầy người có văn hóa cộng đồng ấy mới có thể là một xã hội được. Xã hội không có thể thoát ly cá nhân, mà càng không thoát ly được văn hóa. Xã hội là sản vật của văn hóa vậy.

— Quan hệ của văn hóa với sự biến thiên của xã hội. Đã là sản vật của văn hóa, hễ có văn hóa thì xã hội còn, hết văn hóa thì xã hội mất. Trừ cá thể sinh vật hữu cơ ra thì xã hội chỉ còn văn hóa cùng là những hành vi của người với người trong phạm vi văn hóa đã biểu hiện. Nghĩa là xã hội ngoài cái nhân khẩu ra, chỉ còn có văn hóa nữa thôi. Vậy xã hội biến thiên, ngoài yếu tố nhân khẩu biến động ở phương diện sinh vật thì chỉ còn sự biến thiên của văn hóa mà thôi. Bởi vì văn hóa gồm cả phương diện vật chất với phi vật chất của bầy người là nhân khẩu hay cơ thể sinh lý. Vậy thì ngoài cái sinh lý biến thiên ra, chỉ còn có văn hóa biến thiên nữa mà thôi. Xã hội không ra ngoài hai phạm vi ấy được, là phạm vi sinh lý nhân khẩu với phạm vi văn hóa.

Chúng ta lại biết rằng sự biến thiên của văn hóa thì hoặc do những sự phát minh mới nó đẻ ra, hoặc do sự thâm nhập của văn hóa mới khác. Sự phát minh và truyền bá ấy, hoặc là kết quả của một sự lũy tích văn hóa nó thành thực, hoặc là kết quả của sự giao thông tiếp xúc với bên ngoài, cả hai dạng đều không thoát khỏi ảnh hưởng của văn hóa. Như thế đủ biết quan hệ giữa văn hóa và biến thiên của xã hội rất là mật thiết vậy.

— Quan hệ của văn hóa với các vấn đề xã hội. Vấn đề xã hội là những vấn đề phát sinh trong các trường hợp biến thiên của xã hội. Đứng ở phương diện chủ quan mà nói thì vấn đề xã hội sinh ra ở nơi nhân dân không mãn nguyện với hiện trạng của xã hội mà nhận thấy cần phải tu sửa chỉnh đốn lại, như thế cũng có thể nói là vấn đề xã hội phát sinh ở chỗ biến thiên của thái độ xã hội. Đứng ở phương diện khách quan mà nói thì vấn đề xã hội phát sinh ra vì chế độ xã hội không thích ứng với các sự biến

thiên của xã hội, hay là vấn đề xã hội xuất ra từ nơi văn hóa không còn thích hợp nữa.

Văn hóa của một xã hội gồm có nhiều bộ phận, nào bộ phận thuộc tri thức, bộ phận thuộc tình cảm, bộ phận thuộc ý chí hành động v.v... Các bộ phận thường thường hỗ tương điều hòa thích ứng mà xã hội giữ được thể quân bình tiến triển. Nhưng trong khi xã hội biến thiên các bộ phận văn hóa thường không đồng thời biến thiên nhất trí. Có bộ phận tiến mau, có bộ phận tiến chậm. Trong sự biến thiên của các bộ phận văn hóa không được nhất trí ấy, dần dần nảy ra mất sự điều hòa thích ứng giữa các bộ phận, mà văn hóa của xã hội nảy ra mất quân bình, bộ phận nọ xung đột với bộ phận kia vì chênh lệch quá độ. Hiện tượng ấy gọi là văn hóa mất quân bình, do đó mà nảy ra các vấn đề xã hội. Vậy vấn đề xã hội với vấn đề biến thiên cũng có quan hệ với nhau rất là mật thiết.

VĂN HÓA VỚI SỰ CẢI TẠO CỦA XÃ HỘI.

Nay chúng ta đã thấy sự sinh hoạt của cá nhân hoàn toàn do văn hóa chi phối. Xã hội duy trì và biến thiên cũng hoàn toàn dựa vào văn hóa yếu tố. Như vậy thì xã hội với văn hóa đã có quan hệ với nhau hết sức mật thiết. Muốn cải tạo xã hội, ắt phải cải tạo văn hóa, điều đó rất dễ hiểu.

Thông thường, đối với vấn đề cải tạo xã hội, có nhiều học thuyết đã nêu lên. Có học thuyết chủ trương thuyết chủng tộc cải tạo, có học thuyết chủ trương nhân tâm cải tạo, có học thuyết chủ trương kinh tế cải tạo.

— Chủng tộc cải tạo. Thuyết này có một số học giả về Ưu sinh học ở Mỹ quốc. Họ cho rằng xã hội tốt xấu là do đặc tính của tiên thiên. Xã hội tiến bộ là do ở những người có cái tiên thiên ưu tú đã tạo nên. Xã hội thoái bộ là do tiên thiên xấu của người ta tạo nên. Muốn cải lương xã hội thì cần phải đào thải hạng người có cái tiên thiên độc ác, làm cho không còn giống gỏi ấy nữa. Đồng thời cũng lại khuyến khích cổ vũ hạng người có cái tiên thiên ưu tú kết hợp lại mà khuyến khích cho tăng gia đông đúc. Làm được như thế thì xã hội sẽ tiến bộ. Cái thuyết này

khuyết điểm ở chỗ ngộ nhận về đặc điểm của văn hóa, cho yếu tố sinh vật làm tiên thiên, muốn lấy phương diện di truyền của sinh vật để cải tạo văn hóa.

— Cải tạo nhân tâm. Thuyết này cho rằng xã hội thịnh suy là do nhân tâm tạo thành. Nhân tâm tốt thì xã hội sẽ tốt, nhân tâm xấu thì xã hội tự suy. Cho nên muốn cải tạo xã hội, phải cải tạo nhân tâm. Các xã hội học gia như Mard, Giddens Wallas, triết học gia như Dewey, Russell, Wells cho đến Mạnh Tử với Tuân Tử, tính thiện tính ác, đều chủ trương cải tạo nhân tâm để cải cách xã hội. Song khuyết điểm của thuyết này ở chỗ coi nhân tâm như một năng lực độc lập tự tồn, cho nó cái địa vị chủ tể của xã hội, chi phối tất cả hiện tượng của xã hội. Sự thực thì nhân tâm lại là sản vật của văn hóa. Tuy nhân tâm cũng có lúc ảnh hưởng vào văn hóa, nhưng sự hoạt động của nhân tâm lại không có thể vượt ra ngoài phạm vi của văn hóa được. Nhân tâm đã không phải là một năng lực độc lập tự tồn trong xã hội được, cho nên muốn cải tạo nhân tâm cũng lại cần phải cải tạo văn hóa.

— Kinh tế cải tạo. Thuyết này cho rằng xã hội phát triển hay không đều dựa vào cơ sở yếu tố kinh tế. Yếu tố kinh tế chú ý nhất là trạng huống phát triển về kỹ thuật sản xuất, có thể quyết định toàn bộ trạng huống của xã hội. Cho nên muốn cải tạo xã hội thì phải cải tạo tổ chức kinh tế. Kinh tế tổ chức tốt thì xã hội thịnh vượng. Kinh tế tổ chức không tốt thì xã hội cũng sẽ suy bại. Đại khái đây là chủ nghĩa xã hội của Mã khắc Tư. Khuyết điểm của thuyết này là đã ngộ nhận yếu tố kinh tế lấy làm lực lượng duy nhất chi phối xã hội. Nhưng yếu tố kinh tế cố nhiên là trọng yếu thật, song ngoài yếu tố kinh tế cũng còn lực lượng khác nữa có thể hành động vào xã hội, có khi chẳng kém phần trọng yếu đối với yếu tố kinh tế. Cho nên muốn cải tạo xã hội mà chỉ chuyên chú vào yếu tố kinh tế cải tạo thì không lấy gì làm viên mãn.

Tóm lại, muốn cải tạo căn bản của xã hội, tất phải cải tạo yếu tố căn bản là văn hóa của xã hội. Về phương diện vật chất văn hóa chỉ cải tạo sự sinh hoạt vật chất của xã hội. Về phương diện văn hóa phi vật chất thì cải tạo sự sinh hoạt tinh thần của

xã hội. Cải tạo phương diện vật chất thì gồm có cải tạo cách ăn, mặc, ở, đi lại, cho chí hình thức với nội dung của sự sinh hoạt hàng ngày, để phát triển đến cái ý thức của sự cải tạo ấy. Cải tạo phương diện phi vật chất gồm các cải tạo phong tục, chế độ, cho đến phát triển cái trí thức thuộc về loại cải tạo này. Nếu có thể cải tạo được cả hai phương diện đi đôi, phương diện vật chất với phương diện phi vật chất, cải tạo văn hóa, cải tạo nhân tâm, thì các trạng huống kinh tế cũng đồng thời được cải tạo mà xã hội bấy giờ đi đến chỗ cải tạo toàn diện.

nguyễn đăng thực

NGUY NGŨ

theo những đường bay đi xa

● Cao chừng 1 mét 60, da trắng mát, tóc đen, khuôn mặt trái soan, đôi mắt nâu thắm sau hàng lông nheo cong vút, sống mũi cao, đôi môi thường trạ giữa nụ cười hoặc mơ hồ hoặc hiện rõ, chiếc quần jean màu xanh bạc théch phoi trắng những đường may, áo pull ngắn xanh sậm hơn màu quần. Kim. Kim đang ngồi trên chiếc thùng đầu tiên của hàng thùng phuy dựng trước bờ thêm rộng, dưới bóng mát của bao lon phòng đợi, một tay chống nhòai qua bên miệng thùng, một tay nhét vào túi quần sau, khuôn mặt cắt nghiêng lại đằng trước Văn, vầng trán nhỏ phẳng phiu, đôi mắt đắm đăm trông xa, nải tóc từng lúc bị gió thổi hất tung ngược về phía sau: đầu đó tinh cơ có chuy bay kịp về QN chiều nay.

Phi trường lóa nắng. Mặt hắc in trái rộng, những khối kim khí vẫn vạm trắng đen liên tu lên xuống, tiếng động cơ đinh điếc hung hãn, những chiếc xe vận tải chạy tới lui lằng xằng, những tốp người từ trong ra, những tốp người từ ngoài vào. Và bên sau Kim, cách khoảng thêm rộng, sau khung cửa mở trống lộng gió, căn phòng đợi đang như cái bãi quanh chân tháp Babe sáng sớm nào: đủ chủng, đủ màu, đủ cỡ, đủ kiểu. Người, toàn là

người với người. Người trắng, người vàng, người đen, người đỏ, người thấp, người cao, người to lớn, người còm cõi, người cụt què, người đàn ông, người đàn bà, Mỹ, Việt nam, Đại hàn, Phi luật tân, Tàu, Thái lan... Đủ thứ ngôn ngữ, đủ thứ giọng nói. Tất cả đang kết dính vào nhau thành một khối lúc nhúc với xách gói áo quần màu mè và sự đợi chờ. Tất cả đang nôn nóng đợi chờ, tất cả đang nói. Lâu lâu một chuyến buýt quân đội tải thêm hành khách từ trên phố về đợi. Lâu lâu một chuyến bay có hành khách xuống sân, khách từ ngoài hồi hả vào, hồi hả nhận hành lý, hồi hả ra xe bus lên phố hoặc hồi hả đến quầy nạp giấy đi chuyển xin đi tiếp đến những phi trường khác. Lâu lâu một chuyến tàu rời sân, giọng con mẹ Việt nam ồm tong teo mặc cái váy xanh đứng sau quầy cầm micro gọi léo éo từng số ghế đã xếp sẵn và tên chuyến bay, đám khách có vé được đi lục đục kéo nhau ra cổng số 1 căn hành lý, trình vé lên tàu. Ưu tiên 1 cho người Mỹ, 2 cho bọn đồng minh, 3 cho lính Việt nam, cuối cùng là cho dân sự và vợ con gia đình lính Việt nam. Có người đợi chờ cả tuần vẫn chưa đi được, có người vừa đến đã may mắn lên tàu ngay, có người đang nằm ngời rã rời dọc hàng ghế phòng trong, có người tỉnh táo nhai kẹo cao su coi ti-vi, có người đọc sách, có người nằm ngủ vùi ven chân tường. Văn đã ba ngày đợi chờ vẫn chưa ra Huế được và Kim từ sáng đến giờ vẫn chưa có tàu về QN. Hai đứa đứng cách nhau một khoảng ngắn: Kim ngồi trông mãi về phía trước và bên khung cửa giữa đám lính tráng hỗn độn chung quanh, Văn đang đứng tựa bờ tường lặng lẽ nhìn Kim. Văn: áo quần trần của bộ binh Việt nam, mũ rừng rộng vành, giày đinh bạc cũ, mắt kiếng cận. Hai đứa, trong chiều mệnh mông gió từ mạn núi lồng thổi mãi tới.

Đang nhìn ra xa, không dưng Kim quay trông lại, đôi mắt đen nâu trong suốt đó bắt gặp Văn, nụ cười hiện rõ trên đôi môi, thế ngồi hơi quay lại. Văn rời khỏi bờ tường, chậm chạp ra, liếc về phía bạn, cố tìm một câu hỏi nào đó, tìm ý và đặt câu.

— Anh đi đâu về thế?

— Ra ngoài thêm trước.

Im lặng một chút, Văn nhớ câu hỏi mình chưa kịp hỏi:

— Mấy giờ rồi kim?

Hơi nghiêng người. Kim kéo cái đồng hồ mặt tròn lớn kiểu đeo tay của đàn ông được buộc vào sợi dây xích bạc dẫu trong túi quần sau, đưa cho Văn xem, dáng tự nhiên thân mật. Mặt đã cận thị nặng lại thêm mặt kiếng đồng hồ phản chiếu ánh sáng lóa thành một vùng tròn trắng, Văn cúi sát xuống nhưng không thể đọc thấy được gì hết. Theo dõi sự khó khăn của bạn, Kim cười thành tiếng nhỏ, đọc số thay.

— 15 giờ 20 phút.

— 15 giờ 20 phút, chúng ta còn đợi được 40 phút nữa.

— 16 giờ là không còn tàu ?

— Vâng, ba hôm rày như thế.

Đôi mắt Kim hơi nghịch ngợm nhướng lên một chút :

— 3 hôm ?

— Vâng, 3 hôm.

Sau cái gật đầu và tiếng trả lời ngắn gọn của Văn, Kim bật cười. Không nghĩ ngợi gì cả Văn cũng cười theo bạn. Cười và nghe tiếng mình cười, thoáng thấy những khuôn mặt chung quanh ngoài trông lại : mặt trắng đen của bọn lính Mỹ, mặt của bọn lính Việt nam, mặt tóc tai đen dứa của bọn trai gái Đại hàn cùng đi một chuyến với Kim. Tất cả đang nhìn, đang thấy một tên bộ binh Việt nam áo quần không cấp hiệu huy chương đang đứng chuyện trò với một con Đại hàn lai Mỹ, và chắc chắn không đôi mắt nào thấy được những cái mảnh đạn bích kích còn nằm nguyên hoặc còn lờ mờ ghi dấu trong da thịt tên bộ binh đó. Chắc thế. Chắc không có đôi mắt nào có thể trông thấy những vết máu của Văn bị thương tích đổ ồa ra, có dăm hạt vương dính mịt mờ trên những ngón tay trắng nõn vô tội của Kim.

● Kim. Bây giờ đối với Văn, Kim là cái tên dễ gọi dễ nhớ nhất, một cái tên có âm vang như tiếng chim, có thể gọi sâu vào mãi tận những hang hốc xa trong mịt mù của trí tưởng, có thể đánh thức dậy những mặt mày vốc dăng đã khuất quên, gọi tỏa ra một chút khí hậu lắng dịu người ngoài. Kim. Gọi khe khẽ, nhắm mắt quay lưng lại với tất cả, buông bỏ hết và

từ chối hết, để không còn gì ngoài cái hình ảnh tinh sơ nhất của trần gian : một đứa nam và một đứa nữ quen biết nhau trong ngày đi qua ga bến đường dài, đang đứng lại chuyện trò. Và thôi.

Nhắm mắt quay lưng lại, để mặc cho lòng ngỡ ngàng với hôm qua còn điệp trùng xa lạ, hôm nay thân mật cười đùa nơi đây và ngày mai ngày kia mù tiếp với ngàn trùng không bao giờ còn thấy lại mặt mày nhau.

Đây là một trong số các phi trường quân sự quan trọng nhất của Nam Việt nam. Tàu lên xuống nườm nượp suốt ngày. Tàu chở vật dụng chiến tranh từ những kho chứa khổng lồ bất tận đâu đó đến, đẩy vào các kho chứa khác, chuyển qua tàu khác mang ra ném xuống các mặt trận, đem tiếp sức cho những đoàn quân, tăng viện cho những đơn vị nhỏ. Vận tải cơ, thám thính cơ, trực thăng cơ, phản lực cơ, khu trục cơ. Chiếc này rời phi đạo lên không, chiếc kia tung dù vào phi đạo, chiếc nọ đang nổ máy gầm gừ chờ thoát chạy bay đi, chiếc khác đang dỡ hàng. Đây là Nam Việt nam, cái pháo đài kinh hoàng trong cuộc chiến tranh chống duỗi ý thức hệ cộng sản, bảo vệ những biên thùy của thế giới tự do. Đây là Việt nam, giải đất nằm dài giữa cuộc chiến tranh khủng khiếp lê thê gần 30 năm vẫn chưa thể bình dung được một ngày nào ngưng dứt, hàng triệu người đã chết, hàng triệu người tật nguyền, rừng đồi vườn tược khô cháy bởi thuốc khai quang, một vùng giang sơn gập ghềnh trên những hố bom tanh khét, bao nhiêu giá trị vật chất tinh thần đều thi nhau gãy đổ, cả một thế hệ thanh niên thất học lỏng lỏng níu nhau bơi lội giữa các máy thụ thanh. Đây là Đông dương : bom và hỏa tiễn đang phá bành những thành thị Cao mên, đang trút xuống đất Lào, xe tăng Nga và xe tăng Mỹ đang như những con thú điên cuồng húc đầu vào nhau, thanh niên Việt đang vẫn vùn vùn nổi nhau tiến tới, đang buông súng đạn tuyệt vọng kêu van trên các ngọn đồi bất máu. Đây là Á châu : súng đạn viện trợ đang từng phút từng giây chĩa họng vào nhau rìch rập quanh vĩ tuyến 17, những đô thị Đại hàn đang trong thời kỳ tái thiết, những con diêm già và những thằng lính trận hết

thời đã chết, thanh niên Nam hàn lớn lên bằng bích chương, khẩu hiệu chống Cộng đang theo đó la súng đạn sang đánh thuê trên chiến trường Nam Việt; quân Thái lan đang nhảy vào mặt trận Lào, quân Trung cộng chờ tràn xuống phương Nam, B 52 dội hàng ngàn tấn bom mỗi ngày, bọn da vàng nghèo đói đang ôm khi giới bu bầu vào nhau, những cánh đồng cháy đen phơi tênh, vi trùng giang mai hoa liễu đang xây tổ đắp hang dọc các vùng đông dân cư quanh trại đồn đồng minh da trắng. Đây là á châu, đã mất hút đáng con trâu xanh trên sa mạc giữa đêm trăng non khuyết sử, đang lập lòe bóng các ông cố đạo mang ơn lành từ Rome đi lang thang rao giảng trải dài ra nối vào những ngọn đồi đỏ máu mang tên các nữ tì tử xi nê của Rome và Ý.

Và Văn, 26 tuổi, trên mặt đất gập ghềnh điêu linh này, thân quần áo trận đầy bụi đất ba lô nón sắt giày đinh, đứng thờ thần nhìn chiếc bóng mình tật nguyên buồn bã, lòng trống trải vắng không. Đi, đi, rồi ngã đổ xuống, mê thiếp giữa máu me, thức dậy giữa trực thăng tải thương, nằm ngơ ngẩn suốt cả tháng dài trong bệnh viện, lãnh giấy xuất viện về nhà nghỉ chờ ngày tái khám. Đến đây, đang đứng với Kim, lẳng đàng trôi theo niềm vui bập bênh không rõ mặt.

Văn có người cha đi kháng chiến ở trọng hàng ngũ dân quân ôm súng giữ làng, bị bọn Tây về lưng phát giác được, ông bỏ nhà chạy thoát ra đồng cầm súng bắn lui, không chịu đầu hàng. Bị thương ở đùi, ông quỳ xuống, tay ôm súng thủ thế, miệng gào lớn: bắn tao đi bắn đi; và khi đạn trúng vào ngực, ông bật rú thất thanh: ô trời ơi, con ơi. 6 tuổi, Văn đã nghe tiếng kêu la đó, đã đứng cầm cầm nhìn cái dáng cha mình nằm trên cánh đồng mùa hạ mệnh mông không ngó lửa và dáng mẹ tang tóc cúi xuống lau từng vết giày đinh đập dính trên da mặt kẻ chết. 4 đứa con dại, Văn là con đầu, bà mẹ ở góa thờ chồng nuôi con như bao nhiêu người mẹ Việt nam khác. Văn lớn lên, lạ lùng trước những đổi thay, đi hết lớp học này sang lớp học kia, qua những giao động của đất nước, qua những sách vở chữ nghĩa khô đeo, vắng vắng nghe hoài tiếng kêu tàn dại của người cha trên cánh đồng cũ trong những

chiếc bóng lều đều của bọn giáo sĩ, đôi mắt trông xa tới và càng trông càng khuất hút mặt mùng, 23 tuổi, có lệnh gọi nhập ngũ, dĩ nhiên là Văn từ chối. Trốn. Nhà trọ, thư viện, nhà bạn bè. 25 tuổi, bị bắt, bị đẩy vào trại tù với thành phần tình nghi chánh trị, bị phối hợp tin tức đến ngất ngư, bị đẩy qua trại lính, bị đưa ra mặt trận, đi hết trận này sang trận kia, từ trực thăng vận đến các mục tiêu nguy hiểm hoặc đi bộ lội rừng lội đồng ăn cơm khô với đồ hộp quá hạn của bọn Mỹ đã phế thải. Rồi đổ xuống, về nhà thương. Một tháng ròng rã nằm nghe tiếng rên rỉ của mình và của những thằng cùng chung tuổi trẻ khắp các giường vây quanh, nhìn xuống những mảnh đạn đã được mổ lấy, lắng nghe sự chuyển mình xa xôi của những mảnh đạn còn lẫn dấu trong thịt da. Rồi xuất viện, 29 ngày tái khám. Mất 3 ngày ở hậu cứ trung đoàn để đợi xin về đây, về đây lại mất thêm ba ngày đợi tàu ra Huế. Suốt thời gian nằm bệnh cũng như thời gian nồn nóng đợi chờ, với số mảnh đạn đã được lấy ra và số còn trong thân xác, Văn biết một cách chắc chắn rằng thể nào mình cũng bị xếp vào loại 1, loại chiến đấu, lại súng đạn ba lô ra trận, nếu không chịu một vài điều kiện tiền nong với bọn bác sĩ ở hội đồng y khoa. Chắc chắn thế. Nhưng biết làm sao đây. Về xin mẹ vài trăm ngàn bạc để mua lấy mạng sống mình, hẳn là một chuyện không bao giờ Văn cho phép mình làm, thà chết còn hơn. Hay là tìm một cách khác để giải ngũ. Bắn tay, phá chân, tiêu diệt cái khả năng chiến đấu của mình để khỏi bị người giết. Hay đào ngũ. Đào ngũ, lại một giải pháp tương đối dễ dàng và không thể thực hiện. Đào ngũ để đi đến đâu, để ăn và ở nhờ và pháp phòng đợi chờ tại họa khác, những trại tù những đồn lính khác. Không thể được. Hay cứ trở về đơn vị chiến đấu, tiếp tục ra trận, đợi chờ cơ hội thuận tiện nào đó để phá bót một vài phần thân xác mình. Chỉ còn lối đó. Bao nhiêu ngày Văn dờ dẩn tới lui, âm thầm lựa chọn những phần thân thể phải chịu hy sinh cho mạng sống và tự do. Mấy ngón tay, mấy ngón chân, mắt. Thế nào cũng phải có cả. Phải có để từ chối khỏi cái thể tham chiến trong cuộc chiến tranh này cũng như bao nhiêu cuộc chiến tranh khác dù cho chiến tranh có chính nghĩa đến thế nào đi nữa. Từ chối, chạy khỏi âm vang tiếng thách

thức tàn dại của người cha và tiếng kêu rên thảm thiết của đám lính trong trại ngoại thương. Thế đó, ở đây suốt hai ngày qua Văn là cái xác muộn thừ khốn đốn, 8 giờ sáng đến 4 giờ chiều ra phố ngủ qua đêm. Và ngày thứ ba cái xác hồi sinh lại, mơ hồ đã lạc vào một vùng khí hậu khác, nơi có nụ cười tóc bay và tiếng kêu trông vui của Kim : anh Mun anh Mun.

Kim, con gái Đại hàn lai Mỹ. Kim có bà mẹ là một con điểm Đại hàn nghèo đói nào đó, có ông cha là một thằng lính Mỹ da trắng nào đó. Chắc chắn thế. Như chắc chắn Kim sinh năm 1952, và từ năm 1952 đến nay chắc chắn ít nhất Kim cũng đã nuốt vài chục kí lô truyền đơn chống cộng ca ngợi tự do, nhai vài chục thùng đồ hộp của lính Mỹ, để khôn lớn cho một ngày theo bọn bè đàn trống đến đây : mất đảm đảm nhìn xa, môi cười giữa gió lớn, khuôn mặt rạng rỡ vô tội.

Hai đứa, một gái một trai, con của một phương Đông không còn những vườn sương miếu nguyệt, đang gặp gỡ nhau trên ga bến Nam Việt nam, trọ trẹ chuyện trò bằng tiếng Mỹ giữa khoảng bóng mát an lành của đất đai Đông dương bết máu chiều nay.

● Với sự chán nản bại xuội sau ba ngày đợi chờ tàu ở hậu cứ trung đoàn, về đến đây Văn vội vã lại quẩy nạp giấy đi chuyển xin đi ngay, đợi một lúc biết không đi được Văn bỏ ra phố thăm người bạn lâu ngày không gặp nhau và với số lương lãnh đúp hai tháng nằm ở bệnh viện chưa kịp tiêu xài Văn tìm đi mua vé máy bay dân sự ngay. Không có. Đường xe đỏ không chạy được, đường sắt bị phá hỏng toàn bộ từ khi mặt trận mở lớn, và đường hàng không : tệ nhất ông phải mua vé trước ngày đi 10 hôm, hoặc bây giờ ông mua vé đợi, ráu đợi may ra vài hôm có thể đi được. Đợi, hôm nay xách gói lên ga chờ xem có đi được không, không đi được lại xách gói về đợi ngày khác. Hết. Dù chán nản đến độ nào sáng hôm sau Văn cũng phải đón xe về phi trường quân sự : có thể đi được nhanh hơn và lại khỏi tốn tiền.

Chiều thứ hai không có tàu, Văn lên lại phố, thay phải trở về nhà bạn thuê phòng ngủ, vất ba lô vào và bỏ đi lang thang suốt tối cho đến khi mới rã rời. Rồi ngày thứ ba : sáng mai tám giờ ra phố uống cà phê đợi theo xe bus về đây, chiều ở đây đúng 4 giờ xách ba lô theo xe bus lên phố, lên phố. Sáng nay vẫn vậy, 8 giờ đến phi trường, Văn ném cái ba lô vào góc chân tường, ra đứng trước cửa hóng gió, lơ đãng nhìn một chuyến tàu vừa xuống : cửa tàu mở, hành khách đủ màu da đang hối hả rời tàu đi vào, trong số có Kim. Kim theo bọn bạn bè trai gái đi vào sau cùng, đứng lại trước cổng số 1 đợi lãnh những vật dụng kèn cang vừa được xe vận tải vào theo. Với vóc dáng và màu da trắng mát đó khuôn mặt Kim nổi bật hẳn giữa đám bạn bè mình, gây sự chú ý cho tất cả bọn lính trắng đủ màu da màu tóc chung quanh. Giữa gió, Văn đứng hút thuốc, đôi mắt từng lúc lâu chăm chú nhìn Kim, Nhìn, chăm chú nhìn, và hững hờ quên nhanh, vì đứng nó xa xôi với mình quá. Một thằng lính Việt nam vừa đến đây từ một bệnh xá nheo nhóc tiếng kêu rên đang ngộp đắng giữa những ý tưởng hủy phá thân xác mình để dành lại một chút tự do dù cho cái tự do có cùng cực đến đâu đi nữa ; và một con bé Đại hàn lai Mỹ vô công rồi nghề, đang hí hửng đi ca hát giúp vui cho bọn lính đánh thuê khát máu. Hai đứa đang chung giữa một tương quan mệnh mông nhưng không thể có một điểm gặp gỡ nào được cả.

Và khoảng 9 giờ sáng, khoảng đó, cái không thể có đã có. Văn từ câu lạc bộ Việt nam đi ra, vừa đi vừa cúi đầu cần xé giấy gói thuốc, chạm nhằm Kim đang vừa đi vừa ăn kem vừa mãi chuyện trò với một con bé đen lùn loắt choắt trong bọn ca hát từ câu lạc bộ Mỹ trở về. Ly kem đổ. Ba đứa đứng lại. Văn kéo vành mũ lên, lấp bắp xin lỗi. Kim mỉm cười, khuôn mặt tươi vui, đôi mắt nâu đen mở lớn : không sao cả. Từ đó, từ đôi mắt mở lớn và nụ cười hồn nhiên không sao cả đó, tất cả đã được chấp chùng tạo dựng lên trong một thoáng giây ngỡ ngàng bất ngạt. Lớp khí hậu xám bầm tan hàng mất cùng những ý tưởng quanh quẩn tối tăm. Và cả cái quốc gia Đại hàn là một vùng lúc nhúc những dân cư man rợ ngu ngốc trong trí tưởng Văn hôm qua hôm kia

bây giờ đang lênh đênh những bóng cây in trên màu cỏ non
mướt giữa gió mùa man thiên. Đại hàn hôm trước là những tên
linh cảm bệnh chuyện trò gần gũi và Đại hàn hôm nay là Kim,
đứa con gái xinh đẹp vừa quên.

Kim tới lui, Kim riu rít chuyện trò với đám bạn, Kim đem
sách đọc, Kim tự nhiên soi gương chải tóc, Kim cười chào Văn,
Kim chu môi phát âm ngổ nghĩnh: Guân Mun, Kim ngồi lẻ loi
ngó ra xa vời.

Kim. Văn có người bạn gái tên Kim học chung lớp từ thuở
nhỏ không biết bây giờ đang chồng con sinh đẻ phương nào, một
người chị họ tên Kim đã chết. Kim ngồi đó. Văn đứng đăm đăm
nhìn, thấp thoáng khuôn mặt của những người bạn gái, những
thiếu phụ, những giọng nói tiếng cười đã mất tầm dọc đời sống,
và xa hơn, hồ như có nỗi thần quen nào đó không thể nhớ được.
Văn đứng lặng lẽ nhìn, cố nhớ. Thăm thẳm trong Văn những
giòng sông lớn sông con của xứ sở Đại hàn xuôi xuôi nổi nhau
trôi về biển khơi theo hướng gió mùa, những tàng cây lay động,
da trời bát ngát căng xanh.

Kim. Có tên gì? Kim, còn anh? Tôi tên là Văn. Huân? Không,
Văn, Huân? Không, Văn, Văn. Văn cố uốn lưỡi phát âm cái tên
mình thật đúng và thật rõ ràng nhưng Kim vẫn không gọi theo
được. Chợt nhớ Văn lấy bút viết hai chữ nho: Nguyễn Văn. Kim
chăm chú theo dõi từng nét viết cứng gầy và mỉm cười đọc khẽ
khi văn viết xong: Guân Mun.

— Guân Mun.

— Vâng Guân Mun.

26 tuổi đầu, 1 tuổi làm lính. 26 tuổi tên Văn, cái tên gần
như là một vốn liếng độc nhất người cha để dành lại, và bây
giờ một ngày tên Mun. Ánh Mun đợi tàu ra Huế, cô Kim đợi tàu
đi QN. Từ 9 giờ sáng đến hơn 3 chiều cả hai đường bay vẫn
chưa có.

● Sự thân mật của hai đứa càng lúc càng tăng dần thêm theo
các câu chuyện. Văn chưa biết gì về Đại hàn cả và Kim sang
Việt nam lần này là lần thứ hai, Văn chưa quen một người Đại

nào ngoài Kim và Kim cũng vậy: chưa quen người Việt nam nào
ngoài anh, cả hai đều không có một chút hiểu biết tối thiểu nào
về ngôn ngữ của nhau. Ngôn ngữ mà hai đứa tạm thời có thể sử
dụng để chuyện trò: tiếng Mỹ. Dăm ba chữ nho lắc lờ rơi rớt
lại đầu từ thời còn ngồi trên ghế nhà trường được Văn đem ra
góp vui thêm cho số chữ Mỹ quá đói nghèo nàn không đủ để đặt
tròn câu. Hỏi, trả lời, đưa tay kẻ kẻ lên mặt thùng phuy, làm
dấu, cười, gật đầu, lắc đầu. Thỉnh thoảng dăm ba câu hỏi hoặc
trả lời đang nửa chừng đã phải tắt dứt bởi không tìm ra được
chữ diễn đạt nhưng đứa kia lại không hiểu, cả hai đành buông
bỏ, nhường lại tiếng cười và những câu khác.

Văn đem thuốc hút đưa mời Kim. Kim lắc đầu cảm ơn, rồi
như chợt nhớ nằng cầm lấy gói thuốc nhìn xuống, lầm lầm
đọc mấy hàng chữ in, ngược lên hỏi:

— Chữ Pháp phải không?

— Vâng, chữ Pháp. Kim đọc được không?

— Không. Họ viết gì thế này?

Văn nghiêng lại gần bạn, hai mái tóc chạm sát vào nhau, hai
khuôn mặt cúi xuống trên những ngón tay trắng nõn của Kim
cầm giữ gói thuốc lá giấy xanh. Văn đọc, dịch từng chữ từng câu,
đến chữ «séchant» anh không biết dịch cách nào. Ngón tay
ngừng lại giữa lưng chừng hàng chữ, miệng đọc thì thầm giúp sức
thêm cho trí nhớ:

— Séchant, séchant.

Đợi một lúc, Kim nhìn lên, bắt gặp sự khó khăn trên mặt
bạn, bật cười. Văn đốt điếu thuốc còn cầm trên tay, lắc đầu thở
khỏi, cười theo. Hai tiếng cười hòa lẫn nhau giữa chiều gió lồng
lộng thổi và những mặt người tập chung tối tăm vây ngó chung
quanh.

Ngoài sân bay, như đã bao giờ đến bây giờ, những chuyến tàu
vẫn tiếp nhau lên xuống ồn ào. Một chiếc C130 vừa chạy hết
phi đạo, ngừng lại, chong chóng bắt quay, cửa mở, hành khách
bước xuống hối hả đuổi nhau vào phòng đợi. Văn hít từng ngụm
khói đầy, yên lặng. Văn cầm gói thuốc trên tay, Kim nhìn ra,
quay lui:

— Chắc chiều nay chúng ta vẫn chưa có tàu.

— Có lẽ thế.

Văn gật đầu trả lời khẽ, mỉm cười với bạn, và không dừng anh đi nấp đống lửa của điều thuốc vào lưng thùng phuy Kim ngồi, ném vào thùng rác bên cạnh. Có một chút nồn nao vừa vỡ bùng trở dậy, cơn vắng vất cẳng lên trên những đồi núi hướng Đông Bắc chập chùng như mờ mịt tối cuối tầm mắt Kim. Đi, ở tại. Đi theo tàu về với gia đình, và ở lại đây, với Kim, hai đứa trong một thứ gia đình khác. Những hình ảnh thoáng hiện, tan nhanh đi, rồi lại thoáng thốt hiện ra lại, tiếp vào những hình ảnh khác: những mặt trận đêm, những trại đồn, những góc phố vách tường tro tro cháy đen, những thằng Đại hàn man rợ cầm cái đầu người trợn mắt trước xe jeep, những xâu chuỗi kết bằng tai người khô queo, những họng súng bắn xối vào dân tỵ nạn, những tiếng kêu rên mắt trĩu giữa bốn bức tường trại ngoại thương bần thiu vàng kệt, đứa bé cụt châu không cha mẹ bỏ lê hết ngày này sang ngày kia trên hành lang đầy bóng báng, những bãi mìn vàng mù dưới ánh đèn trái sáng; rồi tất cả lại tan hẫc đi, khuất tiếp vào niềm vui lãng đãng cũ. Cứ thế, từ 9 giờ sáng đến bây giờ.

Kim trả gói thuốc. Văn cầm lấy, rút một điều mời hút, quên bằng điều thuốc vừa ném đi như đã quên cái nồn nóng và những hình ảnh vừa tan mất. Hút, thổi khói, chuyện trò, cười. Kim lại móc đồng hồ ra xem, nói khẽ:

— Sắp tới 16 giờ rồi.

— Chắc lại phải đợi đến sáng mai.

— Ban đêm anh ở đâu?

— Tôi ra phố, ở lại ngoài phố. Còn Kim?

— Chưa biết, còn tùy mấy người bạn.

Cả hai cùng im lặng một lúc, Kim lại mỉm cười hỏi:

— Gia đình anh ở ngoài phố này à?

— Không. Gia đình tôi ở Huế.

Kim hơi nhàu mày:

— Huế. Huế là đâu?

— Cô chưa biết Huế à. Huế...

Như một đứa trẻ chưa đủ sức xử dụng ngôn ngữ để diễn đạt cho bạn mình biết sơ qua vài nét nơi mình sắp về, Văn đưa tay

trỏ vời ra chân trời đằng trước: ngoài kia, xa lắm, Huế là kinh đô cũ của nước Việt nam, cách Đà Nẵng hơn 100 cây số. Kim chăm chú nghe, vẫn nụ cười và đôi mắt nâu đen mở lớn, bàn tay nắm giữ mái tóc cho gió khỏi bay che mặt, môi mấp máy lặp theo từng tiếng nói khó khăn của Văn.

— ...

— Cách Đà Nẵng hơn 100 cây số, trên đường ra Hà nội.

— Hà nội, xứ của ông Hồ chí Minh?

Văn gật đầu lúng túng, phần sợ bạn hỏi thêm câu khác phần chưa tìm ra câu mới để diễn tả cái ý mình muốn nói; và chợt nhớ, anh nói nhanh như không kịp nghĩ ngợi:

— Huế có một cô gái đẹp lắm.

Đôi mắt Kim thoáng chút ngạc nhiên thích thú:

— Một cô gái đẹp. Sao, bạn anh à?

— Không.

Văn đôi mắt mở lớn, nụ cười trên môi và hàng lông mày hơi nhíu lại hơn?

— Thế sao, cô ấy ra sao.

Văn cắn môi khẽ lắc đầu:

— Khó nói quá. Cô ấy tóc đen dài và đẹp như tóc Kim thế nhưng buồn bã hơn. Cô ta tên là Huyền Trân.

— Huyền...

— Huyền Trân.

— ...

Đứa này nói, đứa kia lặp lại. Huế, thị trấn có cô gái buồn bã, kinh đô cũ của nước Việt nam, trên đường ra Hà nội, một xứ sở ngăn ngắt mù khơi; và nơi đây, hai đứa đang trong một trò chơi kỳ cục: nói, lặp lại, gật đầu, nói. Từng lúc hai tiếng cười gái trai hòa lẫn vào nhau ấm áp như một nỗi tình cờ. Bóng mắt càng lúc càng chênh rộng dần trên sân phía trước.

● Một thằng đen đưa trong số bạn Kim đâu từ câu lạc bộ Mỹ về, vừa đi vừa ngồm ngoàm nhai nuốt gì đó, đứng lại đưa tay

vây Kim, nói một tràng dài lằng nhằng. Kim kéo đồng hồ, vội đáp lại. Thăng đen đúa đi khuất vào đám đông. Văn nhìn theo, hỏi bạn :

- Gì thế ?
- Nó hỏi gì ơ.
- Mấy giờ rồi.
- 16 giờ đúng.

16 giờ đúng. Tiếng Kim vừa dứt, tiếng của con mẹ mặc cái váy xanh léo éo báo cho hành khách Việt nam lên xe về phố. Giữa giọng nói con mẹ đó, sau câu nói của Kim, trong tiếng ồn ào của những chuyến bay lên xuống ngoài sân và tiếng chửi thề bực tức của đám lính chung quanh, Văn đứng bất động, đầu óc trống suốt ngơ ngẩn hẳn, đôi mắt nhìn quanh, nhìn lại Kim, không nghĩ ngợi gì được hết. Giọng Kim, vẫn những âm bậc đều đều và đôi mắt nâu đen mở lớn trong vui :

- Bây giờ anh về phố ?
- Vâng. Còn Kim ?

Kim trở tới đám bạn :

— Họ vừa bảo nán đợi đến 16 giờ 30, nếu không có sẽ về phố chơi đêm.

Đám lính tráng và đàn ông đàn bà Việt nam đang ôm xác nhau ra sân trước lên xe bus về phố. Từng toán từng lớp đi ngang qua, Văn vẫn đứng yên lặng. Đám người đi qua hết, Văn quay lại nhặt cái ba lô nhẹ tênh máng vào bên vai, nhét hai tay vào hai túi quần, mỉm cười với Kim.

- Thôi Kim ở đợi. Hẹn ngày mai.
- Ngày mai.

Trên chiếc thùng phuy cũ Kim đã ngồi quay hẳn người lui, bàn tay đưa cao vẫy chào, mái tóc rối bay quanh khuôn mặt trắng thắm, đôi mắt trông tới Văn, nụ cười yên lặng xa xôi dần. Văn lại đưa tay vẫy cười chào lần nữa và đi nhanh qua khung cửa, lẫn vào phòng đợi. Giữa bốn mặt tường vây rộng, những mặt người lúc nhúc, ghề xếp thành từng hàng dài, hai thẳng cao bởi

đang đánh nhau trên màn ảnh ti vi, tiếng bằng Mỹ rề rề trên máy khuếch âm báo tin chuyến tàu sắp bay đường Sài gòn. Không đứng Văn đứng lại một lúc, ngoái nhìn lui, đôi mắt bắt gặp màu vôi tường trắng ngàn khuất vùng sân bay bên ngoài, lại bước đi. Trên khoảng sân trước một chiếc buýt đầy khách đang từ từ quay đầu ra đường lớn. Rồi chiếc thứ hai, chiếc thứ ba. Ba chiếc nối nhau khuất hẳn ngoài bờ rào, vùng sân còn lại phoi trống tênh giữa nắng. Văn đứng đó, một bên vai máng chiếc ba lô, hai bàn tay giấu trong túi quần, nhìn ra khoảng sân, tựa hồ đã mất hết những tương quan với chung quanh, như một kẻ lạc đường. Dọc bờ tường đầy lính tráng tới lui, Văn là tên lính Việt nam độc nhất còn lại. Và cách hai mặt tường sau lưng Văn, chắc Kim vẫn ngồi hờ hững trông xa.

Ngày mai, tiếng hẹn hò bé nhỏ xác định cho một thời gian gần kề, gọn ghẽ và trong suốt, thoáng chốc chợt rơi bằng ngả màu vàng kạch như những tiếng kêu xa lắc không vọng âm : ngày mai ngày mai. Tiếng kêu đập tới những chân trời mờ ủa vắng về bóng người và Văn đầu óc rỗng không buồn bã.

Thờ thần bằng qua khoảng sân trống, ra đường lớn, Văn đi men theo bên lề mặt hắc ín trải tít giữa hai hàng giầy kẽm đan mắt cáo dựng cao nổi ra cổng chính. Mặt trời chênh nghiêng về Tây và con đường dài tới hướng Nam, chiếc bóng Văn bị hắt qua hàng rào giầy kẽm, di động lênh đênh như một con thú kỳ dị dọc bờ đất đầy những hầm hố phòng thủ bên kia. Gió vẫn lồng lộng thổi mãi với chiều.

Ngày mai, 8 giờ đúng, trong căn phòng khuất vắng Văn còn nằm mơ thấy gì đó cuối giấc ngủ sau đêm lang thang về muộn. Bởi chiều hôm qua trong tiếng hẹn hò bé nhỏ của Kim, Văn đã nghe hăng hà sa sỗ những tiếng người khác, có tiếng rên van không nguôi dứt của đám lính ở phòng ngoại thương, tiếng người cha tàn đại nguyên rửa trước những họng súng sau bờ đê, tiếng của hai đứa trong bản đồng ca thắm thương chung với đám nhân loại rách rưới tro than đất nhau lê thê về miệng vực cuối cùng trên cánh đồng chiều tận thế. Những âm thanh dai dẳng mịt mù,

Và 9 giờ, trong quán cà phê đầu phố, Vân biếng nhác ngồi hút thuốc dài hai chân nghe giọng người nữ ca sỹ hấp hối kêu mau : qua đi qua đi.

nguy ngữ
(tháng 4-1971)

MANG VIÊN LONG

nắm mồ còn lại

Chiếc máy bay trực thăng bay lửng lên những cuộn giấy kẽm gai và những cột đèn, nghiêng hẳn trên sườn đồi, sà thấp xuống dãy phố chợ quận lỵ. Cửu thấy mình như tách biệt hẳn với những dãy phố ọp ẹp, còm cõi chen chúc phía dưới. Những con đường đất lằn khuất dưới những hàng cây, ẩn hiện phai mờ trong cái vắng vẻ, nghèo khổ của một quận lỵ miền núi ít dấu chân người lui tới. Nhà xuống con phố với những nét thân thuộc như bám sát vào cuộc sống cô quạnh, đầy dọa của mình gần một năm nay, Cửu thoáng nhận ra nhiều nỗi xa lạ tình cờ đến trong đầu. Như thể anh chưa hề đặt chân lên miền đất này, và cũng ngạc nhiên với câu hỏi mơ hồ phải chăng đây là một miền đất có dấu chân người, có cuộc sống đang trôi nổi ?

Từ trên cao trông xuống, Cửu mới nhận ra được rằng quận lỵ quả thực chỉ còn một nhúm đất. Ngoài nấy đột hàng rào kẽm gai, cánh đồng bát ngát. Rải rác trong cánh đồng, những con xóm bỏ hoang trơ trụi cây lá, nhà cửa chong rở xẻ tàn phá, quạnh hiu. Bao bọc cánh đồng phía dưới là những lũy tre cần cỗi, dày chỉ chút. Phía trên quận, những trái đồi thấp. Sau lưng đồi dãy núi sừng sững đen thẫm. Mây lảng đảng ở đó trôi dần xuống cánh đồng bằng bèo mang theo hơi lạnh núi đá, và nỗi hoang liêu của cây cỏ nữa. Con phố vì thế như bị bao bọc bởi toàn một bầu

không khi êm ả, lặng lẽ đến mòn mỏi, chết khô. Ngày Cửu đến, khi được người hiệu trưởng ngồi cạnh chỉ cho anh biết khu đất mà anh sẽ gán bó, Cửu có vẻ hơn hớn như đã lâu trông thấy lại đáng một người. Anh cố thu nhờ hết mấy dãy phố chợ yên thân nằm hiền lành tội nghiệp phía dưới, không một chút buồn bã vương vất bởi những hình ảnh kỳ quái, đối trá của một cuộc sắp đặt thuyền chèo của ty. Tấn tuồng đã được sắp xếp, tập luyện từ trước, nhưng chỉ được diễn ra trong vòng một vài giờ với nhiều bộ tịch kênh kiệu, đạo mạo. Nghe thấy có nhiều tên đi ngã sau với rượu *Whisky*, Cửu tự hỏi tại sao lúc này người ta đã có nhiều nỗi chọn lựa lạ lùng như vậy. Tại sao người ta lại ghét bỏ những cuộc đất khổ khổ rạn rở này để chui rúc vào chốn tử nhục, yếu hèn kia? Sự diễm phúc hay bất hạnh đã được phân chia ranh giới bằng một cánh rừng mà Cửu đã vượt qua. Anh đã bước tới với nỗi bất hạnh dành sẵn mà không chút áy náy, hoang mang. Có lúc Cửu muốn bắt chước chị trách ông Trời không có mắt, buồn bã những người thân đã khuất không phù hộ, nhưng Cửu nghĩ, ông trời thì quá xa còn những người chết thì cũng nghìn trùng cách trở; oán trách chỉ cho mệt. Nhưng trước những lời đó của chị, Cửu nín lặng. Và với nét mặt xanh xao gầy hờ tuổi con gái một cỗi nào đó dành cho ông Trời ngự trị, và một cỗi nào đó dành cho những người đã chết ăn náu. Nhất là trong giọng nói hao hụt chấp chới bao xúc động rơm rớm nước mắt, Cửu cũng đành nghĩ theo chị: Ông Trời quả thực không có mắt.

Đó là những ý tưởng bị dồn ép sít sao vào cơn bàng hoàng, bất lực ngày Cửu xa chị và lũ cháu ra đi. Không còn cách nghĩ nào khác hơn có thể tự an ủi mình, và làm yên lòng chị bằng sự đồng ý về chuyện bạc ác của ông Trời. Xa chị, Cửu quên hẳn ông Trời nào đó trong trí tưởng tượng của chị mà anh thường bắt gặp trong đôi mắt chị ngơ ngác, chết lặng tia sáng long lanh của thời con gái kia. Cửu nghĩ xa hơn chị là không thể nào đem một ông Trời nào đó vào đời sống kham khổ mồ côi của mình được. Ông Trời không có dính dáng gì tới nỗi bất hạnh phúc hay đau khổ của con người. Cửu lại nghĩ thêm, lúc này, tuổi này, chưa thể đem ông Trời vào đời sống của mình được. Cuống quít với quá nhiều

bất hạnh, lo lắng như chị thì ông Trời có lý do hiện diện để chị còn một bến bờ mà trông tới, ước mơ. Sau ngày anh Hứa tử trận, chị kêu Trời nhiều hơn. Và cũng oán trách ông Trời nhiều hơn nữa. Nhìn chị sụt sùi khóc, nghe nhiều âm thanh tức tưởi bức rức lòng dạ, Cửu bực dọc nói, đó chị nghĩa lại coi ông Trời có ngó ngang gì tới cuộc đời của mình không? Thôi đừng có khóc kìa kêu ca gì nữa, hãy lo cho lũ cháu đi. Những giọt nước mắt của chị có niu kéo lại được gì cho suốt cuộc đời mồ côi của chị em mình?

Rời bãi đáp của sân bay đi rẽ vào phố, Cửu nghĩ tới chị nhiều hơn Diêu. Nếu chị biết được Cửu đang đi vào một miền cách biệt bất hạnh như thế, thì buồn khổ biểi chừng nào. Chị đang ngong ngóng dõi theo từng bước chân anh, nhưng những bước chân này đã dẫm sâu lên miền chông gai lẻ loi núi rừng cách trở. Đem cuộc đời lao đao dần trải trên mảnh đất rã rời, chết mòn. Tự dưng Cửu nghe nổi rộn rã hơn hớn trong lòng tan dần, êm thấm. Một cơn buồn phảng phất đuổi theo gót chân. Cửu cố lấy niềm phấn khởi của gã hiệu trưởng mà giữ lại những sôi nổi trong lòng. Nhưng làm gì xóa tan được nỗi buồn bã của mình bằng niềm vui của kẻ khác? Cửu lại thắc mắc, tại sao gã hiệu trưởng này lại quyến luyến, yêu mến miền đất này quá vậy?

Dãy nhà hai bên con đường phố chính âm thấp, yếu đuối cố ngoi lên, đứng thẳng với những cây cột chống đỡ xiêu vẹo đã nhiều năm không buồn thay đổi. Cái gì Cửu trông thấy ở con phố quận lỵ này cũng có ít nhiều dáng dấp hối hả, tạm bợ, lạnh lùng. Ngay những nét mặt đón chào gã hiệu trưởng, cũng ngơ ngác, âu sầu với nụ cười gượng gạo, máy móc. Nụ cười nở ra, rồi tắt ngấm trong muôn ngàn nỗi lo chờ chực, vây phủ. Về vội vàng trong những cái siết tay rời rạc không truyền ấm được chút tinh thần, nỗi nhớ. Khi qua hết mấy dãy phố chợ, Cửu rẽ vào một con đường nhỏ chật chội, bị những mảng mái hiên che khuất hoặc những cây cột chắn lối bước đi. Nhà cửa phần nhiều lợp tranh, vách đất. Những mái tranh đã mục nát được bao giữ bằng những tấm ván thùng, bìa cứng. Còn vách đất thì đã rữa nát bởi đã trải quá nhiều đợt mưa, quá nhiều lỗ đạn cây xoi. Mùi ẩm mốc, hơi hám hắt lên nồng nặc, buồn mữa. Cửu biết được

rằng, ngay những tấm thân rách rưới, khổ ải kia cũng chỉ là một cuộc sống, tạm bợ qua ngày thì cửa nhà đây cũng chỉ là một nơi tạm trú lênh đênh mà thôi. Kéo dài giấc mơ được trở về quê kiềng, ruộng vườn xưa, đất cát cũ đã làm héo mòn tất cả.

Cửu đứng lại sau lưng gã hiệu trưởng, người đàn bà bế một đứa con còn nhỏ mừng rỡ cười. Khi nhìn thấy Cửu đứng tần ngần ở hiên, chị thoáng ngơ ngác. Hình như gã hiệu trưởng nói gì với chị ta, một lúc chị bước ra, nụ cười ngập ngừng dò xét.

— Mời thầy vào nghỉ...

Cửu cười khò:

— Cảm ơn...

Gã hiệu trưởng ra đứng ở hiên, tay bồng đứa nhỏ.

— Anh thấy nó giống tui chút nào không?

Quay nhìn gương mặt thẳng nhỏ một chút, Cửu cười, làm thỉnh. Làm sao có thể trả lời được khi ghé đặng nhà gã ở tỉnh cũng thấy vợ thấy con. Gờ ở đây chẳng lẽ lại vợ với con cái nữa? Thời này sao có quá nhiều đứa con rơi rớt âm thầm như vậy quá không biết. Cửu nhìn thoáng lên nét mặt gã lúc đầu: Ông này hiền từ quê kệch ghê. Hiền từ quê kệch như vậy đã hai ba vợ, liệu thuyền chèo tới nhiệm sở khác gã có thêm bà nào nữa chàng? Cửu nghĩ, bèn gì gã nóng ruột hơn hờ khi đặt chân vào miền đất này là phải.

Buổi chiều âm u trong con ngõ ít bước chân người. Ánh điện từ ngoài bờ ruộng hắt lại nồn nao, mờ mịt hơn. Cửu rời vợ chồng gã hiệu trưởng, có ý dễ gã được tự do ấm cúng sau mấy ngày về tỉnh. Tâm lý ai cũng vậy, đêm trở về cũng hứa hẹn nhều nao nức. Dĩ nhiên Cửu không thể đem nổi buồn mình làm tan biến bao mong mỏi nào nức đó. Lúc Cửu hỏi nơi ngủ dành cho mình để khỏi làm phiền, người đàn bà nói chắc thầy Cửu buồn làm sao đòi ngủ sớm. Cửu nói không có buồn bả gì đâu chị, tỉnh tôi vẫn hạp với nổi yên tĩnh như thế này. Người đàn bà bảo ở quận đây trừ linh trắng, với mấy ông giáo lui tới, còn thì chẳng có ai thêm tới đây nữa cả. Ai đại gì dứt đầu vào chỗ độc địa heo hút này? Cửu cười, tôi tới đây làm dân số của quận tăng thêm, cũng vui phải không chị?

Cửu bỏ ra ngoài hiên, nghĩ tới lời người đàn bà: Ai đại gì dứt đầu vào chỗ độc địa heo hút này? Đã bước vào lần mới cuộc sống mà người ta gọi là bất hạnh, giờ lại mang thêm tiếng đại dột; nghĩ cuộc đời cũng lắm chuyện lồi thoi. Có cuộc đất nào lại hất hủi những cuộc đời muốn gắn bó, gắn gửi nó đâu. Đất ở đâu cũng hiền, cỏ cây ở đâu cũng xanh mượt êm đềm.

Đứng nán lại sống cho hết vơi bóng đêm tăm tối ghê rợn, thở cho hết hơi thở sợ hãi mỗi mòn, Cửu quay nhìn hai dãy nhà dọc đường đã mất hết ánh sáng. Một tảng bóng đen dờn dập hơi thở. Ánh đèn điện bằng bật hơn trong cõi vắng lạnh rêu rắt. Nhiều tiếng súng lạch cạch nổ trên mấy ngọn đồi trọc Vài ánh đèn treo lơ lửng trên không. Ánh sáng xoay chiều di chuyển những cành lá cây, măng hiên chập choạng. Thực sự Cửu thấy hơi lạnh ở lồng ngực, dù mùa hè đã bắt đầu những trận gió cát khô nam da thịt.

Nằm yên một lúc Cửu có ý trông đợi giấc ngủ vì thực sự Cửu thấy mỗi một quá trong mấy ngày lang thang ở tỉnh dễ chờ xin máy bay trực thăng, nhưng cuối cùng Cửu không thể yên lành trong hơi thở. Không dễ gì nhắm mắt yên được với cái ghế bố lỏng lẻo dành sẵn một chỗ mời cho anh. Cửu bồng bênh trong tối với thật nhiều ý nghĩ từ chỗ nằm mời này tới chỗ nằm cũ trong căn nhà cũ kỹ, quanh hiu của mình ở quê. Anh thấy đời anh bất đầu khác cũng từ chỗ nằm này. Muốn ngàn những cái khác nữa rồi cũng sẽ tới từ đây. Rất êm ái, Cửu quên lãng nỗi rã rời phiền muộn ám ảnh trong quãng ngày về sống với chị, mấy ngày nhận sự vụ lệnh lang thang khắp phố. Anh chợt thấy được sự cần thiết của một đêm thức trắng. Những đêm cay đắng với những ý nghĩ quả thực tuyệt diệu. Cửu nghe nao nao trong khoảng tối mới mẻ nhiều nỗi quyến rũ, thân thiết. Anh dũi thẳng chân tay như thách thức với tất cả mọi hình ảnh trở về từ nhiều lớp dĩ vãng đen đặc xa vời. Bóng đêm với Cửu những giờ phút chờ đợi như thể thực bát ngát, rạn rở vô cùng...

Cửu lại bắt đầu chú ý tới tiếng động của chiếc giường trong buồng gã hiệu trưởng. Tiếng động rời rạc, khô rỏ ràng. Âm thanh mỗi lúc một vọng lên gấp rút, cố tình. Âm thanh kéo dài Cửu mới định chắc được là gã hiệu trưởng hiền khô quê kệch này đang

làm gì rồi. Tiếng kêu dòn đã hơn, rõ ràng hơn trong khoảng tối không có kẻ hở. Diễn tả sự chung đụng của đàn ông và đàn bà mà nói tới tiếng kêu của chiếc giường thì thực là đầy đủ. Từ âm thanh đó Cửu tưởng tượng ra nhiều chuyện thật kỳ cục, bậy bạ. Anh chợt trần trở, nhắm nghiền mắt lại, xua đuổi hết mọi hình ảnh cảm dỗ và mời gọi giấc ngủ âm thầm...

Từ ngày có Hương, cháu người vợ hai của gã hiệu trưởng tới ở chung, Cửu nghĩ nhớ nhiều tới Diêu hơn mặc dù ngày Cửu đi Diêu sắp sửa lấy chồng. Diêu đang giọng mình để đón nhận một cuộc sống khác, hoàn toàn xa lạ với cuộc sống Cửu. Cho dù giàu tưởng tượng tới đâu, Cửu cũng không biết Diêu sẽ nghĩ ngợi gì, làm gì ngày đám cưới. Có một điều Cửu an ủi được mình là Diêu ít có những sôi nổi bực chạt như thời con gái nói năng hoa bướm, lý tưởng lỗi thời. Thiếu gì mỗi tình bắt đầu từ quyết định một căn nhà tranh hai quả tim vàng, rồi chỉ một năm những quả tim vàng cũng cháy tàn theo căn nhà tranh mơ ước. Ở Diêu, Cửu không nghe nàng nói tới những lời đó bao giờ, nhưng trong đôi mắt, nụ cười nàng, Cửu định ninh rằng Diêu đã yêu thương mình hết lòng. Như vậy cũng đã quá đủ cho đời anh rồi. Làm sao mong mỗi được ở Diêu nhiều hơn nữa khi cuộc đời Cửu như căn nhà không nóc ? Tìm không ra chỗ trú cho thân mình, huống hồ đeo bằng thêm một cuộc đời nào nữa để cùng dẫn dắt tới chốn lao đao ? Diêu đã lớn (tính cho tới Tết này Diêu hơn Cửu sáu tuổi), quãng ngày đợi chờ không thể kéo dài thêm để gia đình nàng thêm khổ lụy. Diêu đã thực sự vượt khỏi tầm tay ôm ấp Cửu, nhưng ánh mắt nụ cười nàng đã ở lại trong Cửu đời đời. Với sự ra đi của Diêu, Cửu không chút buồn bã hối tiếc, nhưng nếu bảo Cửu hân hoan với cái tin kia thì không đúng chút nào. Đành rằng trong tình yêu Diêu, Cửu lúc nào cũng nhận lấy những lỗi lầm về cho phần mình, và ao ước cho nàng hạnh phúc ; nhưng cái xót xa êm đềm ẩn hiện đã lần lượt được nỗi buồn tủi ở Cửu như bấy lâu nghĩ tới nàng. Vì thế anh thường lo lắng ở giữa nỗi chưa xót êm đềm và nỗi sung sướng nhen nhúm. Rất nhiều lúc Cửu lại nhận thấy anh có nhiều lỗi với Diêu, còn nàng thì thực là tình khiết và tội nghiệp. Trong tình yêu, ngoài lòng thành

tưởng nghĩ tới nhau có những gì đáng để chúng ta mong mỗi nữa đâu phải không Diêu ?

Hương buông tóc trước mặt Cửu, cầm lược gỡ cần thận từng phiến tóc mượt, dày. Hương cười, hỏi :

— Anh Cửu chiều nay rảnh không ?

Cửu ngồi ở ghế bố, hút thuốc. Anh trả lời bằng quơ :

— Có không trông thấy tôi thất nghiệp hay sao ?

Hương lại cười lớn :

— Thôi đi, anh mà thất nghiệp...

Cửu cười theo dễ dãi, cũng giọng vu vơ cũ :

— Tôi nói vậy cô không tin thì thôi.

Hương quay lại :

— Chiều anh rảnh ghé lại tiệm may em một chút...

— Có chuyện gì vậy ?

— Tháng này đặc, về tối em sợ...

— Cô mà sợ ma à ?

— Không, mấy ông lính gác dọc đường...

Đến phiên Cửu cười lớn :

— Tưởng gì, người ta chó ma cỏ gì mà sợ không biết. Sao mấy cô lại có nhiều cái sợ kỳ cục vậy ?

Nghe tiếng cười lớn của Cửu, Hương đỏ thẹn. Còn Cửu, anh lại nhớ tới lời cảnh cáo của ông bạn già ở trường : *Ở miền này, thầy coi chừng chó con gái chúng ghẹo. Thanh niên sáng láng kiểu thầy dễ mắc bẫy lắm chứ chẳng chơi đâu.* Nghe lời cảnh cáo, và nhớ tới những nét mặt ửng ọ liếc mắt đưa tình của mấy cô, Cửu thực sự hơi ớn. Anh không muốn cuộc tình gần bó của anh xảy ra ngoài dự định nuôi dưỡng trong lòng. Chỉ xảy ra, rồi lớn lên trong một vài đêm cuồng quít, vội vàng. Từ những nghĩ ngợi xa gần này, Cửu thường áy náy trong những bận gặp gỡ Hương, nhất là trong cảnh nhà vắng vẻ, riêng biệt này. Lời lẽ dành cho Hương vì thế cũng ngập ngừng, xa vắng.

Hương soi vào gương, rẽ tóc, rồi buộc bằng hai giây vải màu tím. Nàng có ý nhìn vào gương thật lâu. Với việc buộc tóc này, nàng chẳng cần nhìn vào gương cũng được. Hương có thói quen thường sẵn soi khuôn mặt mình trong gương trước mặt Cửu. Hình

như nàng bắt buộc Cửu phải nghĩ tới nét mặt xinh xắn của nàng sao đó. Con gái đẹp thường muốn người ta nhìn, nhưng coi bộ Cửu có vẻ thờ ơ với nàng quá. Phải nói thực, con gái nhà quê như Hương khó ai bì nổi nước da, mái tóc, gương mặt của nàng. Giả thử có cuộc thi sắc đẹp ở tỉnh, Hương cũng hy vọng nổi hơn nhiều. Trong quận, nàng đã nổi tiếng như một loài hoa đại mạo mà hương sắc. Hoa có nhiều hương, thì ong bướm đập diu vẩn là chuyện thường. Cửu thấy mình không là một loài ong, loài bướm nào đó để ngày đêm hút nhụy hoa sức nước hương thơm. Anh không thể làm một loại ong bướm bạc bẽo khi đã nằm kề cận bên Hương trong căn nhà nhỏ hẹp thiếu hẳn ánh sáng mặt trời này. Từng đêm Hương trở về bên giấc ngủ ở chiếc chõng tre kê sát vách Cửu như một lời gọi rõ ràng. Nghe hơi thở nàng đều đặn, Cửu có lúc tưởng đã ngủ thấy mùi thơm dịu dạt khó lạnh mặt, làm ngơ. Cùng lúc, Cửu nghĩ tới ánh mắt nụ cười Diên. Và anh vẫn nằm yên, đứng thật xa mà nghe mãi mùi hương phảng phất.

Cửu rời ghế bố, ra đứng ở hiên. Buổi trưa hanh nắng vàng sưởi ấm con ngõ cụt. Màu nắng vàng của mùa xuân không hề vương vất chút vàng vố, buồn tênh của những đợt nắng vàng mùa thu, mùa hạ. Cửu nhớ tới những sắc nắng ảm u với vơi sau giấc ngủ trưa rồi rã mùa hè chợt bất gặp ngoài khung cửa sổ, tự dưng anh thương mùa nắng ấm mùa này. Một nỗi nao nức rất trẻ con, rất tinh cò xao xuyên trong lòng Cửu. Anh cười vu vơ với những ý nghĩ thoáng tới trong đầu...

Hương cầm nón ra khỏi hiên, do dự đứng lại.

— Anh Cửu ở nhà...

Cửu nhìn Hương:

— Cô Hương dạo này hốt bạc dữ?

Hương e dè:

— Làm gì mà hốt bạc?

— Thì tết nhứt thiên hạ may sắm chớ còn hỏi gì nữa,

Hương cười tỏ vẻ đồng ý lời Cửu, chợt nàng nói thì làm nghề may vá có nhờ ở mùa này thôi, không có mùa này thì có nước chết đói. Lúc trước còn kha khá, lúc này ai vui về dư đã gì mà

may sắm hả anh? Không có tiền ăn, tiền ở đâu chừng diện. Nghe Hương có vẻ buồn sau câu nói, Cửu cười thân thiết hơn. Người lớn có phần giảm việc may mặc, nhưng con nít chúng phải có áo quần mới chứ? À, cũng nhờ vậy chớ. Anh gắng cố động học trở tới may tiệm của Hương đi nghe? Cửu nói với theo bước chân Hương, cái đó cô khỏi có lo...

Ở trường mấy thầy mấy cô cũng đã bàn quanh chuyện Tết theo sự chờ đợi nao nức của lũ học trò. Riêng Cửu, hễ có giờ nghỉ là anh mang chuyện quần áo mới, bánh tết, bánh khô ra mà nói cười với lũ học trò. Nghe Tết, gương mặt đứa nào cũng hực hớ sáng, xôn xao cười như thể ngày Tết kề cận ở ngày mai ngày mốt. Anh vẫn biết đứa trẻ nào lại chẳng trông đợi Tết như một ao ước quuyến rũ nhất trong đời. Và anh muốn đem tới, nuôi dưỡng ở chúng mơ ước êm dịu như thế, trong nỗi bất hạnh kham khổ hàng ngày. Đó là những gì Cửu có thể làm để xoa dịu nỗi đau thương nơi chúng bên sự tận tâm của mình.

Cửu vắt miếng phẩn ra khỏi khung cửa sổ, hỏi:

— Các trò đã may áo quần mới chưa?

Có nhiều tiếng trả lời:

— Dạ rồi...

— Giỏi.

Thằng Lập bỗng hỏi lớn:

— Dạ thưa thầy may chưa thầy?

Cửu cười, cả lớp cười theo:

— Thầy, nói thiệt, thầy nghèo lắm tiền đâu mà may?

Cả lớp phản đối ồn ào. Con Nhung nhìn Cửu dò xét, nói khẽ:

— Thầy mà nghèo, giàu lắm chớ bộ...

Cửu đưa tay ra dấu cho cả lớp im lặng. Hễ nói tới Tết đứa nào cũng có chuyện để nói, để kể. Mọi lần Cửu vẫn cho chúng tha hồ tâm sự với nhau, nhưng lúc này anh muốn được dự vào với chúng tâm sự của mình. Cửu vẫn giữ một cánh tay ra lệnh, cả lớp chìm dần tiếng động. Cửu nói:

— Thầy cũng nghèo như mấy em vậy đó, nhưng thầy sẽ cố gắng may một bộ đồ mới mà mặc với các em, chịu chưa?

— Chịu.

— Tết này thầy phải về quê vì thầy có vài việc phải lo, các

em ở lại ăn Tết cho vui vẻ, nhớ là khi đi học lại mang cho thầy mỗi trò một cái bánh...

Nhiều tiếng cười rúc rích nổi lên ở các dãy bàn. Cửu cười theo chúng nòng nân:

— Các trò thấy có được không?

— Được.

Gã hiệu trưởng đứng ở cửa gọi Cửu. Anh nói chuyện với lũ học trò, trở ra. Gã hiệu trưởng nói anh cho học sinh sắp hàng ngay thẳng để mình chuẩn bị lên quận đón phái đoàn chính phủ. Cửu nói lũ trẻ nhỏ biết gì mà đón rước, làm khổ chúng giữa nắng, bỏ học. Gã hiệu trưởng nhỏ giọng, thì mình thì hành theo chỉ thị của quận mà. Cửu cầu nhậu, thì mấy lão đó lúc nào lại không mượn lấy điểm, được khen? Gã hiệu trưởng vội vã rời lớp Cửu, qua dãy bên kia sân trường. Lúc gã vừa bước đi, Cửu quay vào lớp, anh cảm râm. *Mấy ông lớn đi chơi, bắt mấy thằng nhỏ khổ.* Cửu nghĩ tới bộ mặt dầy phở hời sáng đi qua, anh đã nhận thấy cái vẻ là lạ. Những bộ tịch gắng gượng để vươn lên chút nào nức, tươi tỉnh vẫn thường báo cho Cửu biết rằng sẽ có phái đoàn tới quận. Đám dân với cơ xí, biểu ngữ ở ạt đón chào để rồi trở về không với bốt nổi hoang mang, không thêm chút lòng êm thấm. Họ vẫn sẽ lầm lũi khó nhọc bên ruộng nương còn lại, vẫn sẽ chui rúc bụi bờ đêm đêm lẫn trốn. Rồi con phố này, vẫn sẽ lẻ loi mất hồn với những nỗi bất trắc thường trực. Cửu có ý định sau khi cho lũ học trò lên quận, anh sẽ ghé lại đảng tiệm may của Hương.

Đêm lạnh lẽo bằng bật bóng tối, trước hiên nhà chỉ còn lại Cửu và Hương ngồi ở hai đầu chiếc ghế dài. Gã hiệu trưởng có ý để cho Cửu ngồi với Hương như thế trong nhiều lần gặp gỡ. Người đàn bà cũng êm thấm trở vào buồng với gã hiệu trưởng. Sự vắng mặt của vợ chồng gã hiệu trưởng nhắc Cửu nhớ tới tiếng kêu của chiếc giường đêm nọ, còn Hương ngại ngần ngần ngại với nỗi tưởng tượng kẻ cận bên Cửu như đôi tình nhân. Im lặng kéo dài giữa khoảng cách chỉ cần nói thực nhỏ cũng đủ nghe, chỉ cần quàng tay qua đã ôm nhau được. Cửu đến bây giờ mới thực lòng thấy sự ra đi của mình thiệt bùi ngùi. Và việc ở lại của Hương đã gây cho anh rất nhiều yếu đuối, lao lung.

Hương chợt lên tiếng:

— Ngày mai anh Cửu về quê...

Cửu trả lời, nghe rõ giọng mình khàn hẳn:

— Ngày mai tôi về, cô Hương ở lại ăn Tết vui vẻ...

— Anh về chừng nào anh trở lại?

Cửu cười không thành tiếng:

— Chừng nào ở nhà hết bánh khô...

— Sống ở miền này biết tới đời nào tôi đi qua khỏi cánh rừng anh Cửu nhỉ?

— Đợi hè cùng đi với tôi luôn thể.

— Bây giờ tôi hề biết anh có còn ở đây không nữa.

— Sao lại không? Không lẽ người ta đưa tôi vào trong rừng sống với cọp?

Cửu nghe tiếng Hương cười trong vạt trong bóng tối mờ mịt. Ngọn đèn pha quay hướng ra mặt đồng, mở to đôi mắt buồn ngủ. Ánh sáng từng trái hỏa châu soi bóng Hương lung linh. Mái tóc dài lè thê nhuộm hẳn màu đỏ chói. Những sợi tóc óng ả đỏ như buột giữ, mời gọi Cửu tới gần hơn. Anh lại châm thuốc hút ngồi sát cạnh Hương.

— Anh về, Hương muốn anh tặng cái gì?

— Tùy ý anh Cửu...

— Đôi lúc ý anh không hợp với Hương thì sao?

— Anh cho gì Hương cũng nhận.

— Thiệt hả?

— Hương đâu có gì nói dối anh.

— Vậy thì gắng mà đợi anh...

Chiếc máy bay bắt đầu bay trên cánh rừng, mây mù phơi phơi. Từng đợt gió thổi và cửa tàu bỏ trống. Cửu nghe lạnh rần rạt da thịt. Cảm giác xa lạ nao nao lúc từ tàu nhìn lại phố chợ quận lỵ như đã trút bỏ hết cả. Anh nhẹ hẫng trong nỗi lãng quên, quên cuộc sống héo mòn đơn độc, quên tiếng cười Hương đêm qua mềm môi ân ái. Tất cả mờ nhạt, êm đềm như một giấc mơ lảng lảng nhớ lại, chấp chờn quyến luyến. Giờ đây Cửu đang vượt qua cánh rừng, bước tới một bến bờ khác.

Cửu xách sắc tay vào tới cổng thấy Út đang ngồi ở sân với mâm mực gừng, mực bí còn ướt 1 nước đường. Ngẩng lên nhìn ra Cửu, Út cười thảng nhiên nhưng như có vương chút gì thờ ơ, lạnh lùng trong cái lèch môi trẻ nãi, chậm chạp. Cửu hỏi:

- Má đâu có bé?
- Má ngoài bếp phía sau...
- Bả làm gì ngoài?
- Tháng này mà anh còn hỏi làm gì à?

Cửu lại cười với Út, lần này anh thấy cô bé mỗi lúc càng khó tính, hay hỏi vặn vẹo lời thôi. Cửu vừa đi vào nhà, vừa nói vọng ra sân với Út:

— Câu hỏi thề theo... nghi thức thường lệ mà cũng khó chịu với người ta, cô bé này lại giữ chừng.

Cửu quảng sắc lên phẳng, gọi lớn:

- Má...
- Đứa nào đó?
- Thằng Cửu mà, má nhiều con quá lại quên hết trơn.
- Mà về hồi nào giờ này mới tới đây?
- Con vừa về máy bay hồi sáng, gặp mấy thằng bạn cọt kéo

núi kéo say sưa ở các quán...

— Chà, lâu lâu ở núi xuống sương dữ há?

Cửu ngồi xuống cạnh bà cụ chủ nhà trọ cũ của Uy, của Khuê, của Diễm, của Ân. Giờ những Uy những Khuê những Diễm những Ân mỗi đứa một ngã như ngựa lạc bầy. Uy đã mãi mãi ra đi vào cõi chết lẻ loi mặt mờ u uất, còn lại mỗi đứa mỗi miền gian nan khổ ải. Miền của đứa nào cũng rừng núi bao bọc bùng bít đau buồn và âm vang tiếng súng. Miền của đứa nào người ta cũng dễ dãi lấy chiến tranh an ủi và lừa gạt con người như lời thư Khuê đã nói với nỗi ngạc nhiên, tức giận. Uy đã ra đi không bao giờ trở lại căn nhà bằng hữu này những tháng năm tụ họp, lang thang Còn Khuê, còn Diễm, còn Ân thì không bao giờ dám trở lại nơi căn nhà này nữa dù vẫn ước ao. Cửu nghĩ tới sự trốn chạy những khoảng không trống lạnh nơi căn nhà này của chúng, thấy sự có mặt cô đơn của mình như một gã mù

lòa già nua quay về với một xó xỉnh nào đó thật an phận. Bề nào thì Cửu cũng là kẻ còn nơi đây để lãnh chịu nỗi vắng vẻ âm thầm của chúng, chơi vui trong từng vùng kỷ niệm nhỏ nhất nhớ lại. Cửu nhớ lại lời Diễm: *Mày sẽ khóc khi trở lại đây, hãy không tưởng về căn nhà cũ, con phố xưa; chứ đừng mơ về nữa.* Bây giờ, những ngày cuối năm thật êm ả vắng lạnh, Cửu đã trở về, nhưng Cửu không khóc. Chung quanh anh sự trống trải như du lòng vào một cõi nào hoàn toàn cách biệt, xa lạ với dĩ vãng. Cửu thấy nao nao buồn là vậy. Những giọt nước mắt sẽ làm trôi mất tuổi buồn êm thắm, và Cửu muốn được bình yên với nỗi buồn ngọt ngào đó một mình. Những đêm vào xuân còn gây ngất hơi đông cả bọn chia nhau từng tấm áo len, áo mưa cũ đi rong ngoài phố thật khuya, trở về bàn chuyện ồn ào chọc phá bà cụ ngủ không được. Lúc hết chuyện bàn, cả bọn nghĩ tới quả mức của bà cụ, chia nhau dò dẫm xuống nhà bếp mà ăn cắp. Có đêm bà cụ ngủ say (vì đã già còn thức khuya làm mức bánh), thì coi như đỡ nghe bà cụ mắng; thường thì bị bại lộ ngay khi vừa đặt chân vào khoảng tối của gian nhà bếp bởi bọn Khuê, Uy, Ân không thạo việc này. Đợi thuở nào đi ăn trộm lại đụng đầu nhau ầm ầm rồi cười vỡ bụng như réo bà cụ thức dậy? Dù có chờ đợi bà cụ và Út ngủ say tới đâu mà làm kiểu này thì nhất định thất bại. Gặp một vài lần như thế, bà cụ biết chừng mang hết các quả rim mức, bánh khô bỏ vào tủ khóa kỹ nên mỗi chiều bọn Uy đều nhắc:

— Nè má, sao không cho những quả mức rim kia vào tủ?

Bà cụ cười hiền lành:

— Các thầy khỏi cần nhắc mà, công việc tui tui lo...

Bây giờ bà cụ mắt đã mờ phải đeo kính để sắp những miếng mức bí, mức gừng vào quả. Cửu ngồi nhìn bà cẩn thận sắp sửa từng miếng mức tưởng như những thứ đó là loại không thể sờ nó ăn uống được. Út từ sân trở vào đứng sau lưng Cửu, hỏi thình lình:

— Anh Cửu không về ăn Tết na?

Cửu vẫn ngồi yên bên bà cụ, trả lời:

— Ở đây tối tối ăn cho hết quả mức này mới đi lặn.

Bà cụ dừng lại, cười với Cửu :

— Ờ, mày ở lại mà ăn đi nhà bây giờ có còn ai đâu ? Tao trông mày ở lại...

Út cũng ngồi xuống co ro bên Cửu, khoanh hai tay ôm lấy ngực, cô bé làm như cái buốt giá mùa đông vẫn còn ôm lấy thân hình tròn trịa, mập mạp, giở chứng của mình. Út nói với giọng hơi run :

— Tết nay nhà này vắng teo, buồn lắm anh Cửu à...

Cửu hỏi :

— Thăng Hùng không được về sao ?

— Cẩm trại trăm phần trăm làm sao mà về được, hình trạng khổ thấy bà mà ai biết anh ấy ưc ?

— Nếu cô là con trai thì cô cũng chui vào rừng mà ở từ khuya rồi chứ không còn ngồi đây mà nói dóc...

Cửu đứng dậy, chống hai tay lên chân song cửa sổ nhìn ra vườn sâu sau thấy mùa xuân đã trở về trên mấy khóm hoa nở sớm, lòng tự dưng rộn rã, bồn chồn. Rất ít khi anh thấy rõ cái hối hả, gấp gáp nơi anh như bây giờ. Trong miền đất chôn nhau cắt rốn như đất đất vô tình mọi nhớ tưởng, mọi gót chân ham lưu lạc của anh sắp trở về nay mai xuôi khiến anh kiếm điếm lại đời mình trong những phút giây bất chợt nôn nao. Lần nào cũng vậy, và dường như chuyển trở về muôn mản xao động này làm anh chuốt lấy thêm cho những đắng cay cô lẻ tro phiền muộn nghìn đời như những nắm mỡ còn lại bên cạnh đời anh. Giá không có những ấm mỡ kia, thì miền đất anh trở về sẽ vô cùng trống trải, sẽ vô cùng hoang mang, sẽ vô cùng tủi thân cho anh biết chừng nào. Nắm mỡ còn lại cho anh tuy là chứng tích của bao nỗi hãi hùng đứt ruột nhưng vẫn là nơi còn lại cho lại anh nghĩ tới để những giọt nước mắt được vỗ về. Những người còn sống (ngoại trừ người chị với đôi mắt còn trông chờ ở ông Trời), Cửu không tìm thấy chút nào gần gũi níu giữ gót chân anh, và buồn hơn là anh cũng không tìm thấy nguồn an ủi nào cho những giọt nước mắt. Những giọt nước mắt dành cho người còn sống không yên ổn dịu dàng như những giọt nước mắt anh đã khóc cho người chết. Những nắm mỡ còn lại canh cánh bên đời thường du anh

vào những giấc ngủ vui êm đềm, biết gì chẳng trời đất. Cửu nghĩ, anh sẽ tha hồ ngủ sâu trong căn nhà của những người chết để lại cho anh trong mấy tuần được nghỉ.

Cửu chợt quay lại nói trống :

— Chà, tết nhưt gì mà buồn thiu...

Bà cụ vẫn làm lúi ngời sửa soạn quả mứt, bà nói :

— Lũ trẻ đi vắng hết trơn, thời này ba anh thanh niên thiệt

khổ ..

Căn nhà bỗng tối âm u, hơi gió lạnh man man lùa vào các khung cửa mở. Phía ngoài nắng u u, gió hiu hiu lay động những mảnh lá bạc hà vươn cao. Mây chấp chùng một khoảng trên nóc mái nhà đầu đường. Út cũng biến nhất nói chuyện, không liu lo cười giòn như hồi còn nhỏ. Chừng như cô bé cũng bắt đầu biết buồn trong những điều mơ mộng. Cửu lấy thuốc, cúi xuống bên bếp than hồng mới lửa. Cửu nói với bà cụ : Con đi ra ngoài phố một chút, ngày mai con về...

Xe bắt đầu chạy ngược liên đèo Cù Mông, tới bây giờ Cửu mới bắt đầu thấy vững bụng. Hơn sáu ngọn đèo lớn nhỏ mà Cửu đã vượt qua, hơn sáu lần anh liên tưởng tới chiếc xe bẹp dúm cháy đen nằm rải rác bên đường dưới chân đèo Tuy Luật. Chiếc xe đã cháy nát cùng với ba mươi sáu người trong một tiếng nổ. Nhìn những nét mặt nhợt nhạt hối hả trên xe. Cửu nghĩ chắc gương mặt của mình cũng tội nghiệp như thế, thì những gương mặt kia sẽ chết đi trong đầu còn đặc sệt muôn vạn nỗi lo lắng, sợ hãi. Tới lúc chết mà không còn được yên ổn trong óc, có phải đó là những nỗi khổ tội cùng của đời người không ? Thời này có thiếu gì người chết mê sảng ngơ ngác như thế.

Mọi người nhón nháo hầu lên như cùng phôi phôi với cảnh đèo cao, xanh lá. Gió núi thổi mù cửa kính, mây mù trải thấp lung thưa. Dưới lũng sâu cây lá rì rào trời dấy. Nổi mừng rõ trên nét mặt vừa thoát khỏi cơn ác mộng reo vui trong lòng mọi người. Cửu thấy mình cũng lâng lâng nhiều cảm giác êm ái vô cùng. Ngày xưa, người đi bộ tới đèo Cù Mông là một nỗi lo lớn, nay nay ngày đi xe lên tới đèo Cù Mông là một mừng vui vô hạn. Cửu liên tưởng tới một câu ca dao nói tới những cực nhọc

của người đàn bà quẩy gạo thăm chồng ở bên kia đỉnh Cù Môn với vợ: *Công tôi gánh gánh gồng gồng, quẩy gạo thăm chồng* bà bị còn ba. Quẩy gạo qua đèo mà bây bị còn lại ba, quả thật không còn nổi khổ hơn để diễn tả công lao và nỗi lòng củ người đàn bà thương nhớ tới chồng. Rất tự nhiên, Cửu nghĩ tới Hương với giáng bụi ngùi ngơ ngắc, trong buổi sáng đưa an qua hết dãy phố tới quận. *Sống ở miền này biết tới đời nào là đi qua khỏi cánh rừng anh Cửu nhỉ?*

Cửu gọi xe ngừng lại một ngã rẽ để đón xe Lam về nhà không muốn xuống bến. Đứng ở bên cỏ ngã ba, Cửu nhìn những chuyến xe xuôi ngược lao đi với vàng như con thú bị ruột đuôi. Trời nắng ấm da thịt, những đợt nắng mùa xuân bao giờ cũng vậy. Bao giờ cũng vương chút ngầy ngất mơ hồ của những đợt nắng cũ. Cửu nhận thấy trong sắc nắng băng khuâng này, mùa xuân hình như không có gì thay đổi, xa lạ. Những mùa xuân trong ký ức với những chuyến xe trở về đầu đầu trong ánh nắng giúp Cửu biết cái nắng mùa xuân dễ trông thấy hơn các mùa. Có lẽ cái nắng êm ả ấm áp ngầy ngất kia đã thấm nhập vào người anh từ lúc yêu Diêu. Diêu đã chỉ cho Cửu cảm thấy cái rạn rở tươi mát của sắc nắng mùa Xuân trong những mùa xuân gần gũi, nhất là lan đi thăm mộ của mẹ Cửu đầu năm. Diêu đã nói: *Đi mãi trong cái nắng êm ả để vỡ này em càng thấy bị chúng quyến rũ anh à.*

Giờ thì Diêu không biết có còn bị cơn nắng mùa xuân này quyến rũ nữa hay không nhưng với Cửu khó mà tách rời khỏi chúng. Chiếc xe Lam hồi hã chạy vào khu phố, bỏ những đợt nắng vàng lóng lánh trên đồng; chấp chóp trên những đợt tre cao. Khu phố của tuổi thơ Cửu hiện ra ngỡ ngàng vô hồn trong mắt Cửu như mọi đạo trở lại. Cửu biết từ lâu trong khu phố này, trong miền đất đã chôn nhau, ngoài năm mồ mẹ đã nằm yên gần mười tám năm nay, anh không còn lại gì nữa. Chỉ đã dìm bực con cái về sống ở quê chồng ngoài Đập đá. Diêu đã khăn gói theo chồng như cánh chim biển biệt, và những người thân trong khu phố lại quần quít nhiều hơn với vàng bạc coi rõ nghĩa tình. Đó là một thói thường không ai đại gì chuốt lấy cho mình nỗi buồn khổ vô lối, nhưng Cửu cũng không tránh

được cho mình những buồn khổ dư công kia mỗi lần đặt chân vào khu phố như lần này. Bóng Cửu thấp thoáng qua mấy dãy phố đông đảo, anh thấy cần quẹo vào chợ để tìm một cái gì ăn cho đỡ ruột...

Cửu nghĩ ngay tới việc dắt mã của mẹ trước khi đón xe buýt ra thăm chị ở Đập đá. Năm này có lẽ Cửu là người đi dắt mã muộn màng nhất, bởi dù Cửu có nóng ruột cũng không làm hơn là từng ngày ăn rồi ngủ chờ chờ từng chuyến máy bay tiếp tế còn rộng một chỗ để cho anh chui vào. Cửu ghé vào một cái quán của mấy người tản cư dựng tạm bên đường mua một thẻ nhang rồi vội vã qua cầu.

Vác cuốc lên vai, Cửu cười với người đàn ông:

— Ngày mai chú có rảnh không?

Gã hỏi lại:

— Chỉ vậy cậu?

— Nhờ chú dắt giúp mấy cái mã...

— Rảnh chứ, nhưng ở gần đầu đây không?

Cửu do dự:

— Ở trên chợ Huyện...

Gã nhăn mặt:

— Ồ, ở ngã đó ai mà dám đi. Năm trước lão Lượm cũng băng qua đó dắt mấy cái mã cho bà Vĩnh, bị cụt trội hai chân...

Cửu nhớ lại lần đi dắt mã năm ngoái, năm lão Lượm bị mìn ở giữa bãi gò máu me thấm ướt cỏ, năm Cửu vác cuốc quay trở lại mà chạy như thỏ đế. Tiếng nổ nổ ra đúng vào lúc Cửu lo lắng chờ đợi nên càng làm anh hoảng sợ. Từ đó trở đi, Cửu ít dám đến thập hương cho ngôi mộ này. Những ngôi mộ cũng chịu lạnh lẽo, buồn bã như cuộc sống còn lại bám chặt lấy đất. Chiến tranh, cho đến những ngôi mộ, những người đã chết đi rồi cũng không tránh được nỗi khổ.

Cửu lại cười với người đàn ông:

— Thôi, tôi mượn cây cuốc một lát nghe chú?

Từ trên một mô gò cao Cửu ngạc nhiên thấy ngôi mộ mẹ anh đã được dọn sạch sẽ quá, Cửu lầm bầm ai đâu mà đi dắt lợn mã mồ của người ta vậy cả? Cửu chạy xuống quảng gò, mắt anh

không dời ngôi mộ. Đúng là ngôi mộ này, ngôi mộ như ngôi nhà làm sao mà quên nổi. Vậy mà ai dấy lộn vậy cả? Tới gần, Cửu lại thấy những bó chân nhang đã được đốt cắm trước ngôi mộ. Mùi nhang còn đỏ, có lẽ mới mấy ngày gì đây chứ không xa đâu. Cửu bực dọc với sự lộn xộn của người nào đó đã dấy dọn ngôi mộ thì ít nhưng điều không được tự tay chăm sóc ngôi mộ từng măng cỏ, năm đất lại xuôi Cửu nuôi thêm cơn giận. Anh ngồi bệt xuống cỏ, nhìn những chân nhang rơi vung vãi với bụi tro còn giắt trên đầu mộ, nghĩ ngợi lao lung. Công việc mà anh đã sắp xếp, trông đợi hơn một tuần nay giờ anh không được thực hiện. Cửu man man buồn, anh rút nhang ra khỏi bao giấy, tránh gió quẹt diêm đốt...

Lũ chẵn bỏ ở đằng xa thấy được bóng Cửu rũ nhau kéo tới. Cửu nằm trên một khoảng cỏ, cạnh ngôi mộ. Trong lúc anh ngược nhìn chiếc máy bay trực thăng lơ lửng bay trên đọt tre thì lũ chẵn bỏ đã đứng bao quanh anh, cười cợt. Cửu ngồi hẩn dậy khi nghe tiếng lũ nhỏ. Anh cũng cười cợt với chúng như thể đã quen nhau từ đời nào. Với lũ nhỏ, thật dễ dàng để làm thân với chúng, và cũng dễ dàng để chúng tin yêu. Anh nhìn chúng với đôi mắt thân thiết, và với đôi mắt ngạc nhiên buồn bã. Mùa xuân đang ồn ào trên phố, mùa xuân đang rộn rã trong xóm, lũ nhỏ này từ bỏ hết mọi thứ ồn ào rộn rã đó ra nơi hoang vắng này với những con bọ lam lũ như chúng. Nét mặt đứa nào cũng hiền khô, thơ dại. Với ngón roi trên tay, với đàn bò trước mặt; chúng đã sống cho tuổi thơ của chúng từ bãi gò này, tới bãi gò khác, bãi gò nào cũng hiu quạnh vắng ngắt dòng đời.

Cửu chồm tới bắt một đứa vào lòng, hỏi:

— Nhà em ở đâu?

Thằng nhỏ cười cười, mắc cỡ. Lũ nhỏ đứng ngoài cũng cười theo, nửa thích thú, nửa trêu ghẹo.

Cửu lập lại:

— Nhà em ở đâu?

Thằng nhỏ vẫn không chịu trả lời, cố gỡ tay ôm giắt của Cửu. Chợt một thằng nhỏ đứng gần nói, nó không có nhà đâu mà hỏi cho mắc công. Sao lại không có nhà? Nhà nó cháy rồi. Cháy hồi

nào vậy? Cháy tận hồi lâu rồi còn hồi nữa. Cửu bỏ dở ý định hỏi tiếp về gia đình nó, thấy không có lợi gì khi nhắc nó nhớ lại những bất hạnh trong đời. Cửu chợt cười, Tết lên nhà anh chơi nghe không? Nhà ông ở đâu chứ? Nhà ở trên chợ đó, biết chợ không? Biết chợ sao không, tui thường đi chợ với má tui hoài. Bây giờ má em đâu? Má chết lâu rồi còn hỏi.

Im lặng một lát, Cửu lên tiếng hỏi:

— Mấy em có biết ai dấy lộn mã của má anh không?

— Mã của má ông nằm đó hả?

— Ừ.

— Vậy sao cái bà hôm trước thuê ông Nhuận dấy tui bây?

— Bà nào kì cục vậy?

— Bà đó còn nhỏ mà...

— Đứa nào có thấy rõ ràng nói cho anh nghe coi, anh cho tiền mới tiêu Tết chơi...

Tụi nhỏ lại cười rộ lên, nhìn nhau dò xét. Cửu cười theo bọn chúng, lập lại, thiệt mà, đứa nào thấy nói rõ ràng anh cho tiền tiêu Tết? Cả lũ e dè, một lát thằng lớn nhất bọn nói đứa nào cũng thấy hết mà, làm sao nói? Thì đứa nào cũng được.

Cửu nóng ruột:

— Bà đó mặc đồ gì, màu gì đứa nào nhớ?

— Áo dài, màu vàng lá cây, khô...

Cửu nghĩ: Không lẽ Diêu đã trở về bên ngôi mộ này để nhớ thương anh, và tiếc những đọt nắng xuân quuyền rũ? Chỉ có nàng tới thăm ngôi mộ này với Cửu trong màu áo vàng ứa những ngày đầu xuân. Nếu không là Diêu, thì ai đã thấp nhang cho ngôi mộ? Cửu rung rung nhớ Diêu với sắc nắng nồng nàn dễ vỡ trước mặt. Mẩu đối thoại trong một đêm ba mươi lúc Cửu ghé lại nhà Diêu thăm chơi Cửu đã nhớ rành rọt. Thấy Diêu ngồi ở bực thềm một mình, Cửu dừng lại, nói:

— Tết rảnh mời chị lên nhà tôi chơi?

— À, để Tết rồi hãy lên chứ, bây giờ...

— Nói vậy chứ tôi không muốn chị lên chút nào.

— Không thì thôi, ai kêu mời...

— Phải mời vậy cho nó đúng phép chứ tôi đâu có thích. Chị giận tôi không?

- Sao lại không giận được ?
- Thiệt hay giận ?
- Ai nói giận hồi nào đâu ?
- Chị giận tôi nhiều hay ít ?
- Nhiều...
- Để ở đâu ?
- ...

Dù Diêu không trả lời, Cửu vẫn biết chắc Diêu giận thì để trong lòng. Miễn có để trong lòng Diêu chút gì của Cửu là quý rồi, dù giận hờn hay thương yêu. Và Cửu nghĩ biến những thứ giận hờn trong lòng người con gái thành nỗi yêu thương không khó khăn gì. Nhất là với Diêu chỉ một lời năn nỉ một nụ cười hiền cũng đủ xóa tan hết những giận dỗi rồi reo trong lòng nàng. Quả thực Cửu đã làm Diêu quên hết trên con đường dẫn nàng xuống thăm ngôi mộ mẹ Cửu ; và trong bận trở về, sau nụ hôn không kim giữ được trong căn nhà thấp thoáng ánh sáng mỏng như tình yêu vừa chớm, Diêu như cuống quýt sít sao bên đời Cửu vậy.

Cửu mệt mỗi đứng dậy móc túi lấy tiền phát cho mỗi đứa mấy chục. Lũ trẻ nhận tiền, cười thích chí. Bỏ lũ trẻ, Cửu lững thững đi lại trước nấm mộ. Thở nhang đã cháy tàn từ lâu. Lặng nhìn ngôi mộ một phút, Cửu vác cuốc lên vai đi ngược lên gò. Anh chợt quay lại nhìn lũ nhỏ, nói lớn :

— Sáng morgen một chờ anh nghe chưa ?

Từ trên bờ gò cao, Cửu đứng xoay lưng lại nhìn ngôi mộ lần nữa, Anh thấy ngôi mộ bây giờ đã chôn hình ảnh hai người thân yêu mà anh sẽ trọn đời không thể gần gũi...

mang viên long

DU TỬ LÊ

bước lên thăm đời

Ngoạn bình tĩnh lạ thường. Cái bình tĩnh đến độ lạnh lùng tro tro như tai nàng chưa hề nghe một lời nào đau đớn, như mắt nàng, chưa hề thấy rõ dáng điệu điên cuồng của người cha, vẻ hiu hiu tự đắc một cách khôi hài của người anh, mặc dù óc nàng vẫn còn sống độc bình ảnh Phở im chịu trong cơn thịnh nộ của tất cả mọi người thân trong gia đình nàng. Tất cả mọi sự đã xảy ra, Ngoạn nghĩ, một lần, tung toé hết. Bây giờ không còn là thời gian để ngắm nhìn, để xét duyệt lại những sự kiện đó nữa. Ngoạn không còn thì giờ. Quyết định đã là quyết định. Chỉ còn không đầy sáu tiếng đồng hồ nữa, trời sẽ sáng. Mặt trời sẽ lên cao, và một lần thêm, một lần cuối cùng nàng nhìn mọi người trong ngôi nhà bao năm đã sống, để rồi ra đi. Đi và không bao giờ trở lại. Phía trước mặt, con đường mờ mịt đau thương hay chói lóa hạnh phúc, đã là một réo gọi, một mồi mồi âm thầm nhưng quyến rũ. Phía trước mặt, chỉ có những bước chân đi tới mới hy vọng tìm thấy những mảnh trời, mới hy vọng mở ra những vùng ánh sáng...

Ngoạn, xếp cần thận những tấm áo của gia đình may cho, thành một chồng riêng. Nàng chỉ lấy ra khỏi tủ, những quần áo do tiền của nàng mà có. Những chồng sách thân yêu của những đêm cô đơn, trần trọc cũng được di chuyển lần đầu tiên

khỏi vị trí cố hữu. Những con vật bằng đất nung cũng được Ngoạn bỏ riêng vào một bao giấy. Đó là những kỷ vật gần gũi duy nhất còn sót lại, mang dấu tích lủi thối của những ngày trẻ thơ của đời Ngoạn.

Khi thu hẹp xong tất cả những vật dụng định bụng sẽ đem đi người Ngoạn cũng đã mệt nhoài, rã rượi. Lúc này, nhìn những gói quần áo, những chồng sách, những túm giấy dệp nằm khuất kín trong một góc nhà kho, Ngoạn mới thấy lòng mình khi không trống xuống. Những cảm xúc, những ý nghĩ tủi thân đánh võng tâm hồn Ngoạn làm những giọt lệ từ từ rung chảy. Mãi tới giờ phút đó, Ngoạn mới khóc được. Những giọt nước mắt như bị bỏ quên, may mới có dịp lao xao, xạc xào, hối hả xô nhau.

Ngoạn ngồi bệt trên bệ gạch của mái hiên nhà sau, chân thả xuống nền đất.

Bóng Ngoạn ngã xiên về một phía, rúm co, lùnh bùnh như một cái bao tải được móc trên một cây gậy nhỏ, Con chó Lu từ sân trước trở vào, ngửi ngửi đôi chân Ngoạn để trần trước khi dụi dăng nằm né cạnh, một bên. Ngoạn đưa tay vuốt ve những sợ lông mềm ướt rịn sương đêm trên lưng nó. Ngoạn muốn nói với nó rằng, ngày mai, sáng mai này Ngoạn sẽ không còn ở đây nữa. Lu sẽ không còn một dịp thêm trông thấy Ngoạn. Lu cũng sẽ không bao giờ được ăn những đĩa cơm với thật nhiều thức ăn thừa do Ngoạn đem cho. Ngoạn tưởng tượng những câu hỏi mà con Lu sẽ hỏi Ngoạn. Và Ngoạn trả lời nó. Rằng Ngoạn cũng không biết Ngoạn sẽ ở đâu. Phải rồi Ngoạn không biết Ngoạn sẽ ở đâu, sẽ ăn uống, sẽ làm việc, sẽ sống như thế nào. Nhưng đâu sao thì Ngoạn cũng không ở đâu nữa. Đó là điều duy nhất, chắc chắn. Ngoạn trả lời với con Lu rằng Ngoạn phải ra khỏi nhà, bởi không một ai trong ngôi nhà này còn muốn thấy mặt Ngoạn. Ngoạn là cái gai nằm sâu trong mắt mọi người. Ngoạn là cái nhọt đã mưng mủ và đang hồi tấy sưng, gây nhức nhối cho mọi người. Ngoạn cũng không còn trông mong ai, bất kể cả ba Ngoạn, hiểu cho Ngoạn nữa. Ngoạn cũng không phủ nhận cái hữu lý của mọi người, khi bắt Ngoạn phải chấm dứt liên hệ với phở.

Có ai không nhân danh lẽ phải, tình thương yêu để chặt đứt

sự sống ở một người khác đâu. Ngoạn cũng không phủ nhận những điều mà mọi người coi như là những phát giác kinh hoàng về Phở là không đúng. Đúng lắm. Hoàn toàn đúng. Vì Ngoạn đã biết những điều đó trước mọi người. Ngoạn cũng không coi sự còn lui tới giữa Phở và người đàn bà đã có con với chàng trước khi gặp Ngoạn là một chuyện tầm thường. Trái lại, đó là một vấn đề vô cùng quan trọng. Nó ảnh hưởng trực tiếp và mãnh liệt tới hạnh phúc của đời sống Ngoạn sau này. Nhưng vấn đề là ở Ngoạn. Là thái độ và trách nhiệm về một chọn lựa tự ý của mình. Mọi người, kể cả ba Ngoạn (người duy nhất trong ngôi nhà Ngoạn đang sống, tỏ ra hiểu Ngoạn nhiều hơn cả), cũng đã không thể thấu hiểu tâm trạng của Ngoạn. Cái tâm trạng của một đứa con gái, tuy nhỏ tuổi, nhưng đã sớm hiểu biết, sớm nhận ra ở mình, những nét cá biệt, và cũng sớm nhận thấy mình, chỉ là mình, qua những cá biệt đó. Mọi người không thể nhìn thấy một cách thấu đáo con người thực của Ngoạn. Một con người sinh ra vốn đã áp đầy cao ngạo và tự tin. Không cần đợi lúc va chạm với thực tế ở ngoài đời, Ngoạn cũng đã sớm thiết có riêng cho mình, những quan điểm, bất bất di dịch về đời sống, về tình yêu, về hôn nhân, về hạnh phúc. Ngoạn vẫn đinh ninh rằng người phụ nữ, không thể có một cuộc đời thứ hai, để dành cho tình yêu thứ hai. Mỗi kẻ có thể có nhiều lần chạm mặt tình yêu, nhưng chắc chắn, chỉ một lần, sống được tận cùng với nó. Những lần khác, chỉ là hư ảo. Ngoạn không thể quan niệm rằng Ngoạn có thể gầy dựng lại một cuộc tình nào khác, với một người đàn ông nào khác hay thứ ba mà Ngoạn sẽ gặp. Một khi người ta không thể có một tình yêu thứ hai để ứng dụng cái linh nghiệm đã gặt hái được ở lần đầu, thì cách hay nhất, là hãy sống chết với cái mà mình đã nhìn nhận nó, như một tình yêu đích thực. Nếu chẳng may đó là một lầm lẫn, thì ít ra cũng là một lầm lẫn rực rỡ, một lầm lẫn đã cháy sáng, đã lung hoành một trái tim ta, một quãng đời ta, dù chỉ riêng ở một phía, ta, mà thôi. Chỉ có những phản bội chính tự nơi mình mới làm ta cúi mặt. Những lầm lẫn (nếu quả thế) trong đam mê, trong rung động mặc nhiên, chân thực, luôn nâng ta

lên, dù cùng với mắt ngược, là những đôn đầu, những ê chề nhục nhã.

Làm sao mọi người có thể nghĩ được rằng Ngoạn yêu Phở, chính vì cái dĩ vãng mù lòa của chàng. Ngoạn không thể chịu được loại đàn ông không có dĩ vãng. Người đàn ông chưa khổn quá ít nhất một lần trong tình trường, dù ở tuổi nào, cũng chỉ là một trẻ vị thành niên. Đó là một nhánh cây chưa đủ sức mang lấy chính nó với những cành lá hoặc xum xuê, hoặc xác xơ, cháy nám. Bởi thế, theo Ngoạn, phần quan trọng còn lại là thái độ và trách nhiệm của y đối với quá khứ. Và đó cũng là môi trường, là một thách thức đầu tiên, lắm liệt lắm khốc (có thể) đặt trước một người con gái, với tình yêu của cô ta. Hoặc cô ta vượt qua được đề thấy tình yêu của mình chất ngất thánh thần, hoặc không đó là đất lở, là cát bồi, để cô ta tự đào lấy cho mình một huyết sâu của đau thương, tằm tối. Nhưng ở trường hợp nào thì người con gái kia, cũng vẫn còn giữ lấy được cho mình một niềm kiêu hãnh. Đó là thái độ dứt khoát của một lựa chọn sống, chết.

Gió đêm thổi những tàn lá trứng cá chạy nhảy trọng sân cùng như khoảng tối đầm gầy nên bởi tàn lá vù vù di chuyển trong một khoảng sân đã bắt đầu lạnh ướt sương khuya.

Vượt khỏi hàng rào đâm bụt thấp là những khóm tre vòng xuống với những chiếc lá dài màu ngà đang đưa tiếng ru kéo kẹt của căn nhà bên kia. Xa hơn nữa, thành lính với bức tường thấp xám, cách quãng đều, có những lỗ cốt, từ đó, những ngọn đèn pha, chốc chốc rực sáng, quét đi quét lại trong một vùng nhà cửa im lìm với những mái lợp xụp, lùn xuống như những thân nấm còi cọc.

Con Lu ghé miệng lên nghe ngóng động tĩnh. Vầng trăng hạ tuần đã lên cao khỏi bức tường thành.

Con Lu dụi dụi chiếc mõm vào ống chân Ngoạn và nhảy nhẩy ống quần nàng như nói : thôi cô đừng đi. Cô hãy ở lại đây với con. Ngoạn cúi nhìn nó. Nàng vuốt ve cái đầu xương cứng, thì thào :

— Nhưng dấu thế nào thì ta cũng phải đi Lu à.

Ngoạn thấy Lu có vẻ lắc đầu, tỏ dấu không tin :

— Chắc gì ông đã để cô đi.

—Ừ. Cả ông, cả bà, không để gì để cho cô đi đâu.

— Nhưng đã nói thì làm. Tính ta như vậy.

— Cô không sợ ông làm phiền đến cậu hay sao ?

— Có, ta có nghĩ đến chứ. Nhưng ông làm gì thì làm. Cùng quá ta chết là cùng chứ gì.

Ngoạn cảm tưởng như con Lu le lưỡi dài kinh hãi. Nó nói :

— Cô chỉ được cái nói đại. Con là một loài thú bốn chân, ăn bần mà con còn tha thiết sống, hưởng hồ chi có...

Ngoạn ngắt lời nó :

— Con nói đúng. Con là loài thú bốn chân, con ăn bần nhưng con còn biết con đi bằng bốn chân, con nhận con ăn đồ bần, trong khi cái giống tên gọi là người dù đi bằng hai chân, dù không ăn đồ dơ bần, nhưng sự thực họ đã đi cả chân lẫn tay, họ ăn uống xác thân đồng loại, họ hèn mạt, họ dễ tiện và cái thảm hại là họ đã không biết họ là như thế.

Con Lu rùng mình. Nó ngúc ngoắc cái đầu :

— Nghe cô nói thấy mà ghê.

Ngoạn gật đầu :

— Bởi thế cho nên bao giờ người ta cũng bực đường cho mọi sự thật. Và ngay cả tình yêu nữa...

Ngoạn nghĩ tới Phở... Anh có bực đường viên kẹo tình yêu anh cho em. Và lớp đường đó, với bao lâu sẽ tan hết trong miệng ngậm, em ?

Con Lu đang nằm bồng chồm đứng lên, nó ngo ngoe sữa vu vơ vài tiếng khi thấy vầng trăng quá tỏ, soi sáng trước mặt nó.

Trong khi ấy, ở một gian phòng, trên cao, của một building, một người con trai còn thức và đang cầm cúi viết. Viết.

du tử lê

4-71

TRẦN HOÀI THU

cối mù tằm

Trong đám lao công đào binh, người ta đã cắt tôi và một tên khác nữa, phụ coi việc săn sóc những bãi cỏ trong biệt thự. Mùa hè, đã làm cháy khô mọi vật. Hầu như không có một ngọn cây nào chịu mọc lên từ bãi đất khô cằn cằn nức nẻ kia. Nắng theo mặt trời càng lúc càng hừng hực. Thỉnh thoảng có một cơn gió núi, thổi qua khiến bụi đỏ tung lên mù trời quất xối xả vào mặt mày chúng tôi cùng với hơi nóng rát. Mùa hè từ đỉnh trời chói lòa đã như một tai ương đổ xuống thân phận mỗi người. Đó là đêm lạnh run, chúng tôi chắc chịu trọn căn nhà tôn chật hẹp, xung quanh vây bủa bởi những lớp hàng rào dây kẽm, và gió núi lồng lộng vào khe cửa bỏ trống đó là ngày như ngộp lửa, chúng tôi phải đổ xuống vùng đất cao nguyên này bao nhiêu bát mồ hôi cho những ngày tháng khổ nhục. Làm sao những bãi cỏ xanh mướt trong biệt điện đã có linh hồn để hiểu cho điều đó. Làm sao những kẻ đang đi dạo êm đềm trên sân, vào những buổi chiều dưới những tàng cây trâm, cây dáng hương và cây sứ kia đã hiểu cho điều đó?

Thật vậy, mùa hè đã làm cho tất cả bãi cỏ trong thành phố trở nên xơ xác. Cỏ đã chết từ một ngày nào, vàng khô như một bãi sa mạc. Nắng đã ngán màu xanh rì êm ái của một mùa mưa và thay vào đó là một vùng đất chết. Nhưng ở đây, sau cánh cổng sắt, và dãy tường vôi vàng nhạt, là một thế giới khác. Ở

đây, người ta đã sống như bậc vương giả và quý phái. Ở đây, là những sân cỏ xanh rì, và chiều tối có những buổi tiếp tân linh đình. Người ta đã quên đi những cảnh tàn khốc đang xảy ra ở bên ngoài kia. Ở đây, có phi lao, có dáng hương, có hoa sứ, có hoa giấy, ở đây có chỗ lý tưởng để người ta dễ suy tưởng càng thiên nhiên. Những bức đá tranh quý giá, dẫn lối về một hành lang mát lạnh. Những chú chim sẻ buổi trưa đuổi nhau riu rít dưới hành lang. Và chiều đến, những người đàn ông đàn bà ra sân cỏ, nằm hoặc ngồi, một cách âu yếm bên nhau.

Dù chúng tôi đã khổ sở để tưới nước suốt ngày, nhưng trên lớp cỏ xanh, lại hiện ra những bụi cỏ vàng. Mùa hè đã đổ xuống những trận nắng lửa, khiến nước cũng phải chịu thua. Chúng tôi đã làm việc quần quật từ sáng sớm, mãi đến khi trời chập choạng để cỏ nứu kéo màu xanh trở lại. Chúng tôi đã chuyển những ống cao su dài dặc, mang nước từ giếng, về bốn phía. Đôi khi ống cao su bị hỏng, chúng tôi không biết cách gì hơn là phải gánh những thùng nước, một đoạn khá xa để tưới sân. Người ta đã không muốn thấy một ngọn cỏ vàng chết đi giữa biệt điện. Óc mỷ thuật của họ quả thật là phong phú. Có lẽ họ nghĩ đến sự mềm mại cỏ, nỗi êm ái của chiếc thảm xanh, sự dịu dàng của đất trời trong một mùa hạ nắng lửa như thế này. Bởi thế ông thượng sĩ phụ trách chúng tôi, đã lo âu không ít. Ông đã phải hét ra lửa, mỗi khi đi kiểm soát.

— Làm ưn cái khỉ gì, để cho cỏ mỗi ngày mỗi chết.

Bạn tôi vừa kéo ống cao su, vừa nói:

— Bầm thượng sĩ. Tại trời nắng quá. Chúng tôi đã cố gắng hết sức.

Ông ta la lên:

— Tôi không biết. Đây là trách nhiệm của các ông. Tôi muốn thấy ông nói chưa dứt câu, thì tôi đã cắt ngang:

— Thượng sĩ không thấy bọn tôi làm việc từ sớm đến tối sao? Trời muốn chứ bộ bọn tôi muốn đâu.

— Các ông cãi tôi hả. Tôi muốn thấy, không có một bụi cỏ chết héo.

Bạn tôi làm bầm:

— Cỏ gì mà quý hơn cha hơn mẹ.

Rồi hần bỏ đi. Tôi không nói, ngồi chồm hổm, những luồng nước tóe xuống thật dịu dàng. Ông thượng sĩ đã bỏ đi. Đáng ông ta vẫn còn hần học. Thì ra, tôi đã hiểu, ông cũng là một tên tù đáng thương. Ông cũng phải chịu đựng một trách nhiệm thật khốn khổ, hơn cả bốn phận chúng tôi nữa. Ông là kẻ đứng mũi chịu sào, mỗi buổi sáng khi thượng cấp nhin về phía sân cỏ. Và mỗi lần bị cấp trên la, thì ông đã đổ bao nhiêu hần học xuống đầu chúng tôi. Đôi khi, ông dọa cho chúng tôi một trận đòn — đôi khi ông cảnh cáo đối chúng tôi về làm lao công chiến trường ở các tiểu đoàn bộ binh. Chúng tôi chỉ việc yên lặng cho qua ngày tháng. Bởi vì trên đầu chúng tôi đã chiếu sẵn một vì sao bất hạnh nhất.

Hoàng hôn đã về rất chậm. Ngõi biệt điện đã nhuộm một màu vàng sẫm, trên mái ngói. Lũ chim sáo đã từ một khu rừng nào trở về như mọi bận, gọi nhau inh ỏi. Thỉnh thoảng, tiếng ve sầu lại trời lên theo một cung đàn buồn bã. Các cây sừ, đã rụng đầy hoa trên bãi cỏ, trên lối đi, bằng ximăng. Phía xa, nền trời đỏ ửng, và một mặt trời hiện sau các nhánh phượng khẳng khiu. Thật là một hoàng hôn kỳ diệu. Những cơn gió mát đầu tiên của một ngày mùa hạ đã bắt đầu trở lại, lung lay những khóm lá đáng hương. Ở chóp những cây trâm đang độ nở hoa, bướm vàng từng đàn dập dờn bay lượn. Tôi chết ngất trong thiên nhiên tuyệt vời ấy. Tôi muốn nhắm mắt lại, mà nằm ngửa soài hai tay dài trên bãi cỏ mượt, cát phẳng, và êm ái như lòng nói kia... Tôi muốn an ổn, đôi mắt nuốt trọn những chiếc hoa giấy tím lấm đỏ thắm đang phất phơ trong gió kia... Thế giới của riêng tư đã đột nhiên trở về cùng tôi trong buổi chiều sắp chết. Tôi quên cả việc di chuyển ống dây cao su, sang nơi khác. Tôi quên cả những trận cuồng nộ mà mỗi ngày chúng tôi phải hứng chịu của lão thượng sĩ. Tôi quên cả một sân cỏ mênh mông, mà chúng tôi có nhiệm vụ vua què. Tôi nằm xuống cỏ, ngất một cọng cỏ, nhai nhẹ nhàng. Dưới mắt tôi, bầu trời vẫn còn sót lại bởi những đám mây trắng lẻ loi, và ở phương Tây, rặng đỏ vẫn còn in một màu hấp hối.. Tôi đã cảm thấy dễ chịu lạ lùng. Những nỗi nhọc mệt trong ngày coi như đã thành mây khói và cả cái dĩ vãng khổ nhục của một kiếp lao công thì cũng coi như là một giấc

mơ mà thôi đề một buổi chiều, như chiều nay, tôi bỗng trở nên thấy mình là một kẻ hạnh phúc nhất. Tôi đã quên đi tất cả. Tôi mới nhận ra thiên nhiên quả thật bao dung. Thiên nhiên đã sáng tạo bao nhiêu vẻ đẹp cho những đứa con của Thượng Đế. Thiên nhiên âu yếm và triu mến đối với những người biết hưởng thụ thiên nhiên. Tôi quên đi những giọt mồ hôi đã tắm đầy trên lưng áo lính như nhớp của tôi. Những giọt mồ hôi vàng mà tôi phải đổ ra khi tôi đáng lẽ không đổ. Như mẹ tôi đã ôm tôi mà khóc, em tôi đã ôm tôi mà nức nở, khi họ lên thăm tôi vào buổi sáng. Tôi nghiệp, bà cầm tay tôi, mà khóc ròng. Bà nói trong tiếng nấc :

— Tôi nghiệp cho con tôi. Nhìn con, mẹ đau lòng quá.

Còn em gái tôi, thì mắt chan hòa lệ. Nó đưa cho tôi một cây thuốc Mỹ.

— Anh có khổ không. Họ có đánh đập anh không.

Tôi cười, an ủi :

— Mẹ và em đừng lo. Ở đây cũng sướng rồi. Chẳng bù những người khác, họ phải đi tải đạn.

Chừng như thấy mẹ và em tôi khóc dữ, tôi phải tìm cách khuyên họ ra về. Tôi không thể can đảm nhìn những nỗi đau khổ của kẻ khác. Chính điều đó, đã khiến tôi trở nên một kẻ tù tội như thế này. Những nỗi đau khổ của tha nhân, mà tôi đã gặp, có phải chăng ở trên những quảng đường tôi vác súng đi qua, trong những ngôi làng chúng tôi xung phong vào chiếm, ở những người chúng tôi bắt trông một chuyến lục soát. Tôi nói, ngheạ ngào :

— Mẹ làm gì thế. Thiên hạ cười cho kia kia.

Mẹ tôi, chắc thấy con bà mang chiếc áo tả tơi, nhớp nhúa. Chắc bà thấy mái tóc tôi lù xù, mặt mày tôi đen đúa, đầy bụi đỏ. Bà đã hỏi :

— Con còn bao lâu nữa mới mãn hạn ?

— Dạ, một vài tháng nữa thôi. Thôi mẹ và em về.

Tôi quay lại nhìn em tôi. Nó xách một chiếc giỏ mây. Gương mặt dễ ưa, và chính điều ấy, tôi cũng tự hào không ít. Bởi ở chúng tôi, đã hấp thụ được một nề nếp nho phong. Ba tôi, nguyên làm quan sau đó từ quan, trở về làm nghề dạy học, kiêm thầy thuốc Bắc. Ba tôi, đã cho chúng tôi biết thế nào là niềm tự hào của những người trí thức. Tôi nói với em gái :

- Em dẫn mẹ về. Tối nay, em ở đây?
- Dạ phòng ngủ anh.
- Về sau, em đừng đi như thế, anh không muốn đâu.
- Mẹ cứ đòi em dẫn. Mẹ trở bệnh mãi.

Tôi cúi đầu xuống, nhìn những chiếc hoa sứ, ngủ dưới bờ cỏ. Em tôi chợt nói:

— Chị Tường Vi có chồng rồi. Lễ cưới mới tuần trước gì xa xót lắm, đã vắng ở đây, rồi bùng dậy, khiến tôi muốn chảy nước mắt. Dù tôi đã cố gắng kiềm giữ tình cảm, nhưng sao tôi không thể kiềm chế nổi. Nàng đã lớn. Tiếng ve bắt đầu kêu rền và đàn chim én đã múa lượn trên các chóp cây. Ở những tầng trâm, bướm bay dập dờ xung quanh những khóm hoa mới nở. Mắt tôi mờ đi. Tự nhiên tôi thấy tôi đã đánh mất một cái gì quá đỗi yêu dấu. Không, không. Tôi muốn hét lên. Không có nghĩa lý gì, khi đời ta như thế này. Em tôi nói tiếp:

— Nghe chị ấy đi lấy chồng. Em biết anh buồn.

Tôi thở mạnh.

Bên tôi, mẹ tôi vẫn còn tấm tức khóc. Tôi đã hỏi hã:

— Em dẫn mẹ về đi. Họ sắp đến kia kia.

Em tôi vẫn còn ngần ngại:

— Tối nay anh xin phép ra được không?

— Làm sao được em. Anh là một tên tù mà.

Một vài vì sao đã bắt đầu hiện trên nền trời vào tối. Những thân cây già non như những con ngựa gầy xòa tóc. Bãi cỏ đã mờ dần như đắm trong một cơn mơ lênh đênh. Nỗi buồn thật hiu hắt, tôi cứ ngỡ mình như là một vì sao lẻ loi trên kia, để sinh ra mà khóc lóc cho cuộc hiện sinh. Ừ nhỉ, Tường Vi đã đi rồi, đi thật cách xa đây rồi. Tôi sẽ không còn dịp để mỗi chiều, vừa tưới nước, vừa nhắm mắt, ước ao, một lần nào đó, trong ngày bình yên, tôi và nàng đi dạo trên cỏ mát. Cô sẽ quẹo lượn dưới chân, và chiều sẽ lướt thướt trên đầu. Tôi sẽ không còn dịp để vừa nhặt những chiếc lá rụng trên sân, những chiếc hoa sứ trên bãi mà gọi nàng trở về, như một cánh chim tuyệt vời quá sức. Tôi đã mơ mộng thật nhiều. Một bãi cỏ, một chỗ ngồi, một đôi tình nhân, dưới những tàn hoa sứ. Tôi mơ, buổi chiều sẽ

êm đềm như mái tóc của Tường Vi. Chính những giấc mơ ấy đã giúp tôi đầy đủ kiên nhẫn, cùng nỗi chịu đựng trong cuộc sống khổ cùng. Bây giờ đã hết, và tôi đã hiểu, trăm ngàn đứa con gái, chắc gì tìm được một người, trở thành một vầng trăng soi cuộc đời người con trai trên giòng lênh đênh. Không ai hết. Tường Vi cũng thế. Nàng đã có đầy đủ lý do để tìm một lối thoát cho bản thân nàng. Nàng không thể chịu đựng được một cuộc sống bấp bênh của người tình nhân. Nàng không đáng trách. Thực vậy nàng đã không đáng trách.

Những vì sao mỗi lúc mỗi mọc. Đêm đã thực sự bắt đầu. Tiếng gọi của người bạn tôi, đằng sau:

— Sửa soạn trở về chứ. Muốn ăn đòn hả. Tôi vụt bùng dậy khỏi cơn mộng. Người bạn tôi, đã vác bình tưới, cào và giỏ. Riêng tôi, tôi vẫn chưa muốn dậy. Giờ này, có lẽ ở trại đã sửa soạn cơm nước. Giờ này, người ta bắt đầu canh gác căn mật xung quanh căn cứ. Tôi chợt thấy lại gương mặt đau khổ của mẹ và em tôi. Tôi đã lạnh lùng xỏ đuổi họ. Tôi đã tìm cách để không dám nhìn những giòng nước mắt tuôn trào trên má nhăn nhoe của mẹ tôi, cũng như đôi mắt đỏ hoe của đứa em gái. Tôi cảm thấy thương bà hơn lúc nào hết. Tôi nghiệp cho mẹ tôi. Trong các đứa con của bà, tôi là thằng con mang cho bà nhiều lo âu, đau khổ nhất. Ngược lại tôi chưa hề giúp đỡ bà một đồng bạc. Mà trái lại là đáng khác.

Tự nhiên tôi có ý định, trốn ra khỏi trại đêm nay. Tôi muốn đến quỳ gối bên mẹ tôi, để bà vuốt tóc tôi như một thằng con bé dại. Tôi muốn bản hoan nói với mẹ tôi, rằng trong thời buổi chiến chinh, mạng người như cỏ rác, cái chết như bất gặp mọi nơi, mọi chốn, từ thành thị đến nhà quê, từ hậu phương ra tiền tuyến, con trai người vẫn còn sống để chờ đợi. Dù cuộc sống của đứa con người phải đánh đổi lại bao nhiêu ngày khổ nhục, chịu đựng bao nhiêu cơn mưa bão hành hạ xuống thân xác. Tôi muốn đồ những giòng nước mắt mừng tủi của tôi để người thấy, là tôi vẫn còn đầy đủ sức lực để mà tự tin trên bước đường lênh đênh... Tôi nhắm mắt lại. Nhưng một ý nghĩ khác lại chiếm đoạt đầu óc tôi. Tôi không thể nào rời bãi cỏ trong biệt điện này để

ra mặt trận tải đạn được nữa. Tôi đã chứng kiến những cái chết thê thảm của bạn bè tôi khi tải đạn ở các chiến trường, khi trong tay không có lấy một khẩu súng. Tải đạn, nghe đến tiếng ấy, tự dưng tóc gáy tôi dựng đứng, và tim tôi tự dưng đập rộn ràng. Tải đạn, những quả đạn cối 61 ly, những thùng lựu đạn M26, những cọc dây kẽm gai, những bao cát phòng thủ, những ngày di chuyển theo các trung đội súng nặng, bên tai đạn bom thét gào, mà mạng sống của mình chẳng khác một sợi chỉ mảnh. Tải đạn. Tiếng ấy, như một tai ương khủng khiếp cho đời lao công đào binh — đời của một tên quân phạm trả nợ áo cơm tù tội cho chính phủ. Những bóng người còm lưng lê bước khắp khênh, trên lưng, trên vai, chiếc đòn gánh lắc lư từng gánh đạn như mang trên lưng một vì sao chổi.

Vàng, tôi không thể rời bãi cỏ êm dịu, đang cố vươn lên sức sống trong một mùa hè nắng lửa như mùa hè này. Từng vuông cỏ, là từng nỗi gian khổ của chúng tôi. Từng ô đất xanh rì, là từng bát mồ hôi đổ xuống, dưới ánh mặt trời hồng da như một mặt trời trên sa mạc ở vùng cao nguyên này. Mồ hôi và nước mắt của chúng tôi, đã đổ xuống đấy, từ buổi sáng 5 giờ đến chợp mắt, để níu kéo lại cái màu xanh đẹp đẽ, hiền dịu, dưới bầu trời xanh và một thiên nhiên xanh. Mẹ và em tôi có hiểu tôi không?

Mẹ tôi, em tôi. Mặt trận, tải đạn, sân cỏ, màu xanh. Những ý nghĩ ấy cứ ùa đến đầu tôi, hỗn độn quay cuồng. Tôi đứng dậy, mà vẫn chưa biết mình chọn lối đi nào cho đêm nay. Trên bầu trời những vì sao đã mọc chỉ chút, và thỉnh thoảng phảng phất một mùi hương của loại hoa sứ. Màu xanh của cỏ bây giờ đã biến thành một màu tối thẫm dưới hàng cây cổ thụ, nhưng ở giữa, đã trở nên vàng rực nhờ ánh đèn trong biệt điện. Tôi bỗng nhiên lặng người vì tôi thấy một người con gái trên thềm bước xuống sân cỏ. Tuy ở xa, nhưng tôi đoán nàng đẹp lắm vì tôi thấy ở dáng dấp nhỏ bé, mảnh mai của nàng, đã toát ra một cốt cách vô cùng quý phái và sang trọng. Nàng chừng như không biết tôi nằm xuống bãi cỏ mượt, và nhìn lên bầu trời, rồi khe khẽ khóc âm ỉ. Tiếng khóc của nàng dường như nói lên một vì sao côicút, lẻ loi cho đêm trường nghe. Tôi ẩn dưới

giàn hoa giấy, nín thở. Trong gió, tiếng khóc của nàng vẳng đến tôi, ẩn chứa một điều gì quá xa xót. Rồi, nàng đứng dậy, bước vào nhà. Còn tôi, tôi như một tên si dại nhất trần gian, đã tìm đến bãi cỏ chỗ nàng nằm, tôi nằm sấp và hít hà hơi hướm của một người con gái xa lạ. Tôi ngỡ da thịt nàng vẫn còn in trên cỏ, quyến luyến lấy da thịt tôi, trong đêm dậy hương. Bởi vì ở vương cổ thơm tho này, tôi đã tưới lên bao nhiêu điều khổ nhục nhất, nhưng hạnh phúc nhất.

Tôi không ngờ, đêm ấy là đêm tôi gặp mẹ tôi và em gái tôi một lần cuối cùng. Chiếc xe đồ chở hai người trở về quê, đã bị min, trên ngọn đèo giữa hai thành phố núi và biển vào sáng hôm sau. Hay tôi là một vì sao chổi cũng nên.

trần hoài thư

Ban mê thuật tháng 4-71

VĨNH LỘC

tàn cơn ác mộng

truyện dài

Tiếng muỗi va chạm lách cách trong ly. Cặp mắt già đàn ông không còn vằn máu. Khuôn mặt bây giờ trở lại hiền lành, trầm tĩnh như người đàn ông tóc bông trong khung ảnh.

— Tôi pha nước chanh cho Tâm uống già rượu... Uống đi em.

Nước lạnh làm Tâm tỉnh táo, nàng nhìn lặng lẽ khuôn mặt mà bão táp vừa tan. Sự im vắng của gian phòng chợt như xa lạ, hãi hùng. Nàng nghe lạnh từ hai bên vai như đang đứng ngoài trời đêm mịt mù, trên khoảng đồi hoang vắng cảm giác choáng váng khi rượu vừa ngấm và ánh sáng mờ ảo của ngọn đèn trao đi. Mùi khói thuốc cay nồng lẫn hơi thở dồn dập của gã đàn ông choán lấp tên khắp thân thể nàng.

Đứa nhỏ thức giấc trong bóng tối lạnh căm, nó quờ quạng sang khoảng trống bên cạnh, rồi như giữa cơn ác mộng, vùng trở dậy. Tiếng gà thừ nhất đánh thức mọi người trong ấp, buổi sáng mùa đông lọt lạt bên ngoài cửa sổ. Nền đất lạnh thấm vào từ gan bàn chân khiến nó rùng mình, khoảng khắc, đám sương mù trong tiềm thức nó tan biến. Như một thói quen nó quờ chân dưới phản tìm guốc đoạn gấp mền xếp lại gọn gàng cạnh hai chiếc gối.

— Mai mẹ sẽ đi Nha trang thăm cô Liễu. Con ở nhà ngoan,

chịu khó chăm học và đừng làm gì để cho ông nội và Di Út giận.

— Phải mẹ đi tìm ba ?

Câu hỏi ngây thơ đột ngột của đứa nhỏ khiến người đàn bà muốn sa nước mắt.

— Ba bận việc ở xa lắm nên còn lâu ba mới về. Bây giờ con hãy nghe mẹ dặn : Mai mẹ sẽ đi thật sớm. Mẹ đi một mình ra ga. Con ngủ giậy, mẹ để mấy củ khoai trên bàn, con lấy ăn xong rồi đi học. Con sẽ đi học một mình và trở về một mình. Con là con trai, con phải tập sống như người lớn. Ông nội có hỏi thì nói mẹ đi xa ít ngày. Con nhớ nhất là đừng có khóc phải tỏ ra can đảm...

Giọng người mẹ dịu dàng nhưng cương quyết, tuy một nét buồn còn phảng phất trên mặt. Đứa nhỏ nhìn mẹ dăm dăm, nó tìm bàn tay thân yêu mọi ngày nắm riết lấy và trong lòng linh cảm một điều gì buồn thật buồn. Buổi tối mẹ ngồi coi nó học bài, nó đọc giọng một mỗi rồi rạc bực vì nó còn đang nghĩ đến lén lút như một người tội đồ vậy ? Bên ngọn đèn hoa kỳ leo lét bóng người đàn bà vò vó in thành nét đậm trên bức vách, đứa nhỏ nhìn thấy, nhớ lại câu chuyện thiếu phụ Nam Xương, khi mẹ kể với giọng buồn rầu như là mẹ đang than thở một mình, khiến nó rơm rớm nước mắt.

Cuộc sống của mẹ trong gia đình không mấy sung sướng. Mẹ làm tất cả các công việc rơi đến tay. Buổi sáng mẹ giậy thật sớm lo đun nước pha trà cho ông nội, sửa soạn bữa ăn sáng của Di Út, rồi đến đàn gà, đàn heo. Khi đám gia nhân ào ào trở giậy thì mẹ lại phải theo rồi cất đặt công việc, mẹ đưa nó đi làm, trở về mẹ đi thu nợ, thu thóc, rồi làm giấy tờ cho đến bữa ăn trưa. Buổi trưa mẹ chỉ được nghỉ lưng vừa đủ để tiếp tục những công việc buổi chiều vất vả không kém gì lúc sáng. Mẹ đi đón nó về và buổi tối là giờ hạnh phúc nhất của hai mẹ con. Mẹ làm quần quật như một đứa ở, không một lời than vãn vì mẹ muốn cho nó được cái hãnh diện là không phải sống nhờ nơi người đàn bà đang tác yêu tác quái trong gia đình, là Di Út. Di Út lấy ông nội hỏi nào nó không hay. Nó chỉ nhớ mang máng khi

bà Trê chết được ít lâu thì ba không về thăm nhà nữa, ông cụ sống cô độc một thời gian rồi cuối cùng chịu hết nổi ông đem Di Út về. Di Út chỉ bằng tuổi mẹ, nhưng có giọng nói như chanh và hai con mắt lẳng lơ, gian xảo. Căn nhà có ba gian, Di chiếm một gian rộng mát nhất. Gian giữa là nhà thờ và nơi ông cụ giải quyết công việc trong ấp với sự giúp đỡ tận tụy của mẹ. Công việc trong nhà, Di Út không hề động đến móng tay, ngoài hai bữa cơm, Di nằm trong phòng riêng, làm những trò gì không biết nhưng có lẽ phần lớn chỉ để ngủ, như một con heo. Mẹ kể lúc chưa về nhà này Di còn là một đứa trẻ gái đen đúa, làm việc quần quật tối ngày. Bây giờ Di béo phây phây và bắt đầu biết tô son điểm phấn. Giữa Di Út và mẹ dường như có một mối hận học ngầm ngầm, nhưng dai dẳng, như thể hai người đàn bà lấy một chồng và người nọ đều ngày đêm cầu nguyện cho người kia một ngày nào đó bỗng bị bệnh mà lăn ra chết. Nhưng mẹ bảo Di Út có thừa uy thế để tổng cô mẹ con nó ra khỏi ấp, sở dĩ Di chịu thua vì mẹ là người cuối cùng và độc nhất mà ông nội tin cần ở trong nhà. Ông nội có thể chiều chuộng cô vợ nhỏ mọi điều trừ việc đưa cho cô ả xâu chìa khóa mà ông luôn luôn giắt trong mình như một vật bất khả ly thân.

Bây giờ thì mẹ đã đi rồi, có thể là mẹ đã thua. Nhớ lại một ngày nào đó mẹ bảo: Con có muốn ra thành phố với mẹ không?

Nhìn gương mặt võ vàng của mẹ, đứa trẻ thực thà nói:

— Con muốn lắm vì mẹ ở đây cực khổ, làm vất vả tối ngày.

Đáng lẽ ba phải về đem mẹ con mình đi..,

Tại sao trong cái gia đình này chỉ toàn những người thua thiệt, ngoài Di Út và ông cụ? Họ lần lượt bỏ đi, Cô Hai lập gia đình tận miền Nam xa lắc, Bác Ba vô lính nhảy dù, Bà nội thì đi thật xa, không bao giờ về nữa, sau đó đến lượt ba, ba coi gia đình như một chỗ để nghỉ chân, khi về thì chỉ được ít ngày là gây lộn để lại ra đi. Những người ấy đã gặp lại nhau trong một đám tang, họ xum họp trong một hoàn cảnh bất đắc dĩ. Những khuôn mặt thù hận đối diện.

Nó đương nhai miếng khoai nhặt nhẽo trong miệng thì có tiếng ông nội quát tháo sau lưng:

— Mẹ mày đâu?

Nó nhìn ông cụ trân chối và ngay lúc đó nhớ tới lời mẹ dặn, nó bình thần trả lời:

— Mẹ xin phép ông nội đi Nha Trang ít ngày...

Ông cụ bắt chén trà trên tay, sắc mặt đầy giận giữ:

— Ai cho phép mẹ mày đi? Bao nhiêu công việc của tao bây giờ để ai làm? Mẹ mày đi hồi nào?

— Dạ, đi hồi con còn ngủ.

— Mẹ con mày âm mưu gì với nhau phải không?

Thằng bé không chút sợ hãi. Nó không trả lời câu câu hỏi gay gắt đó, nhai nốt miếng khoai trong miệng, xốc cặp lên tay và nói với giọng hết sức lễ phép:

— Thưa ông nội cháu đi học.

Nó nghe sau lưng tiếng tách trà ném xuống đất vỡ tan và ông nội gầm lên như thú dữ.

— Bay đâu chạy mau ra ga gọi con Tư về đây cho tao.

Tiếng gia nhân dạ ran cùng lúc với đàn chó nhao nhao lên sủa. Bỗng nhiên nó bước thật mau ra cổng.

Đất còn ẩm hơi sương, mặt trời giẫy muộn, nhà ga từ phía xa thấp thoáng giữa lùm cây xanh và chân trời sẫm. Bây giờ nó chạy như hai chân có cánh, chiếc cặp da làm bên vai nó mới rã nhưng nó không nghe mệt vì nhà ga đang lại gần. Lạy Trời tàu đã chạy, cho mẹ đi được bình an. Đột nhiên vai nó đau nhói.

— Cậu Sinh, làm gì chạy quá vậy?

Nó tưởng nhìn thấy khuôn mặt dữ tợn của ông nội qua hình ảnh chú tá điền mà bàn tay gân guốc đang nắm chặt trên vai nó.

— Phải ông nội sai chú đi bắt mẹ tôi về không?

— Cậu đừng buồn. Ông cụ la um sùm tui tui phải làm bộ chạy đi, chứ giờ này làm gì có tàu bè quái gì mà ra ga cho mất công.

Thằng bé quệt vội mồ hôi trán sững sờ ngó anh Tăng.

— Vậy chứ mẹ tôi đi hồi nào?

— Cô đi bằng xe đò hồi sớm tinh rồi. Chính tôi ra đón xe cho cô mà.

Thấy thằng bé mặt buồn rầu, anh nông dân an ủi:

— Thôi, tôi đưa cậu đi học kẻo trễ giờ đến trường thầy giáo lại phạt không cho vô lớp, chừng về nhà ông cụ biết thì rầy lắm...

Bữa nay tôi không muốn đi học. Tôi cũng không muốn trở về nhà. Trông thấy Di Út chắc tôi sẽ giết Di.

Người đàn ông tròn mắt ngạc nhiên trước lời nói liều lĩnh, ngang tàng của thằng nhỏ

— Bậy, đừng có nói sàm cậu.

— Di Út làm lộng quá, chú không biết sao? Ba tôi đã phải bỏ đi, giờ đến mẹ tôi, có lẽ cũng đi. Ông nội cùng Di Út quá, nói gì cũng nghe, bắt mẹ tôi làm việc như đầy tớ...

Anh Tùng còn trẻ, vốn ngày trước đã phải lòng cô Út nhưng bây giờ thì anh hoàn toàn tuyệt vọng. Anh nhìn người con gái giầy thì mơn mớn mà có ngày anh đã giắt tay đi chơi và tỏ tình như chàng thuyền chài Trương Chi với cô My Nương trong cổ tích vậy. Nếu có một cuộc nổi loạn nào đó thì anh sẽ là người thứ nhất làm thịt ông cụ. Nhưng bây giờ anh đã khôn ngoan hơn. Anh nghĩ rằng với cuộc sống trác táng với tuổi già ông cụ cũng chẳng còn mấy hơi sức mà phục vụ cô vợ trẻ đa tình kia. Một ngày nào đó không xa cô Út sẽ trở lại với anh như một trái chín đến ngày rụng xuống tay vậy. Trong đám gia nhân người ta ghét Di Út bao nhiêu thì lại thương cô Tư bấy nhiêu. Cô không bao giờ ý thế quát mắng người làm, cô đối đãi với họ như người thân quyến, nợ nần chậm trả cô làm nơ, thức lúa tới mùa không đủ trả cô cũng nhận ít nhiều không hề đề đến tai ông cụ.

— Cô Tư đi chúng tôi cũng buồn lắm. Rủi mà ông cụ trao quyền thu phát cho Di Út thì thật là khổ nạn...

Anh Tùng đưa thang Sinh đến trường rồi mới trở về ấp. Buổi học hôm ấy nó không thấu vô được chữ nào. Thầy giáo phạt giằn thước kẻ lên tay nó cũng làm thính. Trí óc đương bận theo chuyển xe đồ buổi sớm. Nhưng nó nghĩ nhiều hơn đến nhà ga, người bán giấy với cặp kính trẻ xuống sống mũi ngồi sau khuôn ghi xê tò vò, tiếng còi tàu nơi sân ga rộn rịp và chuyển đi như một cuộc phiêu lưu thần tiên, kỳ thú.

Buổi trưa, vẫn người tá điền cũ đón nó về

— Bữa nay cô Út phải làm cơm cho ông cụ. Có cần nhân quá,

Nhắc đến bữa cơm, thằng nhỏ nghe đôi cõn cào nhưng nhớ lại câu chuyện lúc sáng, nó cương quyết bảo:

— Tôi không có ăn cơm của Di Út đâu,

— Thì cậu xuống nhà ăn với tôi. Nhưng chả biết ông cụ có chịu không...

Nó đi len lén vào nhà. Di Út đương bới cơm cho ông cụ mặt mũi di đỏ gay như vừa ở dưới bếp lên với những bụi than trên má. Ông cụ ngồi uống rượu làm lý. Di Út ngồi tiếp thức ăn. Di ăn ngon lành hơn mọi ngày có lẽ vì lâu lắm mới lại phải vất vả vì bếp núc.

— Thừa ông nội, cháu về.

Hai mắt ông cụ đỏ ngầu:

— Mày, xuống nhà ăn cơm đi, xong rồi lên đây tao hỏi câu chuyện...

Về mặt Di Út khinh khỉnh, đôi mắt giảo quyết nhìn nó như muốn ăn sống nuốt tươi.

— Ba tuổi ranh mà đã lì lợm. Mắt như rắn rảo. Nuôi cho lớn lên để ít nữa cãi lộn với ông cụ rồi bắt chước thằng bố, con mẹ bỏ nhà mà đi hết chịu...

Nếu là bố khi nghe được câu nhiếc đau đớn ấy, Di Út không khỏi ăn một bạt tai. Nhưng nó còn nhỏ quá để đương đầu với hai người thù một lúc, nhất là cây gậy của ông cụ lúc nào cũng ở dưới tay, ông cụ sừng lên chắc nó không khỏi nát xương.

— Thôi cậu ráng mà ăn cơm đi, hơi sức nào mà buồn. Ông cụ già đâu còn được mấy nổi...

Anh Tùng nói câu an ủi thẳng bẽ nhưng dường như cũng nói lên luôn thể những âm ức trong lòng mình. Đứa con gái đó bữa nay không còn nhìn anh với con mắt của một cô Mị Nương trên lầu cao với vọi. Cô lúi húi làm cơm bên cạnh anh, ngoan ngoãn như một người vợ hiền. Điều đáng tiếc là người đàn bà ấy lại làm bé một ông già đáng tuổi cha mình. Có một lúc Tùng làm bộ chạm tay mình vào tay cô Út để dò xét phản ứng, đôi mắt lả rầm liếc xéo sang gã đàn ông như một thoáng hẹn hò. Tùng nhìn theo thân hình nầy nở gợn thêm ấy, trong lòng đang

lên cùng một lúc với niềm chua xót, một ý muốn cưỡng đoạt bưng bưng.

Bữa cơm nhạt nhẽo cho hai thầy trò, nhưng mỗi người theo đuổi một ý nghĩ riêng tư. Thăng nhỏ bắt đầu nghĩ đến cây gậy và cuộc đối thoại hẳn học mà lát nữa nó phải đương đầu, lòng căm phẫn khiến nó nghẹn ngào muốn khóc.

— Ông cụ không có lý gì mà đánh đập cậu. Cậu cứ lên đi, tôi sẽ theo cậu.

— Tôi không sợ ông nội đập đầu, nếu ông đập tôi sẽ rời khỏi ấp Tân Trù này ngay lập tức...

Ông nội chưa hề đánh nó lần nào, nhưng nó đã từng chứng kiến cảnh ông đập ba nó, đập mẹ nó, đập tất cả những người nào không may chạm trán ông nhằm ngày ông khó ở trong mình hoặc là mẩy xấp gà trời bỗng lăn ra chết vì trở trời, hoặc vì hủ rượu thuốc ngâm không đúng vị lạt miệng, hay cô Út làm mình làm mẩy trong phòng riêng. Ông cụ đánh đập người ta như để giải tỏa những ẩn ức dồn nén đến độ phải bùng nổ. Nhưng ông cụ luôn luôn chừa thăng cháu đích tôn ngỗ nghịch là nó. Đường như ông không tìm được ra lý do nào để đập nó, vì ai lại đi hẳn học với một thằng nhỏ bao giờ?

Nó bình tĩnh đi lên nhà trên sau bữa cơm, một bữa ăn nhạt nhẽo nhất trong đời, với một anh gia nhân trong góc bếp. Mọi khi nó vẫn dùng cơm tại nhà ngang, những bữa ăn thanh đạm, nhưng ngon lành hai mẹ con ngồi bên nhau đầm ấm. Nhớ nhất là con đừng có khóc, con phải can đảm như người lớn. Ba ơi, con sẽ can đảm như ba, như mẹ. Con không sợ «họ»...

— Nay ông, xâu chìa khóa ông còn giữ trong túi không đấy?

Di Út mở đầu, khi thấy nó lên, với vẻ mặt lì lợm dễ ghét. Di tính đánh một đòn thật tàn nhẫn, thằng nhỏ bây giờ chỉ còn một mình, và địch thủ của Di đã thua cuộc. Ông cụ đã ngà ngà sau tuần rượu, mặt đỏ gay, hai mắt đục ngầu hung tợn, tưởng chừng như thú dữ sắp nhảy ra vồ lấy đứa nhỏ mà ăn tươi nuốt sống. Thăng nhỏ đứng khựng lại, hơi chột dạ vì sự áp đảo của hai khuôn mặt đàng đàng sát khí. Nó ngoi lại phía sau, anh Tùng không còn đó, có lẽ anh đang cố thu mình vào một góc cửa nào

đó. Nó đảo mắt tìm kiếm bóng dáng cây gậy nhưng không thấy. Bây giờ ông cụ uống trà, ông nhấp từng ngụm nhỏ, khoan thai. Ông không vội gì, thằng nhỏ còn đó, như một con chim khờ khạo trước tầm tên.

— Hừ, mẹ con nhà bay toàn một đồ vô ơn bạc nghĩa, Thăng cha bay thì chỉ những lúc nào nghèo mạt không còn đồng xu mới lại thấy mặt trở về. Tao nuôi tụi bay khác nào nuôi ong tay áo...

Giọng ông cụ hậm hực, chua chát nhưng tuyệt nhiên không một thoáng giận dữ nào.

— Tao hỏi thật mẹ mày có đem theo đồng nào của ông đi không?

Thằng bé buồn bã lắc đầu. Tiếng Di Út chanh chua:

— Tiền thu tiền phát trong tay mẹ nó, không lấy của ông cũng uống.

Rõ ràng là Di Út đương cố châm ngòi nổ. Nếu có cây gậy gần đó chắc chắn Di sẽ đưa vào tay ông cụ và hả hê ngồi chứng kiến trò tiêu khiển tàn nhẫn quen mắt mọi lần. Quả thật ông cụ không có lý do gì để đập thằng nhỏ. Đứa con dâu và cũng là con riêng của người vợ quá cố đã có một cuộc sống rất hăm hiu trong gia đình ông. Một chút xót xa nào đó ông còn dành cho nó, khi ông nghĩ rằng nó là người thân tín cuối cùng, một đứa con không biết phần nộ, hiền lành, ăn nhẩn, cam phận bên cạnh cuộc sống phóng túng, xa hoa và ích kỷ của ông. Nhìn con Tư ông hình dung đến người đàn bà đa tình đã đầu gối tay ấp cùng ông ngọt bầy tám năm trường, người đàn bà đã cho ông cái hạnh phúc bão táp nhưng khó quên. Trong một phút mệt mỏi cùng cực ông, một thoáng ân hận làm ông ngậm ngùi. Tuy nhiên ông vẫn lớn tiếng bảo thăng cháu:

— Bây giờ mày có định theo con mẹ mày đi luôn nữa thì bảo cho ông biết...

— Ôi dào, đồ rần rần, lì lợm ấy sớm muộn gì nó cũng theo mẹ nó, hơi sức nào mà hỏi nữa ông.

Anh Tùng hiện ra từ phía cửa, nhưng ông cụ không nhìn thấy vì ở một góc khác, vừa đủ để đối diện với vẻ giận dữ vừa chợt biến đổi của Di Út.

— Mày nghĩ sao, thằng Sinh ?

Câu hỏi không còn giọng gay gắt mà chợt ôn tồn, hiền hòa như một nít giữ dịu dàng. Thằng nhỏ cúi đầu, một nỗi buồn chợt dâng lên mi mắt :

— Cháu ở lại nhà với ông nội.

— Ừ, như thế thì ngoan. Lại đây ông bảo... Ở với ông thì phải học hành chăm chỉ, chớ có lười biếng hoang đàng như thằng cha mày...

Di Út đương bận liếc sáo anh Tưng. Dĩ đã bắt đầu chán trò chơi mà di đang định khơi mào khi nấy. Một ngày nào đó, người con trai vạm vỡ kia sẽ đem lại cho Di những bông hoa nồng nàn của mùa hạ trước. Ý nghĩ ngoại tình đang dậy lên những cảm giác thêm thường, nồn nả cuộn cuộn dâng như những đợt không dứt thủy triều.

(còn nữa)

vĩnh lộc